

**UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THCS AN PHÚ
TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI**

Số: 01 /KH-AP-KXHX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI

Năm học 2021 - 2022

I. Đặc điểm tình hình

1. Tình hình HS trường.

- Số lớp: Khối 6: 6 lớp- 205 HS, số HS nữ là 100 HS.
- Số lớp: Khối 7: 9 lớp- 313 HS, số HS nữ là 140 HS.
- Số lớp: Khối 8: 8 lớp- 305 HS, số HS nữ là 145 HS.
- Số lớp: Khối 9: 7 lớp- 256 HS, số HS nữ là 129 HS.

Toàn trường có 30 lớp với tổng số HS là 1079, số HS nữ là 516 HS

2. Tình hình đội ngũ trong tổ: Số giáo viên:8 .; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 1 giáo viên Đại học:6 giáo viên;
Trên đại học:1 giáo viên

STT	Họ Tên Giáo Viên	Trình độ chuyên môn	Phân công chuyên môn	Điện thoại liên lạc
1	Hồ Thị Nghĩa	Đại học	Dạy môn Lịch sử khối 8,9 CN	0979737610

			Lớp 8A5 – Tổ trưởng BDHSG Lịch sử 9	
	Nguyễn Thị Kiều Diễm	Cao đẳng	Dạy môn Lịch sử Địa lí khối 6, Lịch sử khối 7	0946601174
3	Vũ Thanh Bắc	Đại học	Nghỉ hộ sản từ tháng 8/2021	0909094796
4	Huỳnh Thảo Uyên	Đại học	CN 6A3, GD CD 6 lớp 6, 2 lớp 8 (8ATH, 8B), 7 Lớp 9. Phụ trách CNTT trường, mạng lưới chuyên môn quận.	0983157615
5	Lê Thị Thùy Thương	Đại học	CN 7A2, GD CD 9 lớp 7, 6 lớp 8 (8A1, 8A2, 8A3, 8A4, 8A5, 8A6).	0934148882
6	Mai Trần Thị Hồng Vân	Thạc sĩ	CN 8A2, Địa lí lớp 8 (8A2) 7 lớp 9, BD HSG Địa lí 9 .	0937262678
7	Nguyễn Thị Hoài	Đại học	CN 8A3, LS-ĐL 3 lớp 6 (6A1, 6A2, 6B), Địa lí lớp 8 (8ATH, 8A1, 8A3, 8A4, 8A5, 8A6, 8B), Tổ trưởng công đoàn tổ KHXH.	0983747703
8	Bùi Thị Kim Ngọc		Địa lí lớp 7 :9 lớp, Lịch Sử	0939177744

			9: 1 lớp .	
--	--	--	------------	--

3. Thiết bị dạy học: *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

STT	Thiết bị dạy học	Khối	Địa điểm dạy học	Ghi chú
1	SGK,Máy tính, giáo án điện tử và hình ảnh dữ liệu từ internet...	6	Dạy học online qua internet	
2	SGK,Máy tính giáo án điện tử và hình ảnh dữ liệu từ internet....	7	Dạy học online qua internet	
3	SGK,Máy tính, giáo án điện tử và hình ảnh dữ liệu từ internet...	8	Dạy học online qua internet	
4	SGK,Máy tính, giáo án điện tử và hình ảnh dữ liệu từ internet...	9	Dạy học online qua internet	

3. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bài tập: Không có.

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng bộ môn	00		Chưa có
2	Phòng đa năng	01	Dạy các tiết chủ đề, chuyên đề	GV đăng kí sử dụng

3	Phòng ĐDDH	01	Lưu giữ ĐDDH	GV kí mượn - trả
---	------------	----	--------------	------------------

II. Kế hoạch dạy học (theo khối lớp) (hoặc đưa theo dạng phụ lục từng khối)

A. MÔN LỊCH SỬ.

1. Phân phối chương trình (khung chương trình):

(thực hiện ở phần phụ lục đính kèm)

2. Chuyên đề hoặc thao giảng cấp TP:

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Đơn vị thực hiện
1	Vận dụng phương pháp tích hợp liên môn nhằm phát huy hứng thú của học sinh trong học online.	2	Giáo viên cần nắm rõ nội dung cần tích hợp trong mỗi bài dạy . Giáo viên cần thành thạo các kỹ năng trong soạn thảo Powerpoint và sử dụng các phần mềm để hỗ trợ.		10/2021	THCS Ngô Chí Quốc – KV3
2	Những vấn đề cần chú trọng	2	Giáo viên nắm rõ các bước xác định		11/2021	THCS Hoa Lư – KV2

	trong soạn kế hoạch bài dạy theo Thông tư 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020		mục tiêu bài học. Giáo viên nắm rõ cấu trúc của kế hoạch dạy học theo Thông tư 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020			
3	Thao giảng tiết học Địa lí 6	2	Giáo viên nắm cách thức tổ chức tiết dạy theo văn bản 5555	Giáo dục bảo vệ môi trường du lịch văn hóa.	11/2021	THCS Hoa Lư – KV2
4	Một số biện pháp dạy hiệu quả phân môn Lịch sử trong Chương trình GDPT mới	2	Thực trạng và một số biện pháp để dạy hiệu quả phân môn Lịch sử trong Chương trình GDPT mới		3/2022	THCS Nguyễn Thị Định – KV1

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	-Khối 6: 60 – 90 phút -Khối 7, 8,	Tuần 9	-Khối 6: + Phân môn Sử: Bài 1 – 9 + Phân môn Địa: Bài 1 – 4	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính):

	9: 45 phút		Tỉ lệ: Sử 70%, Địa 30% -Khối 7: Bài 1 – Bài 11 -Khối 8: Bài 1 – Bài 8 -Khối 9: Chủ đề 1, 2	-Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận
Cuối Học kỳ 1	- Khối 6: 60 – 90 phút -Khối 7, 8, 9: 45 phút (theo chỉ đạo của Sở)	Tuần 18	-Khối 6: + Phân môn Sử: Bài 1 – 17 + Phân môn Địa: Bài 1 – 9 Tỉ lệ: Sử 70%, Địa 30% -Khối 7: bài 1 – Bài 18 -Khối 8: Bài 1- Bài 22 -Khối 9: Chủ đề 1, 2, 3, 4, 5	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận (theo chỉ đạo của Sở)
Giữa Học kỳ 2	-Khối 6: 60 – 90 phút -Khối 7, 8, 9: 45 phút	Tuần 7	-Khối 6: + Phân môn Sử: Bài 18, 19 (tiết 1) + Phân môn Địa: Bài 1 – 9 Tỉ lệ: Sử 30%, Địa 70% -Khối 7: Bài 19 - 25 -Khối 8: bài 24- bài 26 -Khối 9: Chủ đề 6, 7 (Việt	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận

			Nam từ năm 1946 đến năm 1954)	
Cuối Học kỳ 2	-Khối 6: 60 – 90 phút -Khối 7, 8, 9: 45 phút (theo chỉ đạo của Sở)	Tuần 17	-Khối 6: + Phân môn Sử: Bài 18- 21 + Phân môn Địa: Bài 10 – 22 Tỉ lệ: Sử 30%, Địa 70% -Khối 7: bài 19 – 18 + LSĐP -Khối 8: Bài 24- Bài 30 + LSĐP -Khối 9: Chủ đề 6, 7, 8 + LSĐP	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận (theo chỉ đạo của Sở)

Phụ lục I
KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC BỘ MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ- KHỐI LỚP 6
(Năm học 2021 - 2022)

105 tiết/35 tuần (Sử: 47 tiết; Địa: 46 tiết; KTĐG: 12 tiết)

HKI: 18 tuần (Sử: 2 tiết/tuần – Địa: 1 tiết/tuần)

HKII: 17 tuần (Sử: 1 tiết/tuần – Địa: 2 tiết/tuần)

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép Hướng dẫn thực hiện trong điều kiện phòng, chống Covid-19 (VB4040 của Bộ) (4)
PHÂN MÔN LỊCH SỬ				
1	Chương 1: Tại sao cần học Lịch sử Bài 1. Lịch sử là gì?	2	- Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử. - <i>Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.</i> - <i>Giải thích được vì sao cần thiết phải học môn Lịch sử.</i> - Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết,...).	- <i>Học sinh tự học</i> - <i>Chỉ yêu cầu học sinh nêu được sự cần thiết phải học môn Lịch sử.</i> - <i>Chỉ yêu cầu học sinh tập trung vào khái niệm và giá trị của tư liệu truyền miệng, tư liệu hiện vật, tư liệu chữ viết để giúp phân biệt được các nguồn sử</i>

				<i>liệu.</i>
	Bài 2. Thời gian trong lịch sử	1	- Biết được một số khái niệm và cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,...	
2	Chương 2: Thời nguyên thủy Bài 3. Nguồn gốc loài người	2	- Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hóa từ vượn thành người trên Trái Đất. - Xác định được các dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á. - Kể tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam.	- <i>Học sinh tự học</i>
	Bài 4. Xã hội nguyên thủy	2	- Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy. - Trình bày được những nét chính về đời sống của người nguyên thủy (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,...) - Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người. - Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.	- <i>Học sinh tự học</i> - Chỉ yêu cầu học sinh tập trung nêu được đôi nét chính về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.

	Bài 5. Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp	2	- Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp. - Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp. - Giải thích được vì sao xã hội nguyên thủy tan rã. - Mô tả và giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông. - Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun)	- Chỉ yêu cầu học sinh trình bày quá trình phát hiện ra kim loại. - Chỉ yêu cầu học sinh trình bày được vai trò của phát hiện ra kim loại nó đối với - Học sinh tự học
3	Chương 3: Xã hội cổ đại			
	Bài 6. Ai Cập cổ đại	2	- Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập. - Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập. - Kể tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hóa ở Ai Cập.	- Học sinh tự học
	Bài 7. Lưỡng Hà cổ đại	1	- Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Lưỡng Hà. - Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người người Lưỡng Hà. - Kể tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn	

			hóa ở Lưỡng Hà.	
Bài 8. Ấn Độ cổ đại	2		- <i>Giới thiệu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng.</i> - Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ. - Nêu được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ.	- <i>Học sinh tự học</i>
Bài 9. Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII	2		- <i>Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại.</i> - Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng. - Xây dựng được đường thời gian từ đế chế Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy. - Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc.	- <i>Học sinh tự học</i>
Ôn tập chương 2, 3	1			
Kiểm tra giữa học kì I	1			
Bài 10. Hy Lạp cổ đại	2		- Giới thiệu và nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp.	- <i>Chỉ yêu cầu học sinh nêu tác động về điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo)</i>

			- Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang ở Hy Lạp. - Nêu được một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp.	<i>đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp và La Mã.</i>
	Bài 11. La Mã cổ đại	1	- Giới thiệu và nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh La Mã. - Trình bày được tổ chức nhà nước đế chế ở La Mã. - Nêu được một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của La Mã.	
4	Chương 4: Đông Nam Á từ những thế kỉ tiếp giáp công nguyên đến thế kỉ X	2	- <i>Trình bày sơ lược về vị trí địa lí của vùng Đông Nam Á.</i> - Trình bày được quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII. - Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X ở Đông Nam Á.	- <i>Học sinh tự học</i>
	Bài 12. Các vương quốc cổ ở Đông Nam Á			
	Bài 13. Giao lưu thương mại và văn hoá ở Đông	2	- <i>Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á</i>	- <i>Học sinh tự học</i>

	Nam Á mười thế kỉ đầu Công nguyên		<i>từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X</i>	
5	Chương 5: Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII TCN đến đầu thế kỉ X Bài 14. Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc	3	- Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên bản đồ hoặc lược đồ. - Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.	
	Bài 15. Đời sống của người Việt thời kì Văn Lang, Âu Lạc	2	Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc	
	Bài 16. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của Giao Châu - An Nam thời Bắc thuộc	2	- Nêu được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc. - Nhận biết được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hóa ở Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc.	- <i>Chỉ yêu cầu học sinh tập trung nêu ngắn gọn một số chính sách cai trị chủ yếu của phong kiến phương Bắc.</i>
	Bài 17. Đấu tranh bảo tồn và phát	2	- Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hóa và bảo vệ bản sắc văn hóa của nhân dân	

triển văn hoá dân tộc thời Bắc thuộc		Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc.	
Ôn tập	1		
Kiểm tra cuối học kì I	1		
Bài 18. Các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X	5	- Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa. - Trình bày được những diễn biến chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu. - Nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu. - Lập được biểu đồ, sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.	<i>Chỉ yêu cầu học sinh kể tên được các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu, sau đó tùy địa phương tập trung trình bày một cuộc khởi nghĩa tiêu biểu có liên quan hoặc diễn ra tại địa phương; hoặc lựa chọn một cuộc khởi nghĩa tiêu biểu để trình bày.</i>
Bài 19. Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X (tiết 1)	3	- <i>Trình bày được những nét chính về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.</i> - Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền. - Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.	<i>- Học sinh tự học</i>
Ôn tập	1		

	Kiểm tra giữa học kì II	1		
	Bài 19. Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X (tiết 2, 3)		- Trình bày được những nét chính về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương. - Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền. - Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.	
	Bài 20. Vương quốc cổ Champa từ thế kỉ II đến thế kỉ X	3	- Mô tả được sự thành lập và quá trình phát triển của nước Cham Pa. - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Champa. - Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Cham Pa.	<i>- Chỉ yêu cầu học sinh mô tả được sự thành lập của Champa</i>
	Bài 21. Vương quốc cổ Phù Nam	3	- Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam. - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam. - Nhận biết được một số thành tựu văn hóa của Phù Nam.	<i>- Chỉ yêu cầu học sinh mô tả được sự thành lập của Phù Nam.</i>
	Ôn tập chương 5	1	Hệ thống các kiến thức cơ bản của chương	

6	Ôn tập cuối kì	1		
	Kiểm tra cuối học kì II	1		
PHÂN MÔN ĐỊA LÍ				
7	Bài mở đầu – tại sao cần học Địa lí?	1	- <i>Hiểu được tầm qua trọng của việc nắm vững các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và sinh hoạt.</i> - Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú mà môn địa lí mang lại. - Nêu được vai trò của địa lí trong cuộc sống, có cái nhìn khách qua về thế giới quan và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống	- <i>Học sinh tự học</i>
8	Bài 1. Hệ thống kinh, vĩ tuyến và toạ độ địa lí (tiết 1)	2	- Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu; ghi được toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ. - <i>Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới.</i>	- <i>Học sinh tự học</i>
9	Bài 2: Kí hiệu và chú giải trên một số bản đồ thông dụng	2	- Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.	
10	Bài 3: Tìm đường đi trên bản đồ	2	- Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.	

			- Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.	
11	Bài 4: Lược đồ trí nhớ	1	<i>Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với học sinh.</i>	- Học sinh tự học
12	Ôn tập chương 1	1		
13	Kiểm tra giữa học kì I			
14	Bài 5: Vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời. Hình dạng, kích thước của Trái Đất	1	- <i>Biết được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời: vị trí, tương quan với các hành tinh khác,...</i> - Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất.	- Học sinh tự học
15	Bài 6: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả	1	Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất trên mô hình Quả địa cầu.	
16	Bài 7: Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả	2	- Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời: hướng, thời gian,... - Trình bày được các hệ quả do chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời	
17	Bài 8 :Thực hành xác định phương hướng ngoài thực	1	<i>- Xác định được phương hướng ngoài thực tế dựa vào la bàn hoặc quan sát các hiện tượng tự nhiên</i>	- Học sinh tự học

	tế			
18	Ôn tập chương 2	1		
19	Bài 9: Cấu tạo của Trái Đất. Động đất và núi lửa	2	- Trình bày được cấu tạo của Trái Đất - Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau. - Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân của hiện tượng này. - <i>Biết tìm kiếm thông tin về các thảm họa thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra.</i>	- Học sinh tự học
20	Ôn tập	1		
21	Kiểm tra cuối học kì I	1		
22	Bài 10: Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Các dạng địa hình chính. Khoáng sản	3	- Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh. - Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi. - Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất.	
23	Bài 11: Thực hành đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn	2	- Khái niệm khoáng sản, mỏ khoáng sản. - Kể được tên một số loại khoáng sản. - Giá trị của các loại khoáng sản	

	và lát cắt địa hình đơn giản		- Chuẩn bị được các điều kiện cho bài thực hành - Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn - Đọc được lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản	
24	Bài 12: Lớp vỏ khí. Khối khí, khí áp và gió trên Trái Đất	3	- Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất. - Biết cách sử dụng khí áp kế. - Có ý thức bảo vệ bầu khí quyển và lớp ô-dôn	
25	Bài 13. Thời tiết và khí hậu. Các đới khí hậu trên Trái Đất	3	- Nguồn cung cấp của nhiệt độ không khí. - Thiết bị đo nhiệt độ không khí - Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ. - <i>Mô tả được hiện tượng hình thành mây và mưa.</i> - Biết sử dụng nhiệt kế và ẩm kế. - Phân biệt thời tiết và khí hậu. - Trình bày được khái quát đặc điểm của một đới khí hậu.	- Học sinh tự học
26	Ôn tập chương 3,4	1		
27	Ôn tập	1		
28	Kiểm tra giữa học kì II	1		

29	Bài 14: Biến đổi khí hậu và Ứng phó với biến đổi khí hậu	3	- <i>Nêu được nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả, giải pháp của biến đổi khí hậu.</i> - Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	
30	Bài 15: Thực hành về nhiệt độ và lượng mưa	2	- Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa. - Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới	
31	Bài 16: Thủy quyển. Vòng tuần hoàn nước. Nước ngầm, băng hà	3	- Kể tên được các thành phần chủ yếu của thủy quyển. - <i>Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.</i> - Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà - Có ý thức sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên nước	- Học sinh tự học
32	Bài 17: Sông và hồ	2	- Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn, mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông. - <i>Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ</i>	- Học sinh tự học
33	Bài 18: Biển và đại dương	2	- Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới. - <i>Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ, độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.</i> - Trình bày được các hiện tượng sóng, thủy triều, dòng biển.	- Học sinh tự học
34	Bài 19: Lớp đất và các nhân tố hình thành đất. Một số nhóm đất điển hình	1	- Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất. - Đặc điểm của các tầng đất. - Trình bày được một số nhân tố hình thành đất. - Kể được tên một số nhóm đất điển hình trên thế giới.	

			- Xác định được trên bản đồ một số nhóm đất ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.	
35	Bài 20: Sinh vật và sự phân bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất. Rừng nhiệt đới	1	- Mô tả sự đa dạng của thế giới sinh vật - Nhắc lại được các đới thiên nhiên trên thế giới. - Rừng nhiệt đới.	
36	Bài 21: Thực hành tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương	1	- <i>Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.</i> - Quan sát, ghi chép để hoàn thành tốt bài báo cáo của cá nhân, của nhóm. - Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên.	- <i>Học sinh tự học</i>
36	Bài 22: Dân số và phân bố dân cư		- Biết được số dân trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới. - Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới. - Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới	
38	Bài 23: Con người và thiên nhiên	1	- Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người. - Trình bày được những tác động chủ yếu của con người tới thiên nhiên Trái Đất - Trình bày được các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên mà các em có thể làm được	
39	Bài 24: Thực	1	- Biết được mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên ở địa phương.	

	hành tác động của con người đến thiên nhiên		Biết những điều kiện cần chuẩn bị cho tiết thực hành. - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương	
40	Ôn tập chương 5	1		
41	Ôn tập cuối kì	1		
42	Kiểm tra cuối học kì II	1		

Kiểm tra, đánh giá định kì

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60 phút	Tuần 9	- Tỷ lệ: Sử 70%, Địa 30% - Biết được cách tính thời gian trong lịch sử. - Kể tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam. - Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy. - Giải thích được vì sao xã hội nguyên thủy tan rã. - Kể tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hóa ở Ai Cập. - Nêu được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ. - Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc.	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận

			- Hiểu và phân biệt được sự khác nhau giữa kinh tuyến và vĩ tuyến, giữa kinh độ và kinh tuyến, giữa vĩ độ và vĩ tuyến. - Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình. -Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ. -Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ. - Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.	
Cuối Học kỳ 1	60 phút	Tuần 18	- Tỉ lệ: Sử 70%, Địa 30% - Trình bày được những nét chính về đời sống của người nguyên thủy (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,...) - Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ. - Nêu được một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của La Mã. - Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc. - Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hóa và bảo vệ bản sắc văn hóa của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. - Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất. - Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất trên mô hình quả địa cầu - Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời: hướng, thời gian,... - Trình bày được các hệ quả do chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận (theo chỉ đạo của Sở)

			- Trình bày được cấu tạo của Trái Đất - Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau.	
Giữa Học kỳ 2	60 phút	Tuần 7	- Tỷ lệ: Sử 30%, Địa 70% - Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa. - Kể tên được các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu. - Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh. - Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi. - Kể được tên một số loại khoáng sản. - Đọc lược đồ địa hình tỷ lệ lớn - Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất. - Nguồn cung cấp của nhiệt độ không khí. - Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận
Cuối Học kỳ 2	60 phút	Tuần 17	- Tỷ lệ: Sử 30%, Địa 70% - Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa. - Kể tên được các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu. - Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền. - Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận

		- Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Cham Pa. - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam. - Nhận biết được một số thành tựu văn hóa của Phù Nam. - Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. - Kể tên được các thành phần chủ yếu của thủy quyển. - Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà - Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên nước - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn, mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông. - Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất. - Xác định được trên bản đồ một số nhóm đất ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới. - Mô tả sự đa dạng của thế giới sinh vật - Biết được số dân trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới. - Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới. - Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới. - Trình bày được các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên mà các em có thể làm được	(theo chỉ đạo của Sở)
--	--	---	-----------------------

Phụ lục II
KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN, KHỐI LỚP 7

(Năm học 2021 - 2022)

Cả năm: 35 tuần (70 tiết)

HK1: 18 tuần (36 tiết)

HK2: 17 tuần (34 tiết)

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép Hướng dẫn thực hiện trong điều kiện phòng, chống Covid-19 (VB4040 của Bộ) 4)
LỊCH SỬ THẾ GIỚI				
	Chủ đề 1: Xã hội phong kiến châu Âu Bài 1. Sự hình thành và phát triển của xã hội phong kiến ở châu Âu	1	-Trình bày sự ra đời xã hội phong kiến ở châu Âu. -Hiểu biết sơ giản về thành thị trung đại: sự ra đời, các quan hệ kinh tế, sự hình thành tầng lớp thị dân.	Mục 1. Tập trung vào sự thành lập các vương quốc mới của người Giéc man trên đất của đế quốc Rô Ma đã tan rã và sự hình thành quan hệ sản xuất phong kiến ở châu Âu. Mục 2. Tập trung vào khái niệm lãnh địa và đặc điểm chính kinh tế lãnh địa. Mục 3. Học sinh tự học

	Bài 2. Sự suy vong của chế độ phong kiến và sự hình thành chủ nghĩa tư bản ở châu Âu	1	-Biết được nguyên nhân, trình bày được những cuộc phát kiến địa lí lớn và ý nghĩa của chúng. -Trình bày được sự hình thành của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu.	Mục 2. Học sinh tự học
	Bài 3. Cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản chống phong kiến thời hậu kì trung đại ở châu Âu	1	-Hiểu được nguyên nhân, trình bày được khái niệm, nội dung và ý nghĩa của phong trào Văn hóa phục hưng. -Trình bày được phong trào Cải cách tôn giáo. -Nêu được nguyên nhân, diễn biến và ý nghĩa của cuộc chiến tranh nông dân Đức.	Cả bài: Học sinh tự đọc
2	Chủ đề 2: XHPK phương Đông Bài 4. Trung Quốc thời phong kiến	2	-Biết được nét nổi bật của tình hình chính trị Trung Quốc thời phong kiến. -Biết được những nét chủ yếu về tình hình kinh tế Trung Quốc qua các triều đại phong kiến. -Trình bày được những thành tựu tiêu biểu nhất về văn hóa của Trung Quốc thời phong kiến.	Mục 1: Chỉ tập trung vào sự hình thành quan hệ sản xuất phong kiến ở Trung Quốc. Mục 4. Trung Quốc thời Tống – Nguyên: Học sinh tự đọc
	Bài 5. Ấn Độ thời phong kiến Mục 1. Những trang sử đầu tiên: Không dạy	1	-Trình bày được những nét chính về Ấn Độ thời phong kiến. -Biết được Ấn Độ có nền văn hóa lâu đời, là một trong những trung tâm văn minh lớn	Mục 1: Học sinh tự đọc Mục 2: Hướng dẫn học sinh lập bảng niên biểu

			của loài người, đạt được nhiều thành tựu.	
	Bài 6. Các quốc gia phong kiến Đông Nam Á	2	-Xác định được vị trí, điểm chung nổi bật về điều kiện tự nhiên của các nước ĐNÁ. -Trình bày được sự hình thành các quốc gia ở ĐNÁ. -Trình bày được những nét chính về Vương quốc Cam-pu-chia và Vương quốc Lào.	Mục 1. Sự hình thành các vương quốc chính ở Đông Nam Á: Tập trung vào sự ra đời những quốc gia cổ đại 10 thế kỉ đầu sau Công nguyên Mục 2. Sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á: Hướng dẫn học sinh lập bảng niên biểu Mục 3. Vương quốc Campuchia và Mục 4. Vương quốc Lào: Học sinh tự học
3	Bài 7. Những nét chung về xã hội phong kiến	1	-Biết so sánh về quá trình hình thành và phát triển của xã hội phong kiến ở các nước phương Đông và phương Tây để rút ra những điểm khác biệt. -Trình bày được nét chính về cơ sở kinh tế - xã hội của chế độ phong kiến.	
4	Làm bài tập lịch sử	1		
5	Chủ đề 3: Buổi đầu độc lập thời Ngô – Đinh – Tiền Lê Bài 8. Nước ta buổi đầu độc lập		-Trình bày được sự ra đời và tổ chức nhà nước của các triều đại Ngô -Biết được công lao của Ngô Quyền, Đinh	-Mục 1 và mục 2: Gộp thành Mục 1: Nước ta dưới thời Ngô - Học sinh tự tham khảo danh sách 12 sứ quân

		1	Bộ Lĩnh	
	Bài 9. Nước Đại Cồ Việt thời Đinh - Tiền Lê	2	-Trình bày được sự ra đời và tổ chức nhà nước của các triều đại Đinh-Tiền Lê. +Đời sống kinh tế: quyền sở hữu ruộng đất, khai hoang,... +Về xã hội: các giai tầng trong xã hội. -Công lao của Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn. -Biết trình bày cuộc kháng chiến chống Tống lần 1 theo lược đồ.	Mục II.1. Bước đầu xây dựng nền kinh tế tự chủ: Chỉ tập trung vào nông nghiệp và đúc tiền Mục II.2. Đời sống xã hội văn hóa : HS tự học.
6	Chủ đề 4: Nước Đại Việt thời Lý (thế kỉ XI – đầu thế kỉ XIII) Bài 10. Nhà Lý đẩy mạnh công cuộc xây dựng đất nước	1	-Trình bày sơ lược bối cảnh ra đời của nhà Lý, việc dời đô ra Thăng Long và tổ chức bộ máy nhà nước thời Lý. -Biết được những nét chính về luật pháp và quân đội; chính sách đối nội, đối ngoại thời Lý.	-Mục 1. Sự thành lập nhà Lý: Chỉ tập trung vào 3 sự kiện: nhà Lý ra đời, dời đô và đổi tên nước. -Mục 2. Luật pháp và quân đội: Chỉ cần nêu được sự kiện ra đời bộ luật Hình thư; tập trung vào quân đội (tổ chức và chính sách)
	Bài 11. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075-1077)	2	-Biết được âm mưu xâm lược Đại Việt của nhà Tống. -Hiểu được nhà Lý đứng trước âm mưu xâm lược của nhà Tống đã chủ động chuẩn	Mục I. Giai đoạn thứ nhất (1075): Chỉ tập trung vào sự kiện chủ động tấn công để tự vệ của Lý Thường Kiệt và ý nghĩa của sự kiện đó.

			bị kháng chiến ra sao. -Biết miêu tả, hiểu được tác dụng của phòng tuyến trên sông Như Nguyệt; ghi nhớ những nét chính về cuộc tấn công xâm lược nước ta của nhà Tống và cuộc kháng chiến chống Tống của quân dân nhà Lý.	
	Làm bài tập lịch sử	1		
	Kiểm tra giữa kì	1		
	Bài 12. Đời sống kinh tế, văn hóa	2	-Trình bày được những chuyển biến về kinh tế và văn hóa thời Lý.	Mục I. Đời sống kinh tế: Học sinh tự học Mục II. 1. Những thay đổi về mặt xã hội: Học sinh tự học
7	Chủ đề 5: Đại Việt dưới thời nhà Trần Bài 13. Nước Đại Việt ở thế kỉ XIII	2	-Biết được bối cảnh thành lập triều đại nhà Trần. -Biết được những nét chính về tổ chức bộ máy nhà nước thời Trần. -Biết được những nét chính về luật pháp thời Trần. -Trình bày được nét chính về sự phục hồi và phát triển kinh tế thời Trần.	Có thể bố cục lại như sau: Mục I. Sự thành lập nhà Trần và sự củng cố chế độ phong kiến tập quyền. Tập trung vào các nội dung: - Nêu được thời gian nhà Trần thay thế nhà Lý - Vẽ được sơ đồ bộ máy nhà nước dưới thời Trần - Nêu được tên bộ luật được ban hành dưới thời Trần
	Bài 14. Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên (thế kỉ XIII)	5	-Biết được sức mạnh quân sự của quân Mông-Nguyên và quyết tâm xâm lược Đại Việt của chúng.	

			-Trình bày được những nét chính về diễn biến ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông-Nguyên của nhà Trần. -Hiểu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông-Nguyên.	Mục II. Các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm dưới thời Trần. Tập trung vào các nội dung: - Lập được bảng thống kê theo ý chính (cuộc kháng chiến lần..., âm mưu xâm lược của Mông Cổ/nhà Nguyên, chuẩn bị kháng chiến của nhà Trần, các chiến thắng tiêu biểu, kết quả). -Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa của 3 lần kháng chiến Mục III. Tình hình kinh tế, văn hóa thời Trần. - Chỉ cần nêu được nổi bật về nông nghiệp và thương nghiệp - Nêu được nét chính về giáo dục và sự ra đời của Quốc sử viện, Đại Việt sử kí toàn thư.
	Bài 15. Sự phát triển kinh tế và văn hóa	2	-Trình bày được những nét chính sự phát triển kinh tế, văn hóa thời Trần.	
8	Bài 16. Sự suy sụp của nhà Trần cuối thế kỉ XIV	2	-Biết được tình hình kinh tế cuối thời Trần. -Trình bày được những cuộc khởi nghĩa nông dân nửa cuối thế kỉ XIV. -Trình bày được sự thành lập nhà Hồ và những cải cách của Hồ Quý Ly.	Mục I. Tình hình kinh tế - xã hội: Học sinh tự học
9	Bài 17. Ôn tập chương II và		Cả bài	Tự đọc

	chương III			
	Bài 18. Cuộc kháng chiến của nhà Hồ và phong trào khởi nghĩa chống quân Minh ở đầu thế kỉ XV	1	-Trình bày được cuộc xâm lược của nhà Minh và cuộc kháng chiến của nhà Hồ. -Trình bày được chính sách cai trị của nhà Minh đối với nước ta. -Trình bày được những nét chính diễn biến của các cuộc khởi nghĩa của quý tộc Trần.	
10	Làm bài tập lịch sử	1		
11	Ôn tập	2		
12	Kiểm tra cuối kì I	1		
HKII 13	Chủ đề 6: Nước Đại Việt đầu TK XV. Thời Lê sơ Bài 19. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427)	3	-Biết được nét chính về Lê Lợi và Nguyễn Trãi. -Lập niên biểu và tường thuật được diễn biến của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn trên bản đồ. -Hiểu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử.	Sắp xếp, cấu trúc lại nội dung các mục của bài thành ba nội dung chính như sau: 1. Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa 2. Diễn biến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. (Chỉ lập bảng thống kê các sự kiện tiêu biểu, tập trung vào trận Tốt Động - Chúc Động và trận Chi Lăng- Xương Giang) 3. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử

	Bài 20. Nước Đại Việt thời Lê sơ (1428 - 1527)	4	-Trình bày được tổ chức bộ máy chính quyền thời Lê sơ. -Biết được về tổ chức quân đội thời Lê sơ. -Trình bày được nét nổi bật về luật pháp thời Lê sơ. -Biết được tình hình kinh tế nước ta thời Lê. -Biết được nét chính về tình hình các giai cấp, tầng lớp trong xã hội. -Trình bày được những chính sách của nhà nước và sự phát triển của văn hóa, giáo dục, văn học, khoa học và nghệ thuật.	- Mục II. Tình hình kinh tế - xã hội: Chỉ tập trung vào tình hình kinh tế. - Mục III. Tình hình văn hóa, giáo dục: Tập trung vào tình hình giáo dục và thi cử - Mục IV. Một số danh nhân văn hóa xuất sắc của dân tộc: Học sinh tự học
14	Bài 21. Ôn tập chương IV		Cả bài	Học sinh tự đọc
15	Chủ đề 7: Nước Đại Việt ở các thế kỉ XVI – XVIII Bài 22. Sự suy yếu của nhà nước phong kiến tập quyền(thế kỉ XVI - XVIII)	2	-Biết được tình hình triều đình nhà Lê. -Biết được nguyên nhân, trình bày được diễn biến, kết quả các cuộc khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài. -Biết được nguyên nhân hình thành Nam – Bắc triều, diễn biến và hậu quả của cuộc chiến tranh. -Biết được nguyên nhân dẫn tới sự phân tranh Trịnh – Nguyễn, diễn biến và hậu quả của cuộc chiến tranh.	Mục I. Tình hình chính trị - xã hội: Chỉ tập trung vào nguyên nhân và ý nghĩa phong trào nông dân đầu thế kỉ XVI

Bài 23. Kinh tế, văn hóa thế kỉ XVI – XVIII	2	-Trình bày tổng quát bức tranh kinh tế cả nước. -Trình bày được nét chính về tình hình văn hóa ở các thế kỉ XVI – XVII. Chú ý nêu được những điểm mới về mặt tư tưởng, tôn giáo và văn học, nghệ thuật.	-Mục I. Kinh tế: Chỉ nêu khái quát nét chính về kinh tế để thấy được điểm mới so với giai đoạn trước -Mục II. 3 Văn học và nghệ thuật dân gian: Chỉ tập trung vào nghệ thuật dân gian
Bài 24. Khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài thế kỉ XVIII	1	-Biết được những biểu hiện về đời sống khổ cực của nông dân và giải thích nguyên nhân của hiện trạng đó. -Biết xác định những nơi diễn ra các cuộc khởi nghĩa và trình bày được diễn biến chính.	Mục 2. Những cuộc khởi nghĩa lớn: Hướng dẫn học sinh lập bảng thống kê các cuộc khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài
Bài 25. Phong trào Tây Sơn	4	-Biết được nguyên nhân bùng nổ khởi nghĩa Tây Sơn. -Biết lập niên biểu và trình bày tiến trình của cuộc khởi nghĩa. -Kể tên được một số nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn. -Đánh giá những cống hiến của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc.	-Mục I.1 và mục I.2: tích hợp thành 1 mục: Khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ: Tập trung nêu bật nguyên nhân và sự bùng nổ cuộc khởi nghĩa. -Mục II. Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Nguyễn và đánh tan quân xâm lược Xiêm, mục III. Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Trịnh, mục IV. Tây Sơn đánh tan quân Thanh: Hướng dẫn học sinh lập bảng thống kê các chiến thắng lớn theo tiến trình (thời gian, các thắng lợi tiêu biểu,

				kết quả)
16	Ôn tập	1		
17	Kiểm tra giữa kì	1		
18	Bài 26. Quang Trung xây dựng đất nước	2	-Trình bày những việc làm chính của Quang Trung về kinh tế, chính trị, văn hóa. -Nêu được tác dụng những việc làm của Quang Trung. -Lập bảng tóm tắt những công lao chính của Quang Trung.	Cả bài: Học sinh tự học
19	Chủ đề 8: Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX Bài 27. Chế độ phong kiến nhà Nguyễn	2	-Trình bày được việc nhà Nguyễn lập lại chế độ phong kiến tập quyền. -Biết được các chính sách về kinh tế của nhà Nguyễn và tác động của nó tới tình hình chính trị và kinh tế của xã hội Việt Nam ở nửa đầu thế kỉ XIX. -Biết được nguyên nhân và trình bày được những nét chính về các cuộc nổi dậy của nông dân, ý nghĩa của các cuộc nổi dậy.	Mục II. Các cuộc nổi dậy của nhân dân: Hướng dẫn học sinh lập bảng thống kê
	Bài 28. Sự phát triển của văn hóa dân tộc cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX	4	-Sự phát triển của văn hóa dân tộc thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX: +Những tác phẩm văn học, nghệ thuật,	-Mục I.1.Văn học: Học sinh tự học -Mục I.2. Nghệ thuật: Chỉ tập trung vào kiến trúc

			công trình tiêu biểu trong thời kì này: tác giả, nội dung chủ yếu, giá trị. +Những thành tựu về giáo dục, khoa học-kĩ thuật; một số tác giả, tác phẩm chủ yếu.	-Mục II. Giáo dục, khoa học - kĩ thuật: Hướng dẫn học sinh lập bảng thống kê các thành tựu tiêu biểu
20	Lịch sử địa phương	3	Vùng đất Sài Gòn thời Nguyễn: - Kinh tế - Chính trị - Văn hóa, giáo dục	
21	Chủ đề 9: Tổng kết			
	Bài 29. Ôn tập chương V và chương VI		Cả bài	Học sinh tự học
	Bài 30. Tổng kết		Cả bài	Học sinh tự đọc
22	Làm bài tập lịch sử (phần chương V và chương VI)	2		
23	Ôn tập	2		
24	Kiểm tra cuối kì II	1		

 **Kiểm tra, đánh giá định kì**

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	-Trình bày sự ra đời xã hội phong kiến ở châu Âu. -Biết được nguyên nhân, trình bày được những cuộc phát kiến địa lí lớn và ý nghĩa của chúng. -Trình bày được những thành tựu tiêu biểu nhất về văn hóa của Trung Quốc thời phong kiến. -Xác định được vị trí, điểm chung nổi bật về điều kiện tự nhiên của các nước ĐNÁ. -Trình bày được sự hình thành các quốc gia ở ĐNÁ. -Biết so sánh về quá trình hình thành và phát triển của xã hội phong kiến ở các nước phương Đông và phương Tây. -Biết được công lao của Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh Trình bày sơ lược bối cảnh ra đời của nhà Lý, việc dời đô ra Thăng Long. -Biết được những nét chính về luật pháp và quân đội; -Hiểu được nhà Lý đứng trước âm mưu xâm lược của nhà Tống đã chủ động chuẩn bị kháng chiến ra sao.	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận
Cuối Học kỳ 1	45 phút (theo chỉ đạo của Sở)	Tuần 18	-Trình bày được sự hình thành các quốc gia ở ĐNÁ. -Biết được công lao của Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn. Trình bày sơ lược bối cảnh ra đời của nhà Lý, việc dời đô ra Thăng Long . -Biết được những nét chính về luật pháp và quân đội.	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm.

			-Biết được những nét chính về luật pháp thời Trần. -Trình bày được những nét chính về diễn biến ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông-Nguyên của nhà Trần. -Hiểu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông-Nguyên. -Trình bày được sự thành lập nhà Hồ và những cải cách của Hồ Quý Ly.	-Tự luận (theo chỉ đạo của Sở)
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 7	-Lập niên biểu và tường thuật được diễn biến của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. -Hiểu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. - Trình bày được tổ chức bộ máy chính quyền thời Lê sơ. -Biết được về tổ chức quân đội thời Lê sơ. -Trình bày được nét nổi bật về luật pháp thời Lê sơ. -Biết được tình hình kinh tế nước ta thời Lê. -Trình bày được những chính sách của nhà nước giáo dục và thi cử. -Biết được nguyên nhân hình thành Nam – Bắc triều, diễn biến và hậu quả của cuộc chiến tranh. -Biết được nguyên nhân dẫn tới sự phân tranh Trịnh – Nguyễn, diễn biến và hậu quả của cuộc chiến tranh. -Biết lập niên biểu và trình bày tiến trình của phong trào Tây Sơn -Đánh giá những cống hiến của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc. -Kể tên được một số nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn.	- Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận

Cuối Học kỳ 2	45 phút (theo chỉ đạo của Sở)	Tuần 17	-Hiểu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Biết được về tổ chức quân đội thời Lê sơ. -Trình bày được nét nổi bật về luật pháp thời Lê sơ. -Biết được tình hình kinh tế nước ta thời Lê. Trình bày được những chính sách của nhà nước giáo dục và thi cử. -Trình bày tổng quát bức tranh kinh tế cả nước XVI – XVIII. -Biết lập niên biểu và trình bày tiến trình của phong trào Tây Sơn -Đánh giá những cống hiến của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc. -Biết được các chính sách về kinh tế của nhà Nguyễn và tác động của nó tới tình hình chính trị và kinh tế của xã hội Việt Nam ở nửa đầu thế kỉ XIX. -Lịch sử địa phương Tp.HCM	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận (theo chỉ đạo của Sở)
------------------	--	------------	---	---

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN, KHỐI LỚP 8

(Năm học 2021 - 2022)

Cả năm: 52 tiết/35 tuần

HK1: 18 tuần (35 tiết)

HK2: 17 tuần (17 tiết)

STT	BÀI HỌC	SỐ TIẾT	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	Nội dung tích hợp/lồng ghép Hướng dẫn thực hiện trong điều kiện phòng, chống Covid-19 (VB4040 của Bộ)
1	Phần 1. Lịch sử thế giới Chương I. Thời kì xác lập của chủ nghĩa tư bản (từ thế kỉ XVI đến nửa sau thế kỉ XIX) Bài 1. Những cuộc cách mạng tư sản đầu tiên.	3	-Nhận biết những chuyển biến lớn về kinh tế, chính trị, xã hội ở châu Âu trong các thế kỷ XVI-XVII - Mâu thuẫn ngày càng sâu sắc giữa lực lượng sản xuất mới- TBCN với chế độ phong kiến, từ đó thấy được cuộc đấu tranh giữa tư sản và quý tộc phong kiến tất yếu nổ ra. - Cách mạng Hà Lan – cuộc cách mạng tư sản đầu tiên. - CMTS Anh TK XVII. Ý nghĩa lịch sử và hạn chế - Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ mang tính chất một cuộc CMTS. Sự ra đời của Hợp chủng quốc Mỹ- nhà nước tư	-Mục II. Cách mạng tư sản Anh: - Chỉ tập trung vào nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa của cuộc cách mạng. Diễn biến: Lập được bảng niên biểu các sự kiện tiêu biểu. Mục III. Chiến tranh giành độc lập của các nước thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ: - Chỉ tập trung vào nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa của cuộc Chiến tranh giành độc lập. Diễn biến: Lập được bảng niên

			sản	biểu các sự kiện tiêu biểu
2	Bài 2. Cách mạng tư sản Pháp (1789 -1794)	2	-HS hiểu được vai trò của cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng dẫn đến sự phát triển đi lên của CMTS Pháp -Lập được bảng niên biểu các sự kiện chính, nêu được sự phát triển đi lên của cách mạng. - Ý nghĩa lịch sử của CMTS Pháp cuối thế kỉ XVIII	-Mục I.3 Đấu tranh trên mặt trận tư tưởng: Tập trung vai trò của cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng. Mục II. Cách mạng bùng nổ và Mục III. Sự phát triển của cách mạng: Hướng dẫn học sinh lập niên biểu các sự kiện chính. Nêu được phát triển của cách mạng
3	Bài 3. Chủ nghĩa tư bản được xác lập trên phạm vi thế giới	2	- Biết được một số phát minh lớn cách mạng công nghiệp, hệ quả cách mạng công nghiệp. Biết được sự bành trướng của các nước tư bản ở các nước Á, Phi - HS biết sử dụng kênh hình SGK. Biết phân tích sự kiện để rút ra kết luận, nhận định, liên hệ thực tế.	-Mục I.2 Cách mạng công nghiệp ở Pháp, Đức: Học sinh tự đọc Mục II. 1 Các cuộc cách mạng tư sản thế kỉ XIX: Học sinh tự đọc
4	Chủ đề. Phong trào công nhân cuối thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX	4	- Biết được một số nét chính về sự ra đời của giai cấp công nhân gắn liền với sự phát triển của CNTB. Tình cảnh của giai cấp công nhân - Biết được một số nét chính về những cuộc đấu tranh tiêu biểu của giai cấp công nhân trong những năm 30 – 40 của thế kỉ XX - Biết được một số nét chính về Mác – Ăngghen và sự ra đời của CNXHKKH. Những hoạt động cách mạng đóng góp to lớn của 2 ông đối	- Tích hợp với bài 4 và mục I.2 bài 7 thành một chủ đề: Phong trào công nhân cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX. Cấu trúc thành các nội dung: 1. Nguyên nhân 2. Các cuộc tranh tiêu biểu (phá máy,

			với phong trào công nhân quốc tế - Năm được đôi nét về Lênin và việc thành lập Đảng vô sản kiểu mới ở Nga. Nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của cách mạng Nga 1905 – 1907	đốt công xưởng, khởi nghĩa ở Pháp, Đức, cách mạng Nga 1905 – 1907 chỉ cần lập bảng niên biểu các sự kiện chính) 3. Sự ra đời chủ nghĩa Mác và các tổ chức Quốc tế
5	Chương II. Các nước Âu Mĩ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX Bài 5. Công xã Pari 1871	1	- Nhận biết về hoàn cảnh ra đời của Công xã Pa-ri; những nét chính về cuộc diễn biến ngày 18 – 03 – 1971 và sự ra đời của công xã Pa- ri. Ý nghĩa lịch sử của Công xã. - Vận dụng khả năng trình bày, phân tích đánh giá một sự kiện lịch sử. -Sưu tầm, phân tích tài liệu tham khảo có liên quan đến bài học, liên hệ kiến thức đã học với cuộc sống hàng ngày.	- Mục II. Tổ chức bộ máy và chính sách của Công xã Pa-ri: Học sinh tự học - Mục III. Nội chiến ở Pháp. Ý nghĩa lịch sử của công xã Pa-ri: Chỉ tập trung vào ý nghĩa lịch sử
6	Bài 6. Các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.	2	- Những nét chính về các nước A,P,Đ,M: + Sự phát triển nhanh chóng về kinh tế + Những đặc điểm về chính trị, xã hội + Chính sách bành trướng và xâm lược, tranh giành thuộc địa - HS nâng cao nhận thức về bản chất của chủ	Mục II. Chuyển biến quan trọng của các nước đế quốc: Học sinh tự đọc

			nghĩa tư bản..	
7	Bài 8. Chủ đề: Sự phát triển của kỹ thuật, khoa học, văn học và nghệ thuật thế kỷ XVIII-XIX	2	- Giúp HS nắm được những thành tựu trong thế kỷ XVIII – XIX về: + Kỹ thuật + Khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - Rèn luyện kỹ năng tìm hiểu, phát hiện, kỹ năng học tập theo nhóm - Giáo dục ý thức học tập chủ động, sáng tạo	Tích hợp với bài 22 thành một Chủ đề: Sự phát triển khoa học, kỹ thuật, văn hóa thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XX
8	Ôn tập chương 1, 2	1	- củng cố thêm kiến thức cho học sinh sau các bài đã học thông qua hệ thống câu hỏi và bài tập. - Nhận thức rõ bản chất của CNTB. Giáo dục tinh thần yêu nước và yêu thích học tập môn lịch sử. - Rèn luyện các loại kỹ năng lịch sử, lập bảng thống kê, phân tích, nhận xét các sự kiện.	
9	Kiểm tra giữa kì I	1		
10	Chương III. Châu Á giữa thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XX Bài 9. Ấn Độ thế kỉ XVIII-đầu XIX	1	- Giải thích được vì sao cuối thế kỷ XIX –đầu thế kỉ XX chủ nghĩa thực dân Phương Tây ồ ạt xâm chiếm các nước châu Á - Giới thiệu tình hình Ấn Độ trước sự xâm lược của các nước Phương Tây - Quan sát lược đồ, lập bảng biểu, nhận xét	Mục II. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Ấn Độ: Chủ yếu nêu tên, hình thức phong trào đấu tranh

			đánh giá - Căm ghét chế độ thực dân, có thái độ trân trọng các phong trào đấu tranh chống thực dân của nhân dân lao động	tiêu biểu và ý nghĩa của phong trào
11	Bài 10. Trung Quốc giữa thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX	1	- Giới thiệu tình hình Trung Quốc trước sự xâm lược của các nước Phương Tây - Quan sát lược đồ, lập bảng biểu, nhận xét đánh giá - Căm ghét chế độ thực dân, có thái độ trân trọng các phong trào đấu tranh chống thực dân của nhân dân lao động	- Mục II: Hướng dẫn Hs lập niên biểu - Mục III. Cách mạng Tân Hợi (1911): Tập trung vào nguyên nhân, kết quả và ý nghĩa
12	Bài 11. Các nước ĐNÁ cuối thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX	1	- Giới thiệu sơ lược về một số nước Đông Nam Á trước sự xâm lược của các nước Phương Tây - Quan sát lược đồ, lập bảng biểu, nhận xét đánh giá - Căm ghét chế độ thực dân, có thái độ trân trọng các phong trào đấu tranh chống thực dân của nhân dân lao động	- Mục II. Tập trung vào quy mô, hình thức đấu tranh chủ yếu, nêu nguyên nhân thất bại
13	Bài 12. Nhật Bản giữa thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX	1	- Giới thiệu sơ lược về Nhật Bản trước sự xâm lược của các nước Phương Tây - Giải thích được vì sao Nhật Bản không bị các nước tư bản phương Tây xâm lược - Trình bày nội dung chính, ý nghĩa cuộc Duy Tân Minh Trị	Mục III. Cuộc đấu tranh của nhân dân lao động Nhật Bản: Học sinh tự học

			-Biết những biểu hiện của sự hình thành CNDQ ở Nhật Bản cuối Tk XIX- đầu TK XX	
14	Chương IV. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) Bài 13. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918)	2	- Chiến tranh thế giới thứ nhất là cách giải quyết mâu thuẫn giữa các nước đế quốc, vì bản chất của các nước đế quốc là gây chiến tranh xâm lược. Các giai đoạn của cuộc chiến tranh. Hậu quả của chiến tranh. - Phân biệt được khái niệm "chiến tranh đế quốc", "chiến tranh chính nghĩa", "chiến tranh phi nghĩa". Biết trình bày diễn biến cơ bản của chiến tranh trên bản đồ thế giới. - Giáo dục tinh thần đấu tranh chống chiến tranh đế quốc, bảo vệ hoà bình ủng hộ đấu tranh của nhân dân các nước vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.	
15	Bài 14. Ôn tập lịch sử thế giới cận đại (từ giữa thế kỉ XVI đến 1917)		Cả bài	HS tự học
16	LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI Chương I. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở			

	Liên Xô” (1921 - 1941) Bài 15. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng (1917 - 1921).	2	- Biết được tình hình kinh tế-xã hội nước Nga trước cách mạng - Trình bày được những nét chính về diễn biến, kết quả, ý nghĩa Cách mạng tháng Mười năm 1917	-Mục I. Hai cuộc cách mạng ở nước Nga năm 1917: Tập trung vào hoàn cảnh và những sự kiện tiêu biểu. - Mục II.2. Chống thù trong giặc ngoài: Học sinh tự đọc
17	Bài 16. Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921 - 1941).	1	- Vì sao nước Nga Xô viết phải thực hiện chính sách kinh tế mới. Nội dung chủ yếu và tác dụng của nó - Những thành tựu chính của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ năm 1925-1941	- Mục I. Chính sách kinh tế mới và công cuộc khôi phục kinh tế (1921 – 1925): Tập trung vào chính sách kinh tế mới - Mục II: Tập trung nêu được thành tựu chính công cuộc xây dựng XHCN ở Liên Xô - Đưa mục II của bài 22 thành mục III. Nền văn hóa Xô viết hình thành và phát triển
18	Chương II. Châu Âu và nước Mĩ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939) Bài 17. Châu Âu giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939).	1	- Những nét khái quát về tình hình châu Âu trong những năm 1918-1939. - Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) và tác động đối với châu Âu; nguyên nhân, diễn biến chính, hậu quả - CNPX thắng lợi ở một số nước, nguy cơ chiến tranh thế giới mới	- Mục I.2 Cao trào cách mạng 1918 – 1923. Quốc tế Cộng sản: Tích hợp với bài 4 và bài 7 thành chủ đề: Phong trào công nhân cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX - Mục II.2 Phong trào Mặt trận nhân dân chống chủ nghĩa phát xít và chống chiến

				tranh 1929 - 1939: Học sinh tự đọc
19	Bài 18. Nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939)	1	- Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế và nguyên nhân của sự phát triển đó. - Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933) và “Chính sách mới” nhằm đưa nước Mỹ thoát khỏi khủng hoảng.	Mục I. Nước Mỹ trong thập niên 20 của thế kỉ XX: Chỉ tập trung vào kinh tế
20	Chương III. Châu Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939) Bài 19. Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939).	1	Những nét khái quát về tình hình kinh tế- xã hội Nhật Bản sau CTTG I, quá trình “phát xít hóa” ở Nhật Bản và những hậu quả của nó	Mục I. Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ nhất: Chỉ tập trung vào kinh tế
21	Bài 20. Phong trào độc lập dân tộc ở châu Á (1918 - 1939).	1	- Những nét chung về phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á; PTCM ở Trung Quốc và PTGPDT ở Đông Nam Á : + Diễn biến + Sự tham gia của giai cấp công nhân + Sự thành lập các Đảng Cộng sản	Cấu trúc lại thành 2 mục: - Mục 1: Những nét chung về phong trào độc lập dân tộc ở châu Á (1918-1939) - Mục 2. Một số cuộc đấu tranh tiêu biểu (Lập niên biểu 1 sự kiện tiêu biểu ở Trung Quốc, Ấn Độ, Indonexia)
22	Chương IV. Chiến tranh thế giới thứ hai			

	(1939 - 1945) Bài 21. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945).	2	- Những nét chính về quá trình dẫn đến chiến tranh: nguyên nhân chiến tranh - Trình bày sơ lược về mặt trận ở châu Âu và mặt trận Thái Bình Dương: chiến tranh bùng nổ ở châu Âu, lan nhanh ra khắp thế giới; LX tham gia mặt trận chống phát xít, làm cho tính chất chiến tranh thay đổi; những trận chiến lớn, chiến tranh kết thúc - Hậu quả CTTG II	Mục II. Hướng dẫn HS lập niên biểu diễn biến chiến tranh
23	Bài 23. Ôn tập lịch sử thế giới hiện đại (1917-1945). HS tự đọc		Cả bài	Học sinh tự học
24	Ôn tập	1		
25	Kiểm tra học kì 1	1		
26	Phần hai. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1918 Bài 24. Cuộc kháng chiến từ năm 1858 đến năm 1873.	2	- Biết nguyên nhân thực dân Pháp xâm lược nước ta. - Phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân ta. - Đánh giá thái độ và trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn trong việc để mất ba tỉnh	Cả bài: Không dạy quá trình xâm lược của thực dân Pháp, chỉ tập trung vào các cuộc kháng chiến tiêu biểu từ 1858 – 1873

			miền Tây. - Các hình thức đấu tranh phong phú của phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Nam Kỳ.	
27	Bài 25. Kháng chiến lan rộng ra toàn quốc (1873 - 1884).	2	- Âm mưu của thực dân Pháp sau khi chiếm được Nam Kỳ, chuẩn bị đánh chiếm Bắc Kỳ - Thái độ của triều đình Huế trước việc thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ - Sự chống trả quyết liệt của quân dân Hà Nội và các địa phương khác ở Bắc Kỳ trước cuộc tấn công của thực dân Pháp - Những điểm chính của Hiệp ước 1883 và 1884	Cả bài: Tập trung vào sự kiện tiêu biểu, những diễn biến chính, tập trung vào cuộc kháng chiến ở Hà Nội (1873 - 1882)
28	Bài 26. Phong trào kháng Pháp trong những năm cuối thế kỉ XIX.	2	- Việc phân hóa trong triều đình Huế từ sau Hiệp ước 1884: phe chủ chiến và phe chủ hòa. - Cuộc phản công ở kinh thành Huế của phái chủ chiến (1885) - Những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của phong trào Cần Vương: khởi nghĩa Ba Đình, khởi nghĩa Bãi Sậy, khởi nghĩa Hương Khê	-Mục I.1 Cuộc phản công của quân Pháp của phái chủ chiến ở Huế tháng 7-1885: Chỉ cần nêu được sự kiện 5-7-1885 và tích hợp thành 1 nội dung hoàn cảnh phong trào Cần Vương ở mục 2 - Mục II Những cuộc khởi nghĩa lớn của phong trào Cần Vương: Hướng dẫn học sinh lập niên biểu các phong trào tiêu biểu của phong trào Cần Vương

29	Kiểm tra giữa kì II	1		
30	Bài 27. Khởi nghĩa Yên Thế và phong trào chống Pháp của đồng bào miền núi cuối thế kỉ XIX.2	1	Khởi nghĩa Yên Thế: + Nguyên nhân bùng nổ + Lập niên biểu các giai đoạn phát triển + Nguyên nhân thất bại	Mục I. Khởi nghĩa Yên Thế: - Nêu được nguyên nhân bùng nổ cuộc khởi nghĩa - Lập niên biểu các các giai đoạn phát triển của khởi nghĩa - Rút ra được nguyên nhân thất bại Mục II. Phong trào chống Pháp của đồng bào miền núi: Học sinh tự đọc
31	Bài 28. Trào lưu cải cách Duy tân ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX	1	- Nguyên nhân dẫn đến phong trào cải cách duy tân ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX -Nội dung cải cách duy tân và nguyên nhân vì sao những cải cách này không được thực hiện .- Ý nghĩa cải cách duy tân - Giáo dục cho HS thấy rõ: Đây là một hiện tượng mới của lịch sử Việt Nam, thể hiện khía cạnh của lòng yêu nước. Khâm phục lòng dũng cảm, cương trực thẳng thắn và thận trọng những đề xướng cải cách của các nhà duy tân nửa cuối thế kỉ XIX, muốn tạo ra thực lực	Mục I. Tình hình Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX: Học sinh tự học

			chống ngoại xâm	
32	Lịch sử địa phương- Sài Gòn trong giai đoạn chống thực dân Pháp (1859 -1954)	1	HS hiểu và nắm được: - Quá trình Thực dân Pháp đánh chiếm Sài Gòn - Phong trào đấu tranh chống Pháp ở Sài Gòn. - Những biến đổi kinh tế, chính trị, xã hội của Sài Gòn cuối thế kỉ XIX.	
33	Chủ đề. Những chuyển biến kinh tế xã hội ở Việt Nam và phong trào yêu nước chống Pháp từ đầu thế kỷ XX đến năm 1918	5	- Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp - Những chuyển biến về kinh tế, xã hội ở Việt Nam - Phong trào yêu nước chống Pháp từ đầu TK XX đến năm 1918	-Cả bài : Tích hợp với bài 30 thành một chủ đề: Những chuyển biến kinh tế xã hội ở Việt Nam và phong trào yêu nước chống Pháp từ đầu thế kỉ XX đến năm 1918, với các nội dung như sau: 1. Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp 2. Những chuyển biến kinh tế xã hội ở Việt Nam 3. Hoạt động yêu nước từ đầu thế kỉ XX đến

				năm 1918 -Bài 30 - Mục II.1 Chính sách của thực dân Pháp ở Đông Dương trong thời chiến: Học sinh tự học
34	Bài 31. Ôn tập Lịch sử Việt Nam (từ năm 1858 đến năm 1918)			Cả bài: HS tự học
35	Ôn tập	1		
36	Kiểm tra học kì II	1		

Kiểm tra, đánh giá định kì:

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	Nhận biết những chuyển biến lớn về kinh tế, chính trị, xã hội ở châu Âu trong các thế kỷ XVI-XVII, từ đó thấy được cuộc đấu tranh giữa tư sản và quý tộc phong kiến tất yếu nổ ra. -Lập được bảng niên biểu các sự kiện chính, nêu được sự phát triển đi lên của cách mạng. - Ý nghĩa lịch sử của CMTS Pháp cuối thế kỉ XVIII - Biết được một số phát minh lớn cách mạng công nghiệp, hệ quả cách mạng công nghiệp. Biết được sự bành trướng của các nước tư bản ở các	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận

			nước Á, Phi - Biết được một số nét chính về những cuộc đấu tranh tiêu biểu của giai cấp công nhân trong những năm 30 – 40 của thế kỉ XX - Nhận biết về hoàn cảnh ra đời của Công xã Pa-ri; những nét chính về cuộc diễn biến ngày 18 – 03 – 1971 và sự ra đời của công xã Pa- ri. Ý nghĩa lịch sử của Công xã. - Những nét chính về các nước A,P,Đ,M + Sự phát triển nhanh chóng về kinh tế + Những đặc điểm về chính trị, xã hội + Chính sách bành trướng và xâm lược , tranh giành thuộc địa - Nắm được những thành tựu trong thế kỷ XVIII – XIX về : + Kỹ thuật + Khoa học tự nhiên và khoa học xã hội	
Cuối Học kỳ 1	45 phút (theo chỉ đạo của Sở)	Tuần 18	- Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ mang tính chất một cuộc CMTS. Sự ra đời của Hợp chủng quốc Mỹ- nhà nước tư sản. -HS hiểu được vai trò của cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng dẫn đến sự phát triển đi lên của CMTS Pháp - Ý nghĩa lịch sử của CMTS Pháp cuối thế kỉ XVIII - Nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của cách mạng Nga 1905 – 1907. - Giải thích được vì sao cuối thế kỷ XIX –đầu thế kỉ XX chủ nghĩa thực dân Phương Tây ồ ạt xâm chiếm các nước châu Á	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận (theo chỉ đạo của Sở)

			- Giới thiệu tình hình Trung Quốc trước sự xâm lược của các nước Phương Tây - Lập bảng biểu, nhận xét đánh giá về các cuộc đấu tranh ở Trung Quốc cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX. - Lập bảng biểu, nhận xét đánh giá về các cuộc đấu tranh ở các nước Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX. - Giải thích được vì sao Nhật Bản không bị các nước tư bản phương Tây xâm lược - Trình bày nội dung chính, ý nghĩa cuộc Duy Tân Minh Trị - Biết được nguyên nhân, hậu quả của chiến tranh thế giới thứ nhất. - Trình bày được những nét chính về diễn biến, kết quả, ý nghĩa Cách mạng tháng Mười năm 1917 - Vì sao nước Nga Xô viết phải thực hiện chính sách kinh tế mới. Nội dung chủ yếu và tác dụng của nó. - Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933) và “Chính sách mới” nhằm đưa nước Mỹ thoát khỏi khủng hoảng. - Những nét chung về phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á; PTCTM ở Trung Quốc và PTGPDT ở Đông Nam Á : + Diễn biến + Sự tham gia của giai cấp công nhân + Sự thành lập các Đảng Cộng sản	
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 7	- Biết nguyên nhân thực dân Pháp xâm lược nước ta. - Phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân ta. - Đánh giá thái độ và trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn trong việc đề	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính):

			mất ba tỉnh miền Tây. - Các hình thức đấu tranh phong phú của phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Nam Kỳ. - Sự chống trả quyết liệt của quân dân Hà Nội và các địa phương khác ở Bắc Kỳ trước cuộc tấn công của thực dân Pháp - Những điểm chính của Hiệp ước 1883 và 1884 - Việc phân hóa trong triều đình Huế từ sau Hiệp ước 1884: phe chủ chiến và phe chủ hòa. - Cuộc phản công ở kinh thành Huế của phái chủ chiến (1885) - Những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của phong trào Cần Vương: khởi nghĩa Ba Đình, khởi nghĩa Bãi Sậy, khởi nghĩa Hương Khê.	-Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận
Cuối Học kỳ 2	45 phút (theo chỉ đạo của Sở)	Tuần 17	- Biết nguyên nhân thực dân Pháp xâm lược nước ta. - Phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân ta. - Những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của phong trào Cần Vương: khởi nghĩa Ba Đình, khởi nghĩa Bãi Sậy, khởi nghĩa Hương Khê. - Khởi nghĩa Yên Thế: + Nguyên nhân bùng nổ + Lập niên biểu các giai đoạn phát triển + Nguyên nhân thất bại -Nội dung cải cách duy tân và nguyên nhân vì sao những cải cách này không được thực hiện .- Ý nghĩa cải cách duy tân	Kiểm tra viết: -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận (theo chỉ đạo của Sở)

			- Phong trào đấu tranh chống Pháp ở Sài Gòn. - Những biến đổi kinh tế ,chính trị,xã hội của Sài Gòn cuối thế kỉ XIX. - Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp - Những chuyển biến về kinh tế, xã hội ở Việt Nam - Phong trào yêu nước chống Pháp từ đầu TK XX đến năm 1918	
--	--	--	--	--

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN, KHỐI LỚP 9

(Năm học 2021 - 2022)

Cả năm: 52 tiết/35 tuần

HK1: 18 tuần (18 tiết)

HK2: 17 tuần (34 tiết)

(Lịch sử thế giới: 14 tiết, Lịch sử Việt Nam: 30 tiết)

Kiểm tra định kì: 6 tiết

Lịch sử địa phương: 2 tiết)

Stt	Chủ đề	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Nội dung tích hợp/lồng ghép Hướng dẫn thực hiện trong điều kiện phòng, chống Covid-19 (VB4040 của Bộ)
LỊCH SỬ THẾ GIỚI				

1	Chủ đề 1: Liên Xô và các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945-nay) (2 tiết)	1.1. Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945	- Nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập. - Trình bày được những thành tựu và chỉ ra được hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.	Đã dạy ở lớp 8.
		1.2. Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 (1 tiết)	- Biết được tình hình Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 qua hai giai đoạn: + Giai đoạn từ năm 1945 đến giữa những năm 70 thế kỉ XX: • Liên Xô : Công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945-1950). Những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội. • Các nước Đông Âu : Thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân và cuộc CM DCND ở các nước Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và những thành tựu chính + Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX : giai đoạn khủng hoảng dẫn đến sự tan rã của Liên Xô và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu + Sự hình thành hệ thống XHCN	(HS tự học). (Tập trung hệ quả của cuộc khủng hoảng, Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu). (Chỉ cần nêu được sự kiện thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va và ý nghĩa của nó)

		1.3. Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay (1 tiết)	Nêu được tình hình chính trị, kinh tế ở Liên bang Nga từ 1991 đến 2000.	
2	Chủ đề 2: Các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ năm 1945 đến nay (7 tiết)	2.1. Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945 (1 tiết)	- Nêu được những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945. - Các giai đoạn của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai	Đã dạy ở lớp 8. (Lược giảng – mức độ biết)
		2.2. Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991 (2 tiết)	- Tình hình chung các nước châu Á - Giới thiệu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991. + Trung Quốc: theo các mục trong SGK 9 + Nhật Bản: theo các mục trong SGK 9 + Ấn Độ: Biết được cuộc đấu tranh giành độc lập và một số thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng đất nước. - Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).	(mức độ biết) -Mục 2, mục 3 (thời kì biến động 1959-1978): HS tự học; mục 4 (Tập trung vào đường lối đổi mới và những thành tựu tiêu biểu) -Chính sách đối nội và đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh (Học sinh tự đọc) Mục III. Từ “ASEAN - 6” đến

				“ASEAN - 10”: Hướng dẫn học sinh lập niên biểu quá trình ra đời và phát triển.
		2.3. Châu Á từ năm 1991 đến nay (2 tiết)	- Giới thiệu được sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay. - Mô tả được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN.	
		2.4. Châu Phi từ 1945 – 1991 (1 tiết)	- Tình hình chung từ sau năm 1945 - Nước Cộng hoà Nam Phi và cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.	(Chỉ tập trung vào quá trình đấu tranh giành độc lập sau 1945) lược giảng – mức độ biết
	<i>Kiểm tra giữa kì (1 tiết)</i>			
		2.5. Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991 (1 tiết)	- Mô tả được đôi nét về các nước Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991 - Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cuba và đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba.	(Chỉ tập trung vào quá trình đấu tranh giành độc lập sau 1945)
3	Chủ đề 3: Mĩ, Tây Âu từ năm 1945 đến nay (3 tiết)	3.1. Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945	- Trình bày được những nét chính về: phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản; đại suy thoái kinh tế 1929 – 1933; sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu. - Nhận biết được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.	Đã dạy ở lớp 8.

		3.2. Nước Mỹ từ năm 1945 đến nay (2 tiết)	- Nêu được những nét chính về kinh tế của nước Mỹ từ sau 1945 đến nay. - Trình bày được chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ từ sau 1945 đến nay.	(Chỉ tập trung vào nét nổi bật về kinh tế qua các giai đoạn)
		3.3. Các nước Tây Âu (1 tiết)	- Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế của các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991. - Khái quát quá trình thành lập và phát triển của Liên minh châu Âu.	(Tập trung nội dung nổi bật về kinh tế và chính sách đối ngoại)
4	Chủ đề 4: Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay (1 tiết)	4.1. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)	- Trình bày được nguyên nhân và diễn biến chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai. - Phân tích được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, vai trò của Liên Xô và các nước trong Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít.	Đã dạy ở lớp 8.
		4.2 Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.	-Biết được hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa của hội nghị I-an-ta	
		4.3 Liên hợp quốc	-Biết được mục tiêu, vai trò của Liên hợp quốc	

		4.4. Chiến tranh lạnh (1947 – 1989)	- Nhận biết được nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh.	
		4.5. Trật tự thế giới mới (từ 1991 đến nay)	Nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.	
5	Chủ đề 5: Cách mạng khoa học kỹ thuật và xu thế toàn cầu hoá (1 tiết)		- Mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học kỹ thuật trên thế giới và ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó đến Việt Nam. - Ý nghĩa, tác động của cách mạng khoa học - kỹ thuật. - Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá và đánh giá được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam.	(Hướng dẫn học sinh lập niên biểu những thành tựu tiêu biểu trên các lĩnh vực)
Tổng kết lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay			Cả bài	Học sinh tự học
6	Chủ đề 6: Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 (8 tiết)	6.1. Việt Nam từ 1918 – 1930 6.1.1. Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918-1930 (2 tiết)	- Mô tả được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930. - Chính sách khai thác thuộc địa lần 2 của Pháp. - Sự phân hóa xã hội Việt Nam sau CTTG I và thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp.	Chỉ tập trung vào những nội dung cơ bản của chương trình khai thác lần thứ hai. Các chính sách chính trị, văn hóa, giáo dục (HS tự học)

		Ôn tập		
		Kiểm tra cuối kì 1 (1 tiết)		
		6.1.2. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tiết)	- Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930. - Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. - Cách mạng Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản ra đời: + Tân Việt cách mạng đảng. (mức độ biết) + Việt Nam Quốc dân đảng và cuộc khởi nghĩa Yên Bái (mức độ biết) + Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản. - Luận cương chính trị (tháng 10-1930): mức độ biết	-Hướng dẫn học sinh lập bảng thống kê những sự kiện tiêu biểu. - Chú ý nêu rõ vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong những năm ở Liên Xô và Trung Quốc. Mục I. Bước phát triển mới của phong trào cách mạng Việt Nam (1926 - 1927): HS tự học. Tích hợp vào mục I. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam của bài 18 (ở nội dung hoàn cảnh lịch sử trước khi

				Đảng ra đời)
		6.2. Việt Nam từ 1930 - 1945 6.2.1. Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 – 1939 (2 tiết)	- Mô tả được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 - 1931 và 1936 – 1939: +Phong trào cách mạng 1930 - 1931 với đỉnh cao là Xô Viết Nghệ - Tĩnh. + Lực lượng cách mạng được phục hồi	Hướng dẫn học sinh lập niên biểu thời gian, địa điểm và ý nghĩa của phong trào Học sinh tự đọc
		6.2.2. Cách mạng tháng Tám năm 1945 (2 tiết)	- Nêu được tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật Bản - Khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, Binh biến Đô Lương. - Nhận biết được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước. - Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.	Tập trung nêu được đặc điểm cơ bản tình hình thế giới và trong nước. Phân hiệp ước Pháp - Nhật chỉ nêu nét chính. Hướng dẫn học sinh lập niên biểu các cuộc khởi nghĩa Hướng dẫn học sinh lập bảng thống kê một số sự kiện quan trọng từ tháng 4 – 6/1945 Chỉ hướng dẫn học sinh lập bảng thống kê các sự kiện khởi nghĩa giành chính

			- Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.	quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn
7	Chủ đề 7: Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1991 (19 tiết)	7.1. Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám (2 tiết)	- Biết được tình hình Việt Nam sau CMT8 (thuận lợi, khó khăn). - Nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục và xây dựng nền độc lập dân tộc trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ.	- Sắp xếp tích hợp các mục II, mục III, mục IV, mục V, mục VI thành mục: “Củng cố chính quyền cách mạng và bảo vệ độc lập dân tộc”. Chỉ tập trung sự kiện tiêu biểu nhất - Chú ý sự kiện bầu cử Quốc hội lần đầu tiên trong cả nước (6-1-1946) - Tập trung vào sự kiện thực dân Pháp đánh chiếm ủy ban Nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn (23-9-1945) và chính sách hòa hoãn với quân Tưởng
		7.2. Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1954 (6 tiết)	- Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946). - Nhận biết và giải thích được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng. - Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16.	Chỉ cần nêu được thời gian và ý nghĩa

		- Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao... trong kháng chiến chống thực dân Pháp: + Chiến dịch Việt Bắc 1947; Chiến dịch Biên giới 1950; cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ 1954. + Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2 – 1951). + Những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về mọi mặt từ năm 1951 đến năm 1953 ; ý nghĩa của những sự kiện đó. - Ngoại giao: Hiệp định Giơ-ne-vơ. - Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).	Cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954: Hướng dẫn học sinh lập niên biểu sự kiện chính HS tự học. Tập trung vào nội dung, ý nghĩa của Hiệp định Giơ-ne-vơ
	Kiểm tra giữa kì 2 (1 tiết)		
	7.3. Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975 (8 tiết)	- Sơ lược tình hình nước ta sau năm 1954. - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho cách mạng miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ...). + Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo QHSX (1954-1960). + Nắm được hoàn cảnh, nội dung chính của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960). + Miền Bắc trong kế hoạch 5 năm (1961-1965). + Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất	Hướng dẫn HS tự đọc. Hướng dẫn HS tự

		của Mỹ, vừa sản xuất (1965-1968) + Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ (1969-1973). - Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1975 (<i>phong trào Đồng khởi; đánh bại các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975...</i>). - Hiệp định Pa-ri - Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.	học. Hướng dẫn HS tự học Hướng dẫn HS tự học Hướng dẫn học sinh lập niên biểu các sự kiện tiêu biểu Chỉ nêu nội dung, ý nghĩa của Hiệp định Pa- ri năm 1973
		Lịch sử địa phương (2 tiết)	
	7.4. Việt Nam trong những năm 1976 – 1991 (3 tiết)	- Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo. - Tích hợp chủ đề: Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông (2): Tham khảo tài liệu trên web của Sở GDĐT. + Trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam. + Nêu được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. + Có hành động cụ thể thể hiện trách nhiệm đối với việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.	

			- Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985. - Mô tả được đường lối Đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 – 1991. - Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối Đổi mới.	HS tự học Chỉ khái quát những thành tựu tiêu biểu
8	Chủ đề 8: Việt Nam từ 1991 – nay (1 tiết)	8.1. Khái lược công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay 8.2. Thành tựu của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay	Chỉ ra được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh...) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay.	Chỉ khái quát những thành tựu tiêu biểu
9	Chủ đề 9: Chuyên đề chung trong môn Lịch sử và Địa lí (2 tiết)	Chuyên đề 1: ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI (2)	- Trình bày được vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tư cách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực. - Nêu được tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.	
		Chuyên đề 2: VĂN MINH CHÂU THỎ SÔNG	- Trình bày được những nét đặc sắc về văn hoá ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long thông qua việc tìm hiểu về văn minh các dòng sông - Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp ứng phó	

		HỒNG VÀ SÔNG CỬU LONG (2)	với biến đổi khí hậu liên quan đến vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại.	
10		Ôn tập (1 tiết)		
		Kiểm tra cuối kì 2 (1 tiết)		

Kiểm tra, đánh giá định kì

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	- Biết được tình hình Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991. - Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế ở Liên bang Nga từ 1991 đến 2000. - Giới thiệu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991. - Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) - Giới thiệu được sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay.	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận

			- Mô tả được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN.	
Cuối Học kỳ 1	45 phút (theo chỉ đạo của Sở)	Tuần 18	- Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. - Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). - Mô tả được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN. - Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cuba và đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba. - Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991. - Khái quát quá trình thành lập và phát triển của Liên minh châu Âu. Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. - Nhận biết được nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh. - Nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh. - Mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học kỹ thuật trên thế giới và ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó đến Việt Nam. - Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá và đánh giá	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận (theo chỉ đạo của Sở)

			được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam.	
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 7	- Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930. - Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. - Nhận biết được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước. - Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục và xây dựng nền độc lập dân tộc trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ. - Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946). - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao... trong kháng chiến chống thực dân Pháp.	Kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận
Cuối	45 phút	Tuần	- Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt	Kiểm tra viết

Học kỳ 2	(theo chỉ đạo của Sở)	17	Nam; đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. - Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946). - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao... trong kháng chiến chống thực dân Pháp. - Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1975 (<i>phong trào Đồng khởi; đánh bại các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975...</i>). - Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Lịch sử địa phương - Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo. + Trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam. + Nêu được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. + Có hành động cụ thể thể hiện trách nhiệm đối với việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.	(trên giấy hoặc trên máy tính): -Tự luận kết hợp với trắc nghiệm. -Tự luận (theo chỉ đạo của Sở)
-------------	-----------------------------	----	--	---

			- Mô tả được đường lối Đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 – 1991.	
--	--	--	---	--

B. MÔN ĐỊA LÝ 7,8,9

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC BỘ MÔN ĐỊA LÝ- KHỐI LỚP 7

(Năm học 2021 - 2022)

70 tiết/35 tuần (Sử: 47 tiết; Địa: 46 tiết; KTĐG: 12 tiết)

HKI: 18 tuần (2 tiết/tuần)

HKII: 17 tuần (2 tiết/tuần)

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4) Hướng dẫn thực hiện trong điều kiện phòng, chống Covid-19

HKI 1	Bài 1. Dân số	1	- Trình bày được quá trình phát triển và tình hình gia tăng dân số thế giới, nguyên nhân, hậu quả của nó. - Hình thành kỹ năng đọc và phân tích tháp tuổi, hiểu cách xây dựng tháp tuổi. - Đọc biểu đồ gia tăng dân số thế giới để thấy được tình hình gia tăng dân số thế giới.	- Tích hợp Kỹ năng sống, giáo dục bảo vệ môi trường Mục 2,3 Mục 3: Học sinh tự học
1	Bài 2. Sự phân bố dân cư. Các chủng tộc trên thế giới	1	- Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản sự phân bố dân cư không đồng đều trên thế giới. - Phân biệt được sự khác nhau giữa các chủng tộc Môn-gô-lô-ít, Nê-grô-ít và Ô-rô-pê-ô-ít về hình thái bên ngoài của cơ thể (màu, da, tóc, mắt, mũi) và nơi sinh sống chủ yếu của mỗi chủng tộc. - Kỹ năng đọc lược đồ phân bố dân cư trên thế giới, xác định được một số vùng đông dân, thưa dân trên bản đồ dân cư thế giới.	Mục 2: Học sinh tự học
2	Bài 3. Quần cư. Đô thị hóa	1	- So sánh sự khác biệt giữa quần cư nông thôn và quần cư đô thị về hoạt động kinh tế, mật độ dân số, lối sống. - Biết sơ lược quá trình đô thị hóa, sự hình thành các siêu đô thị trên thế giới. - Kỹ năng phân tích tranh ảnh, bản đồ. - Đọc tháp dân số	- Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường: Mục 2

2	Bài 4. Thực hành: Phân tích lược đồ dân số và tháp tuổi	1	- Giải thích được sự phân bố dân cư tại 1 tỉnh/địa phương - Đánh giá sự thay đổi cơ cấu dân số Việt Nam các năm - Nhận xét sự phân bố dân cư và đô thị châu Á - Đọc lược đồ/bản đồ	- Tích hợp giáo dục kỹ năng sống <u>Câu 1.</u> Khuyến khích học sinh tự làm.
3	Bài 5. Đối nóng. Môi trường xích đạo ẩm	1	- Biết vị trí đới nóng trên bản đồ Tự nhiên thế giới. - Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của đới nóng, môi trường xích đạo ẩm. - Xác định được vị trí đới nóng trên bản đồ thế giới và các kiểu môi trường đới nóng. - Đọc được biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của môi trường xích đạo và sơ đồ lát cắt của rừng rậm xích đạo quanh năm.	- Tích hợp giáo dục kỹ năng sống.
3	Bài 6. Môi trường nhiệt đới	1	- Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên của môi trường nhiệt đới. - Xác định vị trí của môi trường nhiệt đới trên bản đồ. - Đọc các biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa để nhận biết đặc điểm khí hậu của môi trường nhiệt đới. - Quan sát tranh ảnh và nhận xét các cảnh quan ở môi trường nhiệt đới.	- Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường: Mục 2
4	Bài 7. Môi trường nhiệt đới gió mùa	1	- Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên của môi trường nhiệt đới.	- Tích hợp ứng phó với thiên tai và BĐKH

			- Phân tích được mối quan hệ giữa khí hậu và cảnh quan thiên nhiên trong môi trường nhiệt đới gió mùa. - Xác định được những khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á. - Phân tích, nhận xét biểu đồ nhiệt độ lượng mưa của Hà Nội và Mumbai	
	Bài 8 và bài 9		Giảm tải	<i>Học sinh tự học cả bài</i>
4	Bài 10. Dân số và sức ép dân số tới tài nguyên, môi trường đới nóng	1	- Trình bày được đặc điểm chung của dân số các nước thuộc môi trường thuộc đới nóng. - Phân tích được mối quan hệ giữa dân số với tài nguyên, môi trường ở đới nóng. - Kỹ năng đọc hiểu văn bản, bản đồ.	Tích hợp giáo dục kỹ năng sống.; giáo dục bảo vệ môi trường: Mục 1,2 - Tích hợp giáo dục quốc phòng an ninh
	Bài 11		Giảm tải	<i>Học sinh tự học cả bài</i>
5	Bài 12. Thực hành: Nhật biết đặc điểm môi trường đới nóng	1	- Nhận biết được kiểu môi trường ở đới nóng qua biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa và tranh ảnh. - Phân tích mối quan hệ giữa chế độ mưa với chế độ sông ngòi, giữa khí hậu với môi trường. - Phân tích biểu đồ, tranh ảnh. - Làm việc nhóm.	- Tích hợp giáo dục kỹ năng sống. Câu 2 và 3: học sinh tự làm.
5	Bài 13. Môi trường đới ôn hoà	1	Trình bày được vị trí, đặc điểm khí hậu của đới ôn hòa. - Giải thích được (ở mức độ đơn giản) về đặc điểm tự nhiên cơ bản và sự phân hóa của môi trường ở đới ôn hòa. - Đọc lược đồ/ biểu đồ/bảng số liệu	

	Bài 14, 51, 16		Giảm tải	Học sinh tự học cả bài
6	Bài 17. Ô nhiễm môi trường ở đới ôn hoà	1	- Biết được hiện trạng và nguyên nhân gây ra ô nhiễm nước và không khí ở đới ôn hoà, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường ở đới ôn hoà. - Đánh giá được hậu quả của ô nhiễm môi trường không khí và nước gây ra cho thiên nhiên và con người không chỉ ở đới ôn hoà mà còn cả ở toàn thế giới. - Kỹ năng tổng hợp, vận dụng các kiến thức liên môn vào giải quyết vấn đề. - Kỹ năng phân tích thông tin từ ảnh địa lí, rèn luyện tư duy, tổng hợp. - Rèn luyện kỹ năng hoạt động nhóm, thu thập thông tin ngoài xã hội, thông tin thực tế.	
6	Bài 18. Thực hành: Nhận biết đặc điểm môi trường đới ôn hoà	1	- Nhận biết được các kiểu môi trường của đới Ôn hoà qua tranh ảnh và phân tích biểu đồ khí hậu. - Nhận xét và giải thích được nguyên nhân làm cho Trái đất nóng lên. - Đề xuất được giải pháp nhằm giảm thải khí CO₂ ra môi trường. - Đọc và phân tích biểu đồ, so sánh được sự khác nhau về đặc điểm giữa các môi trường thuộc đới Ôn Hoà. - Phân tích thông tin từ tranh ảnh địa lí, rèn luyện tư duy tổng hợp.	Không yêu cầu học sinh làm Câu 2: Học sinh tự làm Câu 3: Không yêu cầu vẽ biểu đồ, Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận xét và giải thích

7	Ôn tập	1	- Khái quát được đặc điểm dân cư, quá trình đô thị hóa trên thế giới. - Khái quát được vị trí, đặc điểm đới nóng và các kiểu môi trường đới nóng, hoạt động kinh tế của con người ở đới nóng.	
7	Ôn tập	1	- Rèn kỹ năng đọc biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa. - Rèn kỹ năng đọc ảnh địa lý. - Hình thành kỹ năng xác lập mối liên hệ địa lý. - Rèn luyện kỹ năng vẽ và nhận xét biểu đồ.	
8	Kiểm tra giữa kì I	1	- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời. - Kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức, kỹ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức: biết, hiểu và vận dụng sau khi học xong nội dung đã học các bài học từ tuần 1 đến tuần 6.	
8	Bài 19. Môi trường hoang mạc	1	- Nêu được đặc điểm khí hậu của môi trường hoang mạc. - Trình bày và giải thích được sự phân bố các hoang mạc trên thế giới. - Trình bày và phân tích được sự thích nghi của các loài động thực vật ở hoang mạc. - Đề xuất phương hướng cải tạo tự nhiên và phòng chống sa mạc hóa. - Đọc, phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa để rút ra	

			đặc điểm khí hậu hoang mạc. - Đọc lược đồ để xác định vị trí phân bố các hoang mạc trên thế giới.	
	Bài 20		Giảm tải	<i>Học sinh tự học cả bài</i>
9	Bài 21: Môi trường đới lạnh	1	- Nêu được vị trí của đới lạnh trên bản đồ tự nhiên thế giới. - Giải thích được một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của đới lạnh. - Phân tích được sự thích nghi của động vật và thực vật với môi trường đới lạnh. - Đánh giá hiện trạng vấn đề khai thác và những tác động của biến đổi khí hậu và con người đến HST tự nhiên từ đó đề xuất giải pháp khai thác theo hướng bền vững. - Đọc bản đồ về môi trường đới lạnh ở vùng Bắc Cực và vùng Nam Cực để nhận biết vị trí, giới hạn của đới lạnh. - Đọc và phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của một vài địa điểm ở môi trường đới lạnh để hiểu và trình bày đặc điểm khí hậu của môi trường đới lạnh..	
	Bài 22		Giảm tải	<i>Học sinh tự học cả bài</i>
9	Bài 23. Môi trường vùng núi	1	- Trình bày được đặc điểm cơ bản của môi trường và đặc điểm cư trú của con người vùng núi. - Giải thích và so sánh được sự phân tầng thực vật theo độ cao ở đới ôn hòa và đới nóng. - Phân tích được những thuận lợi và khó khăn của	

			vùng núi. - Đưa ra được những biện pháp nâng cao đời sống kinh tế - xã hội của vùng núi. - Giải thích được sự phân bố dân cư ở vùng núi. - Rèn luyện kỹ năng phân tích sơ đồ, hình ảnh địa lí.	
	Bài 24		Giảm tải	<i>Học sinh tự học cả bài</i>
10	Ôn tập	1	Kiến thức kỹ năng từ bài 19, 21, 23	
10	Bài 25. Thế giới rộng lớn và đa dạng	1	- Xác định được vị trí các châu lục và lục địa trên bản đồ thế giới. - Phân biệt được các nhóm nước phát triển và đang phát triển dựa vào một số tiêu chí. - So sánh tình hình kinh tế các nhóm nước. - Liên hệ, đánh giá đặc điểm kinh tế Việt Nam. - Đọc và phân tích bảng số liệu, biểu đồ và sơ đồ, tranh ảnh. - Kỹ năng vẽ biểu đồ cột.	
11	Bài 26. Thiên nhiên châu Phi	1	- Mô tả được vị trí, giới hạn của châu Phi trên bản đồ thế giới và ý nghĩa của vị trí đối với khí hậu. - Trình bày được đặc điểm về hình dạng lục địa, về địa hình và khoáng sản châu Phi. - Kỹ năng đọc và phân tích bản đồ.	
11	Bài 27. Thiên nhiên châu	1	- Kể tên được các môi trường của Châu Phi trong đó	

	Phi (tiếp theo)		chiếm phần lớn là hoang mạc và bán hoang mạc. - Giải thích được tại sao khí hậu của Châu Phi khô nóng, hoang mạc chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ. - Trình bày được sự khác biệt về sinh vật giữa các môi trường của châu Phi. - Xác định được lượng mưa và các môi trường tự nhiên của châu Phi trên lược đồ. - Xác định được các dòng biển nóng và dòng biển lạnh trên bản đồ.	
12	Bài 28. Thực hành: Phân tích lược đồ phân bố các môi trường tự nhiên, biểu đồ	1	- Trình bày được sự phân bố các môi trường tự nhiên ở Châu Phi và giải thích được nguyên nhân của sự phân bố đó. - Phân tích được biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Châu Phi. - Đọc và phân tích biểu đồ biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa. - Phân tích thông tin từ biểu đồ Địa Lí, rèn luyện tư duy tổng hợp.	Mục 1: Học sinh tự làm
12	Bài 29. Dân cư, xã hội châu Phi	1	- Trình bày được đặc điểm dân cư - xã hội Châu Phi, sự bùng nổ dân số ở châu phi, nguyên nhân và hậu quả. - Phân tích được bảng số liệu thống kê, nhận xét bảng số liệu, nhận định và rút ra nhận xét.	Không dạy: Mục 1. Lịch sử và dân cư; phần a: Sơ lược lịch sử học sinh tự học
13	Bài 30. Kinh tế châu Phi	1	- Trình bày được đặc điểm, sự phân bố ngành nông nghiệp, công nghiệp ở Châu Phi. - Sử dụng bản đồ để xác định được sự phân bố các	

			ngành kinh tế của Châu Phi. - Quan sát video, hình ảnh để rút ra nhận xét, trình bày đặc điểm ngành nông nghiệp, công nghiệp của châu Phi.	
13	Bài 31. Kinh tế châu Phi	1	- Trình bày và giải thích được đặc điểm phát triển một số hoạt động dịch vụ chủ yếu ở Châu Phi. - Phân tích được quá trình đô thị hóa hiện nay ở Châu Phi. - Sử dụng bản đồ, bảng số liệu, tranh ảnh địa lí	
14	Bài 32. Các khu vực Châu Phi	1	- Trình bày được các đặc điểm điểm tự nhiên các khu vực Bắc Phi và Trung Phi - So sánh được các hoạt động kinh tế xã hội của khu vực Bắc Phi và Trung Phi - Đọc và phân tích bảng số liệu, biểu đồ và sơ đồ, tranh ảnh Địa lý	- Mục 1. b - Mục 2. b - Câu hỏi 2 cuối bài Học sinh tự học
14	Bài 33. Các khu vực Châu Phi (tiếp theo)	1	Trình bày được đặc điểm tự nhiên kinh tế - xã hội khu vực Nam Phi. - So sánh và tìm ra được những khác biệt về tự nhiên, kinh tế xã hội giữa các khu vực Bắc Phi, Trung Phi và Nam Phi. - Nêu một số khó khăn hiện nay của Nam Phi trong phát triển kinh tế xã hội hiện nay. - Giải thích được vì sao cần phải chống lại nạn phân	- Tích hợp giáo dục kĩ năng sống

			biệt chủng tộc. - Sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định và trình bày đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế của Nam Phi.	
15	Ôn tập HKI	1	- Hệ thống hóa một số kiến thức cơ bản từ tuần 1 đến tuần 14 - Phân tích bản đồ, lược đồ, hình ảnh SGK - Phân tích, so sánh	
15	Ôn tập HKI	1	- Phân tích bản đồ, lược đồ, hình ảnh SGK - Phân tích, so sánh	
16	Kiểm tra cuối học kỳ I	1	Thực hiện theo ma trận đề - Kiểm tra các kiến thức, kĩ năng cơ bản ở các nội dung: Các môi trường Địa lí và Châu Phi - củng cố các kĩ năng phân tích bản đồ, bảng số liệu. - Phân tích biểu đồ và bảng số liệu. - Sửa chữa những lỗi làm bài của học sinh.	
16	Kiểm tra cuối học kỳ I	1	Thực hiện theo ma trận đề - Kiểm tra các kiến thức, kĩ năng cơ bản ở các nội dung: Các môi trường Địa lí và Châu Phi - củng cố các kĩ năng phân tích bản đồ, bảng số liệu. - Phân tích biểu đồ và bảng số liệu. - Sửa chữa những lỗi làm bài của học sinh.	
17	Bài 34: TH: So sánh nền	1	- Kể tên được các nước có thu nhập bình quân đầu người cao, thấp ở Châu Phi.	- Tích hợp giáo dục kĩ năng sống

	KT ba khu vực châu Phi		- Nhận xét được sự phân hoá thu nhập bình quân đầu người giữa ba khu vực kinh tế Châu Phi. - So sánh được các đặc điểm kinh tế của 3 khu vực Châu Phi. - Rèn luyện kỹ năng phân tích, so sánh, khai thác kiến thức qua lược đồ.	
17	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo chủ đề Thiên nhiên châu Phi	1	- Tìm hiểu về tự nhiên, con người, kinh tế các nước Châu Phi - Kỹ năng trình bày trước lớp, kỹ năng làm việc nhóm - Thái độ: trách nhiệm, chăm chỉ hoàn thành nhiệm vụ	
18	Trải nghiệm sáng tạo chủ đề Thiên nhiên châu Phi (tt)	1	- Tìm hiểu về tự nhiên, con người, kinh tế các nước Châu Phi - Kỹ năng trình bày trước lớp, kỹ năng làm việc nhóm Thái độ: trách nhiệm, chăm chỉ hoàn thành nhiệm vụ	
18	Ôn tập	1	Hoàn thành chương trình HKI	
19	Bài 35. Khái quát Châu Mỹ HKII	11	- Trình bày được vị trí địa lý và ý nghĩa của vị trí địa lý châu Mỹ trong phát triển kinh tế và xã hội. - Giải thích được vì sao châu Mỹ là vùng đất của người nhập cư, thành phần chủng tộc đa dạng. - Đánh giá được ý nghĩa của kênh đào Panama đối với ngành hàng hải và thương mại thế giới. - Xác định được trên bản đồ các chủng tộc khác nhau	

			sinh sống ở vị trí nào trên lãnh thổ châu Mỹ là chủ yếu. - Kỹ năng xác định vị trí trên bản đồ	
19	Bài 36: Thiên nhiên Bắc Mỹ	1	- Nêu được vị trí địa lí, giới hạn của Bắc Mỹ. - Nêu được đặc điểm ba khu vực của địa hình Bắc Mỹ: cấu trúc địa hình đơn giản, chia làm 3 khu vực kéo dài theo chiều kinh tuyến. - Nêu được đặc điểm của các sông và hồ lớn của Bắc Mỹ. - Nêu và giải thích đặc điểm khí hậu ở Bắc Mỹ. - Sử dụng các bản đồ, lược đồ để trình bày đặc điểm tự nhiên, kinh tế của Bắc Mỹ. - Phân tích lát cắt địa hình Bắc Mỹ để nhận biết và trình bày sự phân hóa địa hình theo hướng Đông - Tây của Bắc Mỹ.	- Tích hợp giáo dục kỹ năng sống
20	Bài 37. Dân cư Bắc Mỹ	1	- Trình bày được sự phân bố dân cư của Bắc Mỹ. - Giải thích được tại sao dân cư Bắc Mỹ phân bố không đồng đều. - Trình bày các đặc điểm đô thị của Bắc Mỹ và những thay đổi trong phân bố dân cư Bắc Mỹ. - Đọc và nhận xét được bản đồ phân bố dân cư và đô thị ở Bắc Mỹ.	Mục 2: Học sinh tự học

20	Bài 38. Kinh tế Bắc Mĩ	1	- Trình bày đặc điểm nền nông nghiệp của Bắc Mĩ; sự phân bố 1 số nông sản quan trọng của Bắc Mĩ. - Giải thích được điều kiện làm cho nền nông nghiệp Hoa Kì và Ca-na-đa phát triển ở trình độ cao. - Phân tích lược đồ nông nghiệp của Bắc Mĩ để xác định được các vùng nông nghiệp chính của Bắc Mĩ. - Nhận xét, phân tích các hình ảnh về NN Bắc Mĩ để thấy các hình thức tổ chức sx và áp dụng khoa học kĩ thuật vào nông nghiệp	
21	Bài 39. Kinh tế Bắc Mĩ (tiếp theo)	1	- Trình bày được nền công nghiệp ở Bắc Mĩ đã phát triển ở trình độ cao, sự gắn bó mật thiết giữa công nghiệp và dịch vụ. Công nghiệp chế biến chiếm ưu thế. - Trình bày được trong CN đang có sự chuyển biến trong phân bố SX hình thành các trung tâm KT-DV lớn. - Giải thích được nguyên nhân của sự phát triển trình độ cao của các nước Bắc Mĩ. - Trình bày khái quát mối quan hệ giữa các nước thành viên NAFTA và vai trò của Hoa Kì trong NAFTA - Liên hệ quá trình phát triển công nghiệp của nước ta. - Phân tích lược đồ công nghiệp của Bắc Mĩ để xác định được các vùng công nghiệp chính của Bắc Mĩ.	Mục 1: Học sinh tự học

21	Bài 40. Thực hành: Tìm hiểu vùng công nghiệp truyền thống ở Đông Bắc Hoa Kỳ và vùng CN vành đai Mặt Trời	1	Cuộc cách mạng KHKT làm thay đổi sự phân bố sản xuất công nghiệp ở Hoa Kỳ. - Sự thay đổi trong cơ cấu sản xuất công nghiệp ở vùng CN ĐB và "vành đai mặt trời". - Phân tích lược đồ, số liệu thống kê.	- Tích hợp giáo dục kỹ năng sống <i>Cả bài Học sinh tự làm.</i>
22	Bài 41. Thiên nhiên Trung và Nam Mỹ	1	- Vị trí, giới hạn khu vực Trung và Nam Mỹ. - Đặc điểm địa hình eo đất Trung Mỹ và quần đảo Ăng-ti, địa hình lục địa Nam Mỹ. - Xác định trên bản đồ, lược đồ châu Mỹ (bản đồ Thế giới) vị trí địa lý của khu vực Trung và Nam Mỹ. - Sử dụng các bản đồ, lược đồ để trình bày đặc điểm tự nhiên khu vực Trung và Nam Mỹ.	
22	Bài 42. Thiên nhiên Trung và Nam Mỹ (tiếp theo)	1	- Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm khí hậu và thiên nhiên của Trung và Nam Mỹ. - Đặc điểm các môi trường tự nhiên ở Trung và Nam Mỹ. - Phân tích, so sánh để thấy rõ sự phân hóa địa hình và khí hậu.	
23	Bài 43. Dân cư xã hội Trung và Nam Mỹ	1	- Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm về dân cư, xã hội Trung và Nam Mỹ - Quá trình đô thị, những vấn đề nảy sinh do đô thị hóa	Không dạy : Mục 1. Sơ lược lịch sử

			tự phát gây ra. - Phân tích, so sánh đối chiếu trên lược đồ.	
23	Bài 44. Kinh tế Trung và Nam Mĩ	1	- Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm về kinh tế của Trung và Nam Mĩ . - Rèn luyện kĩ năng quan sát đọc phân tích lược đồ, ảnh địa lí để thấy được các hình thức sản xuất nông nghiệp, sự phân bố sản xuất nông nghiệp ở Trung và Nam Mĩ.	
24	Bài 45. Kinh tế Trung và Nam Mĩ (tiếp theo)	1	- Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm về công nghiệp của Trung và Nam Mĩ. - Hiểu được vấn đề khai thác vùng A-ma-dôn và những vấn đề về môi trường cần quan tâm. - Trình bày được về khối kinh tế Méc-cô-xua (MERCOSUR). - Đọc, quan sát, phân tích mối quan hệ giữa hoạt động kinh tế với môi trường ở Nam Mĩ, và mối quan hệ giữa rừng A - ma - dôn với khí hậu toàn cầu.	- Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường Mục 3
24	Bài 46. Thực hành: Sự phân hóa của thảm thực vật ở sườn đông và sườn tây của dãy An-đét	1	- Nắm vững sự phân hoá của môi trường theo độ cao ở vùng núi An-đet. - Sự khác nhau của thảm thực vật giữa sườn đông và sườn tây của dãy An-đet. - Rèn kĩ năng quan sát sơ đồ lát cắt, qua đó nhận thức được quy luật phi địa đới thể hiện sự thay đổi, sự phân bố thảm thực vật giữa 2 sườn của hệ thống An - đet.	- Tích hợp giáo dục kĩ năng sống <i>Học sinh tự học cả bài</i>

25	Ôn tập	1	- Hệ thống hóa các kiến thức về tự nhiên, dân cư, kinh tế của Châu Mỹ và các khu vực của Châu Mỹ.	
25	Ôn tập	1	- Rèn luyện một số kỹ năng cơ bản như phân tích bản đồ, lược đồ tự nhiên, dân cư và kinh tế; xử lý và phân tích số liệu thống kê về dân số, kinh tế; Khai thác kiến thức từ tranh ảnh địa lý	
26	Kiểm tra giữa kì II	1	- Đánh giá mức độ nắm, hiểu và vận dụng bài học của học sinh để tiếp tục điều chỉnh phương pháp học tập. - Đánh giá kỹ năng quan sát, phân tích, nhận xét lược đồ, biểu đồ	
26	Bài 47. Châu Nam Cực	1	- Biết được vị trí địa lý, giới hạn, phạm vi của châu Nam Cực. - Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản đặc điểm tự nhiên châu Nam Cực. - Biết vấn đề môi trường cần được quan tâm ở châu Nam Cực là bảo vệ các loài động vật quý đang có nguy cơ tuyệt chủng. - Sử dụng bản đồ để trình bày đặc điểm tự nhiên. - Phân tích biểu đồ khí hậu của 2 địa điểm ở châu Nam Cực, lát cắt địa hình của Nam Cực. - Nhận dạng được một số loài động vật ở Nam Cực qua tranh ảnh.	- Tích hợp giáo dục kỹ năng sống và giáo dục bảo vệ môi trường MT: Mục 1
27	Bài 48. Thiên nhiên Châu Đại	1	- Biết được vị trí địa lý, phạm vi của châu Đại Dương. - Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản một số	

	Dương		đặc điểm tự nhiên của các đảo và quần đảo, lục địa Ô - xtrây - li - a. - Sử dụng bản đồ trình bày đặc điểm tự nhiên châu Đại Dương. - Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa một số trạm của châu Đại Dương.	
27	Bài 49. Dân cư và kinh tế Châu Đại Dương	1	- Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản đặc điểm dân cư, kinh tế của châu Đại Dương. - Phân tích bảng số liệu về dân cư, kinh tế của châu Đại Dương.	
28	Bài 50. Thực hành viết báo cáo về đặc điểm tự nhiên của Ôxtrâyli	1	- Đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu) của 3 địa điểm đại diện cho 3 kiểu khí hậu khác nhau của lục địa Ôxtrâyli và nguyên nhân của sự khác nhau đó - Nhận xét lát cắt địa hình, giải thích mối quan hệ chặt chẽ giữa các yếu tố tự nhiên. - Đọc, phân tích ảnh và bản đồ . - Kỹ năng viết báo cáo và trình bày một phút.	Học sinh tự học cả bài
28	Bài 51. Thiên nhiên châu Âu	1	- Biết được vị trí địa lí, giới hạn của châu Âu trên bản đồ. - Trình bày và giải thích một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của châu Âu. - Trình bày sự phân bố và đặc điểm chính của các môi trường. - Nắm được đặc điểm khí hậu, sự phân hóa khí hậu châu Âu, mối quan hệ giữa khí hậu và thực vật.	

29	Bài 52. Thiên nhiên châu Âu (tiếp theo)	1	- Biết được vị trí địa lí, giới hạn của châu Âu trên bản đồ. - Trình bày và giải thích một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của châu Âu. - Trình bày sự phân bố và đặc điểm chính của các môi trường. - Nắm được đặc điểm khí hậu, sự phân hóa khí hậu châu Âu, mối quan hệ giữa khí hậu và thực vật.	Mục 2: Học sinh tự học
29	Bài 53. Thực hành: Đọc và phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa châu Âu.	1	- Rèn kĩ năng sử dụng, đọc, phân tích bản đồ, lược đồ - Phân tích tranh ảnh để nắm các đặc điểm môi trường, mối quan hệ giữa cảnh quan với khí hậu. Rèn kĩ năng phân tích biểu đồ khí hậu, kĩ năng so sánh.	
30	Bài 54. Dân cư, xã hội Châu Âu	1	- Trình bày và nhận xét được về tôn giáo, ngôn ngữ và văn hoá ở Châu Âu. - Chứng minh được dân số Châu Âu đang có xu hướng già đi. - Nhận xét được mức độ đô thị hoá ở châu Âu. - Phân tích được những thuận lợi và khó khăn của dân số đến sự phát triển kinh tế-xã hội ở châu Âu. - Phân tích bản đồ phân bố dân cư đô thị, các nhóm ngôn ngữ để tìm ra kiến thức.	
30	Bài 55. Kinh tế Châu Âu	1	Trình bày những đặc điểm kinh tế nổi bật của các nước Châu Âu.	- Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường: mục 3

			- Chứng minh được kinh tế châu Âu phát triển ở trình độ cao - Giới thiệu thành tựu, vẻ đẹp của các nước châu Âu qua ngành dịch vụ - Phân tích lược đồ kinh tế, tranh ảnh	Mục 1: Học sinh tự học
31	Bài 56. Khu vực Bắc Âu	1	- Xác định được vị trí các nước trong khu vực Bắc Âu và những đặc điểm khái quát về địa hình, khí hậu, tài nguyên của 3 khu vực Bắc Âu. - Phân tích các ngành kinh tế quan trọng của khu vực Bắc Âu. - Rèn kĩ năng xác định lược đồ. - Rèn kỹ năng đọc và phân tích mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên với hoạt động kinh tế.	- Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường: mục 2 Mục 1: Học sinh tự học
31	Bài 57. Khu vực Tây và Trung Âu	1	- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của khu vực Tây và Trung Âu. - Trình bày được tình hình phát triển kinh tế của khu vực Tây và Trung Âu - Kỹ năng đọc bản đồ tự nhiên, phân tích mối quan hệ nhân quả.	Mục 1: Học sinh tự học
32	Bài 58. Khu vực Nam Âu	1	- Giải thích được vị trí địa lí của khu vực Nam Âu có nhiều núi lửa hoạt động và thường xuyên xảy ra động đất. - Trình bày được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên và kinh tế của khu vực Nam Âu. - Đề xuất giải pháp phát triển kinh tế, nhất là phát triển	Mục : Học sinh tự học

			du lịch tại khu vực. - Kỹ năng đọc bản đồ tự nhiên, phân tích mối quan hệ nhân quả.	
32	Bài 59. Khu vực Đông Âu	1	- Xác định được vị trí của khu vực Đông Âu. - Trình bày được đặc điểm kinh tế khu vực Đông Âu. - Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đến sự phát triển kinh tế-xã hội ở Đông Âu. - Giải thích được đặc điểm phát triển kinh tế của khu vực Đông Âu. - Phân tích và tổng hợp lược đồ tự nhiên Đông Âu. - Phân tích sơ đồ thảm thực vật để thấy được mối quan hệ giữa khí hậu và thảm thực vật	Mục 1: Học sinh tự học
33	Ôn tập HKII	1	- Hệ thống hoá những kiến thức về tự nhiên, dân cư, kinh tế của Bắc Mỹ, khu vực trung và Nam Mỹ và các châu Nam cực, châu Đại Dương và châu Âu	
33	Ôn tập HKII	1	- Rèn luyện một số kỹ năng cơ bản như phân tích bản đồ, lược đồ tự nhiên, dân cư và kinh tế; xử lý và phân tích số liệu thống kê về dân số, kinh tế; Khai thác kiến thức từ tranh ảnh địa lí	
34	Kiểm tra cuối HKII	1	- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời. - Kiểm tra các kiến thức, kỹ năng cơ bản ở các nội dung về châu Mỹ và châu Âu. - củng cố các kỹ năng phân tích bản đồ, bảng số liệu.	

			- Phân tích biểu đồ và bảng số liệu. - Sửa chữa những lỗi làm bài của học sinh.	
34	Kiểm tra cuối HKII	1	Trả bài kiểm tra	
35	Bài 60. Liên minh Châu Âu	1	- Xác định được các nước trong khối liên minh châu Âu. - Mô tả được quá trình mở rộng của liên minh châu Âu qua từng giai đoạn. - Nhận xét, đánh giá được sự phát triển của liên minh châu Âu. - Phân tích lược đồ, tranh ảnh.	Mục 2: Học sinh tự học
35	Bài 61. Thực hành Đọc lược đồ, vẽ biểu đồ cơ cấu kinh tế Châu Âu	1	- Kể tên các nước ở châu Âu và xác định được nước đó thuộc khu vực nào của châu Âu. - Xác định được vị trí của các nước châu Âu trên bản đồ. - Vẽ và nhận xét được biểu đồ cơ cấu kinh tế của Pháp và Ucraina. - Kỹ năng vẽ biểu đồ cơ cấu kinh tế và khả năng nhận xét về trình độ phát triển của Pháp và Ucraina.	

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC BỘ MÔN ĐỊA LÍ KHỐI LỚP 8
(Năm học 2021 - 2022)
52 tiết/35 tuần

HKI: 18 tuần (1 tiết/tuần)

HKII: 17 tuần (2 tiết/tuần)

Tuần	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép Hướng dẫn thực hiện trong điều kiện phòng, chống Covid-19 (4)
1	Bài 1: Vị trí địa lí, địa hình và khoáng sản	1	- Xác định được vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ của châu Á trên bản đồ thế giới. - Trình bày được đặc điểm kích thước lãnh thổ, địa hình và khoáng sản của châu Á. - Đánh giá được những thế mạnh đặc biệt của thiên nhiên châu Á đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. - Xác định được các dạng địa hình của châu Á, kể tên được các đồng bằng, sơn nguyên, cao nguyên, dãy núi và hướng núi chính của châu Á trên bản đồ. - Kể tên và xác định được các mỏ khoáng sản của châu Á.	
2	Bài 2: Khí hậu châu Á		- Trình bày và giải thích được đặc điểm khí hậu châu Á	- Tích hợp giáo dục kĩ năng sống - <i>Câu hỏi 2 phần câu hỏi và bài tập:</i>

			- Nêu và giải thích được sự khác biệt giữa kiểu khí hậu lục địa và kiểu khí hậu gió mùa ở châu Á. - Xác định được sự phân bố của các kiểu khí hậu, các đới khí hậu của châu Á trên bản đồ. - Đọc và nhận xét biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của các địa điểm	<i>Không yêu cầu học sinh làm.</i>
3	Bài 3. Sông ngòi và cảnh quan châu Á	1	- Trình bày được đặc điểm chung của sông ngòi Châu Á. - Nêu và giải thích được sự khác nhau về chế độ nước, giá trị kinh tế của các hệ thống sông lớn. - Trình bày được các cảnh quan tự nhiên của Châu Á và giải thích được sự phân bố của một số cảnh quan. - Sử dụng bản đồ để xác định vị trí và một số đặc điểm sông ngòi và cảnh quan của Châu Á. - Xác lập mối quan hệ giữa khí hậu, địa hình với sông ngòi và cảnh quan tự nhiên.	- Tích hợp Ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. <i>Mục 3: học sinh tự học</i>
4	Bài 4. Thực hành: Phân tích hoàn lưu gió mùa châu Á		Trình bày được nguyên nhân hình thành và cơ chế hoạt động gió mùa ở châu Á. - Nêu được các hướng gió chính vào mùa đông và mùa hạ ở các khu vực của châu Á. - Đánh giá tác động của gió mùa đến tự nhiên châu Á. - Đọc, phân tích sự thay đổi khí áp và hướng gió trên bản đồ vào các mùa, phân biệt các đường đẳng áp.	<i>Mục 2, 3: học sinh tự học</i>
5	Bài 5. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á	1	- Giải thích được một số đặc điểm nổi bật của dân cư - xã hội ở Châu Á.	<i>Mục 3: học sinh tự học</i> <i>Câu hỏi 2: Không yêu cầu vẽ biểu đồ,</i>

			- Đánh giá được một số tác động của dân cư- xã hội đến sự phát triển kinh tế các nước châu Á. - Kỹ năng phân tích bảng số liệu dân số - Kỹ năng quan sát ảnh và phân tích lược đồ phân bố dân cư, chủng tộc, tôn giáo.	Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận xét
6	Bài 6. Thực hành: Đọc, phân tích lược đồ phân bố dân cư và các thành phố lớn châu Á	1	- củng cố kiến thức về phân bố dân cư Châu Á - Mối quan hệ giữa tự nhiên với phân bố dân cư. - Xác định vị trí của các thành phố lớn, những nơi tập trung đông dân, nơi thưa dân của Châu Á. - Phân tích bản đồ dân cư Châu Á, bản đồ tự nhiên Châu Á, tìm mối quan hệ Địa lí giữa dân cư và tự nhiên.	- Tích hợp giáo dục kỹ năng sống Mục 2: học sinh tự làm.
7	Bài 7. Đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội các nước châu Á	1	- Liệt kê được các nhóm nước có trình độ phát triển kinh tế giống nhau. - Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản một số đặc điểm phát triển kinh tế của các nước Châu Á: - Liên hệ với tình hình kinh tế xã hội của Việt Nam. - Phân tích bảng số liệu về các chỉ tiêu kinh tế của một số nước châu Á. - Thu thập, thống kê các thông tin kinh tế - xã hội để nhận định, đánh giá mở rộng kiến thức.	- Tích hợp giáo dục kỹ năng sống. - Không dạy: Phần 1. Vài nét về lịch sử phát triển của các nước Châu Á Câu hỏi 2 phần câu hỏi và bài tập: Không yêu cầu học sinh làm.
8	Ôn tập	1	- Hệ thống hóa các kiến thức đã học về Châu Á. - Trình bày những đặc điểm chính về vị trí địa lí, tự nhiên, dân cư, xã hội Châu Á - Củng cố kỹ năng: Phân tích biểu đồ, lược đồ, biểu	

			đồ, các bảng số liệu thống kê về đặc điểm tự nhiên, dân cư Châu Á. - Phát triển khả năng tổng hợp, khái quát, xác lập mối quan hệ địa lí giữa các yếu tố tự nhiên, giữa tự nhiên với sự phân bố dân cư, sự phát triển kinh tế	
9	Kiểm tra giữa kì	1	Củng cố các kiến thức khái quát về tự nhiên Châu Á và mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên. - Củng cố kiến thức về dân cư, kinh tế- xã hội châu Á. Củng cố kỹ năng: Phân tích biểu đồ, các mối quan hệ địa lí để giải thích đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế châu Á.	
10	Bài 8. Tình hình phát triển kinh tế- xã hội các nước châu Á	1	- Trình bày được những thành tựu và sự phân bố các ngành kinh tế ở các nước và vùng lãnh thổ châu Á. - Phân tích được xu hướng phát triển hiện nay của các nước và vùng lãnh thổ là ưu tiên phát triển công nghiệp, dịch vụ và không ngừng nâng cao đời sống. - Quan sát tranh ảnh và nhận xét về một số hoạt động kinh tế ở Châu Á. - Phân tích các bảng thống kê kinh tế, tăng trưởng GDP, về cơ cấu cây trồng của một số quốc gia , khu vực thuộc Châu Á. - Rèn kỹ năng đọc và phân tích mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên với hoạt động kinh tế, đặc biệt với sự phân bố cây trồng và vật nuôi.	
11	Bài 9. Khu vực	1	- Xác định được vị trí khu vực Tây Nam Á trên bản	- Tích hợp giáo dục kỹ năng sống

	Tây Nam Á		đồ và hiểu được vị trí chiến lược của khu vực. - Trình bày và giải thích được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội khu vực Tây Nam Á. - Đề xuất giải pháp phát triển kinh tế và giải quyết xung đột – khủng bố tại khu vực. - Phân tích biểu đồ, lược đồ tự nhiên, bảng số liệu thống kê, phim ảnh để rút ra đặc điểm vị trí, tự nhiên, dân cư, kinh tế khu vực. - Xác lập được mối quan hệ giữa các yếu tố Địa lí.	Mục 3: học sinh tự học
12	Bài 10. Điều kiện tự nhiên khu vực Nam Á	1	những đặc điểm nổi bật về tự nhiên của khu vực Nam Á. - Đọc bản đồ, tự nhiên và lược đồ phân bố lượng mưa khu vực Nam Á. - Quan sát, nhận xét ảnh địa lí	
13	Bài 11. Dân cư và đặc điểm kinh tế khu vực Nam Á	1	- Trình bày những đặc điểm nổi bật về dân cư, kinh tế của khu vực Nam Á. - Phân tích lược đồ phân bố dân cư, bảng số liệu, ảnh địa lí để nhận biết đặc điểm kinh tế Nam Á. - Quan sát, nhận xét ảnh địa lí	
14	Bài 12. Đặc điểm tự nhiên khu vực Đông Á	1	- Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của khu vực Đông Á. - Trình bày được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên của khu vực Đông Á và giải thích nguyên nhân.	- Tích hợp giáo dục kỹ năng sống

			- Phân tích biểu đồ, lược đồ tự nhiên, phim ảnh để rút ra đặc điểm vị trí, tự nhiên khu vực. - Xác lập được mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên.	
15	Ôn tập	1	- củng cố các kiến thức cơ bản về tự nhiên, kinh tế, xã hội châu Á. - củng cố các kiến thức cơ bản về tự nhiên, kinh tế, xã hội của Tây Nam Á, Nam Á, Đông Á. - củng cố kỹ năng: Phân tích biểu đồ, lược đồ, biểu đồ, các bảng số liệu thống kê về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế- xã hội. - Phát triển khả năng tổng hợp, khái quát, xác lập mối quan hệ địa lý giữa các yếu tố tự nhiên, giữa tự nhiên với sự phân bố dân cư, sự phát triển kinh tế.	
16	Ôn tập	1	- Các kiến thức cơ bản về tự nhiên, kinh tế, xã hội của Tây Nam Á, Nam Á, Đông Á. - Kỹ năng: Phân tích biểu đồ, lược đồ, biểu đồ, các bảng số liệu thống kê về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế- xã hội.	
17	Kiểm tra học kì I	1	- Trả bài kiểm tra và sửa bài kiểm tra	
18	Bài 13. Tình hình phát triển kinh tế- xã hội khu vực Đông	1	- Trình bày và giải thích được một số đặc điểm nổi bật về dân cư, kinh tế - xã hội khu vực Đông Á. - Trình bày và phân tích được tình hình phát triển	Mục 2: học sinh tự học Câu hỏi 2 phần câu hỏi và bài tập: Không yêu cầu học sinh làm.

	Á		kinh tế của một số quốc gia Đông Á. - Liên hệ tình hình xuất nhập khẩu giữa các nước khu vực Đông Á và Việt Nam. - Phân tích biểu đồ, lược đồ tự nhiên, số liệu thống kê, phim ảnh để rút ra đặc điểm dân cư, kinh tế khu vực. - Xác lập được mối quan hệ giữa các yếu tố tự nhiên, dân cư với kinh tế - xã hội. - Kỹ năng thu thập, thống kê các thông tin KT – XH để mở rộng kiến thức.	
19 HKII	Bài 14. Đông Nam Á - đất liền và hải đảo	1	- Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của khu vực Đông Á. <i>Trình bày được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên của khu vực Đông Á và giải thích nguyên nhân.</i> - Phân tích biểu đồ, lược đồ tự nhiên, phim ảnh để rút ra đặc điểm vị trí, tự nhiên khu vực.	
19	Bài 15. Đặc điểm dân cư, xã hội Đông Nam Á	1	- Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của khu vực Đông Nam Á và giải thích nguyên nhân. - So sánh được các điểm tương đồng và khác biệt về mặt xã hội của các nước trong khu vực. - Đánh giá được các thế mạnh và hạn chế của dân cư xã hội Đông Nam Á - Xử lí, phân tích và nhận xét được các bảng số liệu thống kê về dân số của khu vực Đông Nam Á. - Khai thác được các kiến thức từ bản đồ, tranh ảnh và video clip. Xác lập được mối quan hệ giữa các yếu tố địa lí.	- Tích hợp giáo dục kỹ năng sống. - Mục 2: học sinh tự học

20	Bài 16. Đặc điểm kinh tế các nước Đông Nam Á	1	- Trình bày và giải thích được các đặc điểm kinh tế cơ bản của khu vực Đông Nam Á. - Liên hệ kinh tế Việt Nam và đề xuất một số giải pháp phát triển kinh tế nhằm khai thác thế mạnh của các nước. - Phân tích bản đồ, số liệu thống kê, phim, ảnh để rút ra đặc điểm kinh tế khu vực. - Phân tích được mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tài nguyên và môi trường	- Tích hợp Kỹ năng sống - Tích hợp bảo vệ môi trường mục 2 Mục 1: học sinh tự học
20	Bài 17. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)	1	- Trình bày được Quá trình thành lập, các nước thành viên; mục tiêu hoạt động và những thành tựu đạt do sự hợp tác của các nước. - Đánh giá thuận lợi và thách thức đối với Việt Nam trong quá trình hội nhập ASEAN. - Phân tích bản đồ, bảng số liệu thống kê, tranh ảnh địa lí để nắm được quá trình hình thành, số lượng thành viên và những thành tựu nổi bật của ASEAN. - Vẽ và nhận xét được biểu đồ cột.	
21	Bài 18. Thực hành: Tìm hiểu Lào, Cam-pu-chia	1	- Xác định được vị trí của Lào và Campuchia trên lược đồ. - Phân tích được một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, kinh tế của Lào và Campuchia. - Tập hợp các tư liệu sử dụng chúng để tìm hiểu đặc điểm Địa lí một quốc gia. - Phân tích bản đồ, tranh ảnh, số liệu thống kê, văn	Mục 3, 4: học sinh tự học

			bản. - Trình bày một văn bản.	
	Bài 19, 20, 21		Giảm tải	Học sinh tự học cả bài
21	Bài 22. Việt Nam-đất nước-con người	1	Thấy được vị thế của Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới - Biết được Việt Nam là một trong những quốc gia mang đậm bản sắc thiên nhiên, văn hóa, lịch sử của khu vực Đông Nam Á - Phân tích bản đồ, tranh ảnh địa lí - Suu tầm tranh ảnh về các hoạt động đối ngoại của VN trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.	Học sinh tự học cả bài
22	Bài 23. Vị trí, giới hạn, hình dạng của lãnh thổ Việt Nam	1	- Trình bày được vị trí địa lí, giới hạn, diện tích, phạm vi lãnh thổ của nước ta. - Thấy được vị trí chiến lược về ANQP của nước ta trong khu vực và trên thế giới. - Đánh giá được ý nghĩa của vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ nước ta đối với tự nhiên và sự phát triển kinh tế - xã hội. - Đề xuất giải pháp nhằm bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ - Kỹ năng đọc bản đồ, sử dụng tranh ảnh, video để xác định vị trí, giới hạn, phạm vi lãnh thổ của nước ta - Xác lập mối liên hệ giữa các yếu tố địa lí.	
22	Bài 24. Vùng biển Việt Nam		- Trình bày được diện tích, giới hạn của vùng biển Việt Nam; khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối	- Tích hợp giáo dục kỹ năng sống, giáo dục bảo vệ môi trường Mục 2.

			với biển Đông. - Trình bày được một số đặc điểm khí hậu, hải văn của Biển Đông. - Đánh giá được một số tác động của biển Đông đến phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta . - Biết được thiên tai ở biển ngày càng dữ dội và khó lường do biến đổi khí hậu. - Phân tích được nguyên nhân cần thiết phải bảo vệ môi trường biển từ đó đề xuất giải pháp hợp lí. - Sử dụng bản đồ, lược đồ khu vực Đông Nam Á, bản đồ tự nhiên Việt Nam để xác định vị trí, giới hạn của biển Đông. - Rèn luyện kĩ năng phân tích và giải thích lược đồ khí hậu, hải văn. - Thu thập tranh ảnh, thông tin từ các tài liệu khác nhau liên quan đến chủ quyền vùng biển VN. - Thích ứng với những thiên tai ngày càng bất thường từ biển.	- Tích hợp giáo dục an ninh quốc phòng - Tích hợp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu
	Bài 25: Lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam		Giảm tải	<i>Học sinh tự học cả bài</i>
23	Bài 26. Đặc điểm tài nguyên khoáng sản	1	Kể tên được một số loại khoáng sản của nước ta. - Chứng minh được Việt Nam là nước giàu khoáng sản nhưng phần lớn các mỏ có trữ lượng nhỏ và vừa. - Phân tích được những nguyên nhân làm cạn kiệt	- Tích hợp bảo vệ môi trường mục 3; - <i>Mục 2. Sự hình thành các vùng mỏ chính ở nước ta. Học sinh tự học</i> - <i>Câu hỏi 3 phần câu hỏi và bài tập:</i>

	Việt Nam		nguồn tài nguyên khoáng sản. - Đề xuất được những biện pháp bảo vệ và sử dụng tiết kiệm tài nguyên. - Đọc bản đồ khoáng sản, nhận xét sự phân bố các mỏ khoáng sản ở nước ta. - Xác định được các mỏ khoáng sản lớn và các vùng khoáng sản trên bản đồ.	<i>Không yêu cầu học sinh làm.</i>
23	Bài 27. Thực hành: Đọc bản đồ Việt Nam (phần hành chính và khoáng sản)	1	- củng cố kiến thức về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, tổ chức hành chính của nước ta - củng cố các kiến thức về tài nguyên khoáng sản của VN, nhận xét sự phân bố khoáng sản ở Việt Nam. - Xác định được vị trí của các tỉnh, thành phố ven biển, nội địa, các tỉnh đường biên giới với Trung Quốc, Lào và Campuchia. - Đọc được bản đồ hành chính và lược đồ khoáng sản Việt Nam.	Giảm tải
24	Bài 28. Đặc điểm địa hình Việt Nam	1	- Trình bày và giải thích được 3 đặc điểm địa hình Việt Nam. - Phân tích được mối quan hệ giữa địa hình với các thành phần khác trong môi trường tự nhiên và tác động của địa hình đến sự phát triển kinh tế- xã hội đất nước. - Rèn kĩ năng đọc, hiểu khai thác kiến thức về địa hình Việt Nam trên bản đồ địa hình. - Kĩ năng phân tích lát cắt địa hình để thấy được sự phân bậc địa hình Việt Nam.	- Tích hợp bảo vệ môi trường mục 3

			- Nhận xét tác động của con người tới địa hình qua tranh ảnh thực tiễn.	
24	Bài 29. Đặc điểm các khu vực địa hình	1	- Trình bày được sự phân hóa đa dạng của địa hình Việt Nam. - Nêu được đặc điểm cấu trúc, phân bố của các khu vực địa hình đồi núi, đồng bằng, bờ biển và thềm lục địa. - Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng có nguy cơ bị thu hẹp diện tích do nước biển dâng. - Sử dụng bản đồ tự nhiên, lược đồ địa hình Việt Nam để xác định vị trí, mô tả các đặc điểm và sự phân bố các khu vực địa hình ở nước ta. - Đọc bản đồ địa hình để xác định được vị trí các dãy núi, đỉnh núi và dòng sông, trên lược đồ.	- Tích hợp giáo dục kỹ năng sống
25	Ôn tập	1	- Kiến thức từ bài 14 – bài 29	
25	Ôn tập	1	- Kỹ năng quan sát tranh ảnh, đọc và phân tích biểu đồ, bản đồ... - Tính toán số liệu và nhận xét	
26	Kiểm tra giữa kì HKII	1	- Kiến thức kỹ năng từ tuần 19 đến tuần 24	
26	Bài 30. Thực hành: Đọc bản đồ địa hình Việt Nam	1	- Nêu được các đơn vị địa hình cơ bản của nước ta. - Trình bày đặc điểm địa hình một số khu vực lãnh thổ. - Đánh giá tác động của địa hình đến đời sống kinh tế	- Tích hợp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. Mục 3: Học sinh tự học

			và xã hội - Đọc bản đồ địa hình Việt Nam. - Đọc lát cắt địa hình.	
27	Bìa 31. Đặc điểm khí hậu Việt Nam	1	- Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của khí hậu VN. - Phân tích được mối quan hệ giữa khí hậu với các thành phần tự nhiên khác. - Biết được những năm gần đây, hiện tượng BĐKH toàn cầu đã tác động mạnh đến khí hậu nước ta. - Vận dụng kiến thức đã học để giải thích những hiện tượng thời tiết thường gặp trong cuộc sống. - Sử dụng bản đồ, Atlat, biểu đồ, các bảng số liệu để trình bày đặc điểm khí hậu Việt Nam. - Xác lập mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên.	- Tích hợp bảo vệ môi trường mục 3 - Tích hợp Kỹ năng sống
27	Bài 32. Các mùa khí hậu và thời tiết ở nước ta	1	- Trình bày được những nét đặc trưng của khí hậu và thời tiết của hai mùa gió. - So sánh sự khác biệt về khí hậu và thời tiết của miền Bắc, Trung và Nam - Phân tích được những thuận lợi và khó khăn do khí hậu và thời tiết mang lại đối với đời sống và sản xuất của nhân dân. - Đề xuất giải pháp phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu - Phân tích, so sánh được bảng số liệu nhiệt độ, lượng mưa ở các trạm Hà Nội, Huế, Tp.HCM	- Tích hợp bảo vệ môi trường cả bài - Tích hợp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. Mục 3: Học sinh tự học

			- Phân tích video dự báo thời tiết.	
28	Bài 33. Đặc điểm sông ngòi VN	1	- Trình bày được các đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam: mạng lưới sông, hướng chảy, chế độ nước, lượng phù sa. - Nêu được những thuận lợi và khó khăn của sông ngòi đối với đời sống, sản xuất và sự cần thiết phải bảo vệ nguồn nước sông. - Sử dụng bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam, bản đồ mạng lưới sông ngòi Việt Nam để trình bày các đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam. - Phát triển tư duy địa lí, phân tích bảng số liệu và giải thích được các mối quan hệ giữa sông ngòi với các yếu tố tự nhiên khác và hoạt động kinh tế của con người.	- Tích hợp bảo vệ môi trường Mục 2
28	Bài 34. Các hệ thống sông lớn ở nước ta	1	- Nêu và giải thích được sự khác nhau về chế độ nước, về mùa lũ của 3 vùng : Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ. - Biết được một số hệ thống sông lớn ở nước ta. - Sử dụng bản đồ để trình bày các hệ thống sông lớn ở nước ta. - Phân tích bảng số liệu, bảng thống kê về các hệ thống sông lớn ở Việt Nam.	Học sinh tự học cả bài

29	Bài 35. Thực hành về khí hậu, thủy văn Việt Nam	1	- Giải thích được sự biến động lưu lượng nước trong năm của các sông Hồng và Gianh -Đánh giá được tác động của chế độ nước đến sản xuất và sinh hoạt - Vẽ biểu đồ lưu lượng dòng chảy và lượng mưa của 2 lưu vực sông. - Phân tích và xử lý số liệu về khí hậu - thủy văn.	- Tích hợp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu
29	Bài 36. Đặc điểm đất Việt Nam	1	- Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của đất Việt Nam - Xác định được đặc tính, sự phân bố và giá trị kinh tế của các nhóm đất chính ở nước ta. - Đánh giá được vấn đề sử dụng và cải tạo đất ở nước ta hiện nay. - Đề xuất các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm đất ở địa phương. - Đọc lát cắt địa hình, bản đồ các loại đất chính. - Quan sát, nhận biết, phân loại đất thông qua mẫu đất.	- Tích hợp bảo vệ môi trường Mục 2: Học sinh tự học
30	Bài 37. Đặc điểm sinh vật Việt Nam	1	- Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của sinh vật Việt Nam. - Trình bày được những nét cơ bản các hệ sinh thái ở Việt Nam. - Nêu được giá trị của tài nguyên sinh vật, nguyên nhân của sự suy giảm và sự cần thiết phải bảo vệ nguồn tài nguyên sinh vật ở Việt Nam.	- Tích hợp bảo vệ môi trường mục 3

			-Phân tích tranh ảnh, bảng số liệu để chứng minh sự phong phú, đa dạng của sinh vật Việt Nam.	
30	Bài 38. Bảo vệ tài nguyên sinh vật Việt Nam	1	- Trình bày được giá trị của tài nguyên sinh vật nước ta. - Phân tích được nguyên nhân của sự suy giảm của tài nguyên sinh vật nước ta. - Đề xuất các giải pháp bảo vệ, gìn giữ nguồn tài nguyên sinh vật nước ta. - Phân tích bảng số liệu về diện tích rừng. - Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến một số động, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng.	- Tích hợp bảo vệ môi trường cả bài Học sinh tự học cả bài
31	Bài 39. Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam	1	Trình bày và giải thích được 4 đặc điểm chung của TNVN: Nhiệt đới ẩm gió mùa, chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển, nhiều đồi núi, phân hóa đa dạng, phức tạp. - Nêu được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với đời sông và phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta. - Sử dụng bản đồ tự nhiên VN để nhận biết sự phân bậc độ cao địa hình, các hướng gió chính, các dòng biển, các dòng sông lớn. - Kỹ năng tư duy địa lí tổng hợp	Học sinh tự học cả bài
31	Bài 40. Thực hành: Đọc lát cắt tự nhiên tổng hợp	1	- So sánh và giải thích được đặc điểm địa hình và khí hậu của khu vực Tây Bắc - Củng cố kiến thức địa lí cơ bản về địa lí TNVN: địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh vật, đất ...	- Tích hợp Kỹ năng sống

			- Phân tích lát cắt thấy được cấu trúc đứng, cấu trúc ngang của một lát cắt tự nhiên tổng hợp. - Phân tích được mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành phần tự nhiên	
32	Bài 41. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ	1	- Xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của miền. - Trình bày được đặc điểm về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. - Phân tích được những khó khăn và hạn chế của vùng từ đó đề xuất các giải pháp nhằm khai thác hiệu quả hơn nữa thế mạnh vùng. - Phân tích bản đồ, lát cắt địa lí, bảng số liệu thống kê, tranh ảnh, video clip... để xác định vị trí, trình bày và giải thích các đặc điểm tự nhiên của vùng.	- Tích hợp bảo vệ môi trường mục 3 Mục 4: Học sinh tự học
32	Bài 42. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ	1	- Xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của miền. - Trình bày và giải thích được các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. - Phân tích được những khó khăn và hạn chế của vùng từ đó đề xuất các giải pháp nhằm khai thác hiệu quả hơn nữa thế mạnh vùng. - Phân tích bản đồ, lát cắt địa lí, bảng số liệu thống kê, tranh ảnh, video clip... để xác định vị trí, trình bày và giải thích các đặc điểm tự nhiên của vùng.	- Tích hợp bảo vệ môi trường Mục 4: Học sinh tự học
33	Ôn tập học kỳ II	1	- củng cố các kiến thức cơ bản về tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á. - Phát triển khả năng tổng hợp, khái quát hóa các kiến	

			thức cơ bản đã học. - Củng cố và phát triển các kỹ năng phân tích bản đồ, lược đồ, bảng số liệu thống kê, xác lập các mối quan hệ địa lí.	
33	Ôn tập học kỳ II		Củng cố các kiến thức cơ bản về tự nhiên Việt Nam	
34	Kiểm tra học kỳ II		- Các kiến thức cơ bản về tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Đông Nam Á. - Kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa các kiến thức cơ bản đã học. - Kỹ năng phân tích bản đồ, lược đồ, bảng số liệu thống kê, xác lập các mối quan hệ địa lí. - Các kiến thức cơ bản về tự nhiên Việt Nam	
34	Kiểm tra học kỳ II	1	Trả bài thi và sử bài thi cho học sinh	
35	Bài 43. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ	1	- Xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của miền. - Trình bày và giải thích được các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. - Phân tích được những khó khăn và hạn chế của vùng từ đó đề xuất các giải pháp nhằm khai thác hiệu quả hơn nữa thế mạnh vùng. - Phân tích bản đồ, lát cắt địa lí, bảng số liệu thống kê, tranh ảnh, video clip... để xác định vị trí, trình bày và giải thích các đặc điểm tự nhiên của vùng.	- Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường - Tích hợp giáo dục kỹ năng sống Mục 4: Học sinh tự học - Giáo dục bảo vệ biển-đảo - Tích hợp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu.

35	Thực hành: Tìm hiểu địa phương	1	- Biết sử dụng kiến thức của các môn Lịch sử, Địa lí để tìm hiểu địa lí địa phương. - Rèn kỹ năng điều tra, thu thập thông tin, phân tích thông tin	
----	---	---	--	--

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC BỘ MÔN ĐỊA LÍ. KHỐI LỚP 9

(Năm học 2021 - 2022)

53 tiết/35 tuần

HKI: 18 tuần (2 tiết/tuần)

HKII: 17 tuần (1 tiết/tuần)

STT	Tên chương/ chủ đề (1)	Bài học (2)	Số tiết (3)	Yêu cầu cần đạt (4)	Hướng dẫn thực hiện trong điều kiện phòng, chống Covid-19 (4)
HKI 1	CHỦ ĐỀ 1: ĐỊA LÝ DÂN CƯ (5 tiết)	BÀI 1: Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	1	- Nêu được một số đặc điểm về dân tộc : Việt Nam có 54 dân tộc ; mỗi dân tộc có đặc trưng về văn hoá thể hiện trong ngôn ngữ, trang phục, phong tục, tập quán. - Biết dân tộc có trình độ phát triển kinh tế khác nhau, chung sống đoàn kết, cùng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. - Trình bày được sự phân bố các dân tộc	

				ở nước ta. - Phân tích bảng số liệu về số dân phân theo thành phần dân tộc. - Thu thập thông tin về một dân tộc	
		Bài 2: Dân số và gia tăng dân số Nội dung cần bổ sung Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư giai đoạn 1999-2019. Phần sẽ được bổ sung: Dạy bổ sung thêm vào mục III SGK Địa lí 9 hiện hành	1	- Trình bày được một số đặc điểm của dân số nước ta ; nguyên nhân và hậu quả. -Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư - Vẽ và phân tích biểu đồ dân số Việt Nam. - Phân tích và so sánh tháp dân số nước ta các năm 1999 và 2019.	
2		Bài 3: Phân bố dân cư và các loại hình quần cư.	1	- Trình bày được tình hình phân bố dân cư nước ta : không đồng đều theo lãnh thổ, tập trung đông đúc ở đồng bằng và các đô thị, ở miền núi dân cư thưa thớt. - Phân biệt được các loại hình quần cư thành thị và nông thôn theo chức năng và hình thái quần cư. - Nhận biết quá trình đô thị hoá ở nước ta. - Sử dụng bảng số liệu và bản đồ để	Mục II. Học sinh tự học

				nhận biết sự phân bố dân cư ở Việt Nam.	
		Bài 4: Lao động việc làm, chất lượng cuộc sống	1	- Trình bày được đặc điểm về nguồn lao động và việc sử dụng lao động. - Biết được sức ép của dân số đối với việc giải quyết việc làm ở nước ta. - Trình bày được hiện trạng chất lượng cuộc sống ở Việt Nam : còn thấp, không đồng đều, đang được cải thiện. - Phân tích biểu đồ, bảng số liệu về cơ cấu sử dụng lao động.	
3		Bài 5: Thực hành phân tích và so sánh tháp dân số năm 1989 và 1999.	1	- Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư. - HS biết cách phân tích, so sánh tháp dân số - Tìm được sự thay đổi và xu thế thay đổi cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta. - củng cố và hình thành ở mức độ cao về kĩ năng đọc phân tích so sánh tháp tuổi.	Câu 3: Học sinh tự sinh
	Chủ đề 2: Địa lý kinh tế	Bài 6: Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam	1	-Trình bày sơ lược về quá trình phát triển của nền kinh tế Việt Nam. - Thấy được chuyển dịch cơ cấu kinh tế ;những thành tựu và thách thức. - Phân tích biểu đồ để nhận xét sự	Mục I. Nền kinh tế nước ta trước thời kì đổi mới học sinh tự học

	(11 tiết)			chuyển dịch cơ cấu kinh tế.	
4		Bài 7: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp	1	- Phân tích được các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp. - Biết sơ đồ các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp	
		Bài 8: Sự phát triển và phân bố nông nghiệp Nội dung cần bổ sung – Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả. – Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh. Phần sẽ được bổ sung: Dạy bổ sung vào bài 8 - SGK Địa lí 9 hiện hành	1	- Trình bày được tình hình phát triển của sản xuất nông nghiệp : phát triển vững chắc, sản phẩm đa dạng, trồng trọt vẫn là ngành chính. - Trình bày và giải thích sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi. - Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả. -Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh	

5		Bài 9: Sự phát triển và phân bố sản xuất lâm nghiệp và thủy sản. Nội dung cần bổ sung Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản. Phần sẽ được bổ sung: Dạy bổ sung vào bài 9, mục I.1; II.1 - SGK Địa lí 9 hiện hành	1	- Biết được thực trạng độ che phủ rừng của nước ta ; vai trò của từng loại rừng. - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp. - Trình bày được nguồn lợi thủy, hải sản ; sự phát triển và phân bố của ngành khai thác, nuôi trồng thủy sản. - Phân tích bản đồ để thấy rõ sự phân bố của các loại rừng, bãi tôm, cá. - Phân tích bảng số liệu, biểu đồ để thấy sự phát triển của lâm nghiệp, thủy sản. -Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản.	Câu hỏi 3: Thay đổi yêu cầu thành vẽ biểu đồ hình cột
		Bài 10: Thực hành vẽ và phân tích biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo các loại cây , sự tăng trưởng đàn gia	1	- Rèn luyện kỹ năng xử lý bảng số liệu , kỹ năng vẽ biểu đồ cơ cấu (hình tròn) và kỹ năng vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng. - Rèn luyện kỹ năng đọc biểu đồ, rút ra các nhận xét và giải thích.	Bài tập 1: học sinh tự học

		sức , gia cầm			
6		Bài 11: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp	1	- Phân tích các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. - Trình bày được tình hình phát triển của sản xuất công nghiệp. - Trình bày được một số thành tựu của sản xuất công nghiệp : cơ cấu đa ngành với một số ngành trọng điểm khai thác thế mạnh của đất nước ; thực hiện công nghiệp hoá.	
		Bài 12: Sự phát triển và phân bố công nghiệp Nội dung cần bổ sung Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh. Phần sẽ được bổ sung: Dạy bổ sung vào bài 12, mục I - SGK Địa lí 9 hiện hành	1	- Biết sự phân bố của một số ngành công nghiệp trọng điểm. - Phân tích biểu đồ để nhận biết cơ cấu ngành công nghiệp. - Phân tích bản đồ công nghiệp để thấy rõ các trung tâm công nghiệp, sự phân bố của một số ngành công nghiệp. - Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính. - Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh	Mục II. Học sinh tự học không học. Câu hỏi bài tập 3 : học sinh tự học

7		Bài 13: Vai trò, đặc điểm phát triển và phân bố của dịch vụ	1	- Biết được cơ cấu và sự phát triển ngày càng đa dạng của ngành dịch vụ. - Hiểu được vai trò quan trọng của ngành dịch vụ. - Biết được đặc điểm phân bố của ngành dịch vụ nói chung.	
		Bài 14: GTVT và bưu chính viễn thông	1	- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố của một số ngành dịch vụ : giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch. - Phân tích số liệu, biểu đồ để nhận biết cơ cấu và sự phát triển của ngành dịch vụ ở nước ta. - Xác định trên bản đồ một số tuyến đường giao thông quan trọng, một số sân bay, bến cảng lớn.	Mục II: Bưu chính viễn thông tự học
8		Bài 15: Thương mại và du lịch Nội dung cần bổ sung Phân tích	1	-Biết được cơ cấu và vai trò của ngành dịch vụ, đặc điểm phát triển và phân bố các ngành dịch vụ nói chung. Vẽ sơ đồ, giải thích sự phân bố ngành dịch vụ. - Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch.	

		được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch. Phần sẽ được bổ sung: Dạy bổ sung vào bài 15 –phần I.2 và II.2 SGK Địa lí 9 hiện hành.			
8		Bài 16:Thực hành: Vẽ biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu kinh tế	1	Vẽ biểu đồ: thể hiện cơ cấu bằng biểu đồ miền.Giải thích được sự thay đổi cơ cấu của nước ta	<i>Học sinh tự học cả bài</i>
9		Ôn tập	1	Kiến thức:Trình bày được sự phát triển và phân bố của các ngành kinh tế. - Kỹ năng: +Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu của một ngành kinh tế. + Xác định trên bản đồ các trung tâm công nghiệp, các vùng nông nghiệp, các sản phẩm ngành nông, lâm và ngư nghiệp, các đường giao thông, sân bay, hải cảng.	
		Kiểm tra giữa kì I	1		

	Chủ đề 3: sự phân hóa lãnh thổ (20 tiết)	Bài 17: Vùng trung du miền núi Bắc Bộ	1	- Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. Nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội . - Trình bày được đặc điểm TN, TNTN của vùng và những thuận lợi khó khăn đối với việc phát triển kinh tế - xã hội - Trình bày được đặc điểm DC-XH và những thuận lợi khó khăn đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng.	- Mục III: Đặc điểm xã hội. Học sinh tự học.
10		Bài 18: Vùng trung du miền núi Bắc Bộ (tt)	1	- Trình bày được thế mạnh kinh tế ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, thể hiện ở một số ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và sự phân bố của các ngành đó. - Nêu được tên các trung tâm kinh tế và các ngành kinh tế của từng trung tâm.	
		Bài 19. Thực hành: Đọc bản đồ, phân tích và đánh giá ảnh hưởng của tài nguyên khoáng sản đối với phát triển công nghiệp ở Trung du và miền	1	-	- Học sinh tự học cả bài

		núi Bắc Bộ			
11		Bài 20: Vùng Đồng bằng sông Hồng Nội dung cần bổ sung – Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội. – Su rầm tư liệu và trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Phần sẽ được bổ sung: Dạy bổ sung vào bài 20, mục III - SGK Địa 9, hiện hành	1	Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Phân tích được thế mạnh của vùng về TNTN đối với sự phát triển nông, lâm, thuỷ sản, vấn đề phát triển kinh tế biển. - Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế-xã hội của vùng. - Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng, vị thế của Thủ đô Hà Nội. Su rầm tư liệu và trình bày được về vùng kinh tế BTB - Su rầm tư liệu và trình bày về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	Mục III: Đặc điểm xã hội. Học sinh tự học.
		Bài 21: Đồng bằng sông Hồng (tt):	1	-Trình bày được tình hình phát triển kinh tế của vùng. - Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn - Xác định trên lược đồ vị trí, giới	

				hạn của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. - Phân tích biểu đồ, số liệu thống kê để hiểu và trình bày sự phát triển kinh tế của vùng. - Sử dụng lược đồ để thấy rõ các ngành kinh tế của vùng.	
12		Bài 22: Thực hành vẽ và phân tích biểu đồ về mối quan hệ giữa dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người	1	- Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, sản lượng lương thực theo đầu người để củng cố kiến thức đã học về vùng đồng bằng sông Hồng, một vùng đất chật người đông mà giải pháp quan trọng là thâm canh tăng vụ và tăng năng suất. - Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).	Câu 2. Học sinh tự làm.
		Bài 23: Vùng Bắc Trung Bộ: Nội dung cần bổ sung – Trình bày được vấn đề phòng chống	1	- Nhận biết vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế- xã hội. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của vùng.	Mục III: Đặc điểm xã hội. Học sinh tự học.

		thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ. – Phân tích được thế mạnh về du lịch ở vùng Bắc Trung Bộ Phần sẽ được bổ sung: Dạy bổ sung vào bài 23, mục II và bài 24, mục IV.3 – SGK Địa lí 9 hiện hành).		- Xác định được vị trí, giới hạn của vùng trên bản đồ. - Sử dụng bản đồ tự nhiên, dân cư, kinh tế để phân tích và trình bày về đặc điểm tự nhiên, dân cư của vùng Bắc Trung Bộ. - Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ. - Phân tích được thế mạnh về du lịch ở vùng Bắc Trung Bộ	
13 13		Bài 24: Vùng Bắc Trung Bộ (tt)	1	- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố một số ngành sản xuất chủ yếu : trồng rừng và cây công nghiệp, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ; khai thác khoáng sản ; dịch vụ du lịch. - Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn và chức năng chủ yếu của từng trung tâm. - Sử dụng bản đồ tự nhiên, dân cư, kinh tế để phân tích và trình bày về đặc điểm tự nhiên, dân cư, phân bố một số ngành sản xuất của vùng Bắc Trung Bộ. - Phân tích được thế mạnh về du lịch ở BTB. - Phân tích được vấn đề phát triển	

				kinh tế biển ở BTB.	
		Bài 25: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ Nội dung cần bổ sung –Sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận Phần sẽ được bổ sung: Dạy bổ sung vào bài 25, mục II - SGK Địa lí 9 hiện hành.	1	- Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên tự nhiên của vùng ; những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội : những thuận lợi và khó khăn của dân cư, xã hội đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. - Xác định được vị trí, giới hạn của vùng trên bản đồ. - Phân tích số liệu thống kê, biểu đồ kinh tế, bản đồ tự nhiên, kinh tế để nhận biết đặc điểm tự nhiên, dân cư. - Sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận	Mục III: Đặc điểm xã hội. Học sinh tự học.
				- Trình bày được một số ngành kinh tế tiêu biểu của vùng: nông nghiệp,	

		Bài 26: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (tt)	1	công nghiệp, dịch vụ. - Nêu được tên các trung tâm kinh tế chính: Đà Nẵng , Quy Nhơn, Nha Trang. - Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. - Phân tích được sự phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). - Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. - củng cố sự hiểu biết về kinh tế biển ở cả hai vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ - Rèn kĩ năng đọc bản đồ, phân tích bảng số liệu thống kê liên kết không gian kinh tế Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ .	
14		Bài 27: Thực hành: Kinh tế biển Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ	1	- củng cố sự hiểu biết về kinh tế biển ở cả hai vùng bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ - Rèn kĩ năng đọc bản đồ, phân tích bảng số liệu thống kê liên kết không gian kinh tế Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ .	Mục I: Học sinh tự học.
15		Bài 28: Vùng Tây Nguyên	1	- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài	Mục III: Đặc điểm xã hội. Học sinh tự học.

				nguyên thiên nhiên của vùng. - Nhận xét được đặc điểm dân cư, văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên.	
		Ôn tập	1	- Ôn tập các kiến thức về TN, dân cư, kinh tế của các vùng kinh tế nước ta. - Rèn kỹ năng vẽ biểu đồ rút ra nhận xét.	
16		Ôn tập	1	- Ôn tập các kiến thức về TN, dân cư, kinh tế của các vùng kinh tế nước ta. - Rèn kỹ năng vẽ biểu đồ rút ra nhận xét.	
		Kiểm tra cuối	1	- Kiểm tra, đánh giá mức độ nắm vững kiến thức, kỹ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức: Biết, hiểu và vận dụng của học sinh sau khi học các nội dung về các vùng kinh tế	
17		Sửa bài			
		Sửa bài			
18		Bài 29: Vùng Tây Nguyên (tt)	1	- Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Tây Nguyên; các vấn đề môi trường trong phát triển.	

		Bài 30: Vùng Tây Nguyên (tt)	1	Nắm được tình hình sản xuất các loại cây CN lâu năm ở Trung du và miền núi BB với Tây Nguyên.	Mục II: Học sinh tự học.
19 HKII	Chủ đề 3: phân hóa lãnh thổ (tt) (6 tiết)	Bài 31: Vùng Đông Nam Bộ Nội dung cần bổ sung - Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ - Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng - Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh Phần sẽ được bổ sung: Dạy bổ sung vào bài 31, mục III và bài 33 mục V SGK Địa	1	- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hóa ở vùng Đông Nam Bộ - Phân tích được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh và hạn chế chính	Mục III: Đặc điểm xã hội. Học sinh tự học.

		lí 9 hiện hành			
20		Bài 32: Vùng Đông Nam Bộ	1	- Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).	
21		Bài 33: Vùng Đông Nam Bộ (tt)	1	- Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng. - Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh. - Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.	
		Bài 34. Thực hành: Phân tích một số ngành công nghiệp trọng điểm ở Đông Nam Bộ			<i>Học sinh tự học cả bài</i>
22		Bài 35: Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long Nội dung cần bổ	1	- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. - Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng.	Mục III: Đặc điểm xã hội. <i>Học sinh tự học</i>

		sung –Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó. -Phần sẽ được bổ sung: (Dạy bổ sung vào bài 35, mục II- SGK Địa lí 9 hiện hành).		- Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó.	
23		Bài 36: Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long	1	- Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). - Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	
24		Bài 37: Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long (tt)	1	- Rèn luyện kỹ năng vẽ và phân tích biểu đồ. Hiểu đầy đủ hơn ngoài thế mạnh lương thực thực phẩm vùng còn có thế mạnh về thủy sản. - Củng cố và phát triển kỹ năng xử lý số liệu thống kê và phân tích biểu đồ. - Xác lập mối quan hệ giữa các điều kiện với phát triển sản xuất của ngành thủy sản của đồng bằng sông	Học sinh tự học cả bài

				Cửu Long.	
25	Chủ đề 4 : Biển đảo Việt Nam (3 tiết)	Bài 38: Phát triển tổng hợp kinh tế biển và bảo vệ môi trường biển đảo.	1	- Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia; xác định trên bản đồ các huyện đảo và các tỉnh có các huyện đảo đó. - Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.	
26		Ôn tập	1	- Hệ thống lại các kiến thức: Về tiềm năng phát triển kinh tế, về mặt tự nhiên, dân cư - xã hội của Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long .	
27		Kiểm tra giữa kì II	1	- Kiểm tra, đánh giá mức độ nắm vững kiến thức, kĩ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức: Biết, hiểu và vận dụng của học sinh sau khi học các nội dung: Các vùng kinh tế	
28		Bài 39: Phát triển tổng hợp kinh tế biển và bảo vệ môi trường biển đảo.(tt)	1	- Phân tích được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.	

29		Bài 40: Thực hành: Đánh giá tiềm năng kinh tế của các đảo ven bờ và tìm hiểu ngành công nghiệp dầu khí	1	- Xác định được vị trí, phạm vi vùng biển Việt Nam. - Kể tên và xác định được vị trí một số đảo và quần đảo lớn từ Bắc vào Nam. - Phân tích bản đồ, sơ đồ, số liệu thống kê để nhận biết tiềm năng kinh tế của các đảo, quần đảo của Việt Nam, tình hình phát triển của ngành dầu khí.	<i>Học sinh tự học cả bài</i>
30	Chủ đề 5: Địa lý địa phương (3 tiết)	Bài 41: Địa lí địa phương		- Nhận biết vị trí địa lí và ý nghĩa của nó đối với phát triển kinh tế - xã hội. - Nêu được giới hạn, diện tích của tỉnh (thành phố) ; các đơn vị hành chính và trung tâm kinh tế chính trị của tỉnh (thành phố). - Trình bày được đặc điểm địa hình, khí hậu, thủy văn, đất, thực vật, khoáng sản của tỉnh (thành phố).	<i>Học sinh tự học cả bài</i>
31		Ôn tập		- củng cố lại kiến thức: tiềm năng kinh tế to lớn của biển, đảo Việt Nam, thế mạnh của kinh tế biển đảo. - Khả năng phát triển kinh tế của địa phương	
32		Kiểm tra cuối kì 2		- Kiểm tra mức độ nhận thức của học sinh về đặc điểm tự nhiên, tình hình phát triển kinh tế của hai vùng	

				Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, vùng biển đảo Việt nam và đặc điểm tự nhiên địa phương	
33		Sửa bài			
34		Bài 42: Địa lí địa phương		- Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (thành phố). - Trình bày được đặc điểm dân cư: số dân, sự gia tăng, cơ cấu dân số, phân bố dân cư - Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn của dân cư và lao động trong việc phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày và giải thích được những đặc điểm kinh tế của địa phương.	<i>Học sinh tự học cả bài</i>
35		Bài 43: Địa lí địa phương	1	- Xác định trên bản đồ vị trí địa lí của tỉnh (thành phố). - Phân tích số liệu, biểu đồ, bản đồ để biết đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế của tỉnh (thành phố).	<i>Học sinh tự học cả bài</i>

C. MÔN GD&ĐT.

1. Chuyên đề hoặc thao giảng cấp TP:

TT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)	Thời gian thực hiện (dự kiến)
1	Vận dụng các trò chơi để tạo hứng thú học tập cho học sinh trong dạy học môn GDCD 6	1 buổi	Đưa ra được phương pháp tạo hứng thú học tập cho học sinh trong dạy học môn GDCD 6	Thực hiện dạy minh họa bài tự lập	Tháng 10/2021. Đơn vị thực hiện THCS Trường Thạnh
2	Thiết kế trò chơi trắc nghiệm trên Quizziz	1 buổi	Tạo trò chơi trắc nghiệm trực tuyến.	Tạo bài kiểm tra trắc nghiệm trực tuyến.	Tháng 11/2021. Đơn vị thực hiện THCS Lương Định Của
3	Phương pháp giáo dục, phổ biến pháp luật cho học sinh lớp 6.	1 buổi	Đề xuất được các phương pháp giáo dục để phổ biến pháp luật cho HS đạt kết quả thiết thực.	Thực hiện dạy minh họa bài Công dân nước CHXHCN Việt Nam	Tháng 3/2022. Đơn vị thực hiện TH, THCS, THPT Emasi Vạn Phúc

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	HS nắm được nội dung của chủ đề 1, 2, 3. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. Đề kiểm tra đảm bảo 4 mức độ: 40% điểm nhận biết, 30% điểm thông hiểu, 20% điểm vận dụng, 10% điểm vận dụng cao.	Viết trên giấy (nếu học trực tiếp) hoặc làm bài tập trực tuyến (nếu học trực tuyến)
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	HS nắm được nội dung của tất cả các chủ đề đã học từ chủ đề 1 đến chủ đề 5. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. Đề kiểm tra đảm bảo 4 mức độ: 40% điểm nhận biết,	Viết trên giấy (nếu học trực tiếp) hoặc làm bài tập trực tuyến (nếu học trực tuyến)

			30% điểm thông hiểu, 20% điểm vận dụng, 10% điểm vận dụng cao.	
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	HS nắm được nội dung của chủ đề 6, 7, 8, 9. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. Đề kiểm tra đảm bảo 4 mức độ: 40% điểm nhận biết, 30% điểm thông hiểu, 20% điểm vận dụng, 10% điểm vận dụng cao.	Viết trên giấy (nếu học trực tiếp) hoặc làm bài tập trực tuyến (nếu học trực tuyến)
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	HS nắm được nội dung của tất cả các chủ đề đã học từ chủ đề 7 đến chủ đề 12. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. Đề kiểm tra đảm bảo 4 mức độ: 40% điểm nhận biết, 30% điểm thông hiểu,	Viết trên giấy (nếu học trực tiếp) hoặc làm bài tập trực tuyến (nếu học trực tuyến)

			20% điểm vận dụng, 10% điểm vận dụng cao.	
--	--	--	--	--

Khối 7

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 8	HS nắm được nội dung của chủ đề 1, 2. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. Đề kiểm tra đảm bảo 4 mức độ: 40% điểm nhận biết, 30% điểm thông hiểu, 20% điểm vận dụng, 10% điểm vận dụng cao.	Viết trên giấy (nếu học trực tiếp) hoặc làm bài tập trực tuyến (nếu học trực tuyến)
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	HS nắm được nội dung của chủ đề 1, 2, 3, 4. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống.	Viết trên giấy (nếu học trực tiếp) hoặc làm bài tập trực tuyến (nếu học trực tuyến)

			Đề kiểm tra đảm bảo 4 mức độ: 40% điểm nhận biết, 30% điểm thông hiểu, 20% điểm vận dụng, 10% điểm vận dụng cao.	
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 28	HS nắm được nội dung của chủ đề 5, 6, 7. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. Đề kiểm tra đảm bảo 4 mức độ: 40% điểm nhận biết, 30% điểm thông hiểu, 20% điểm vận dụng, 10% điểm vận dụng cao.	Viết trên giấy (nếu học trực tiếp) hoặc làm bài tập trực tuyến (nếu học trực tuyến)
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	HS nắm được nội dung của chủ đề 5, 6, 7, 8, 9. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống.	Viết trên giấy (nếu học trực tiếp) hoặc làm bài tập trực tuyến (nếu học trực tuyến)

			Đề kiểm tra đảm bảo 4 mức độ: 40% điểm nhận biết, 30% điểm thông hiểu, 20% điểm vận dụng, 10% điểm vận dụng cao.	
--	--	--	---	--

Khối 8

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 10	HS nắm được nội dung của chủ đề 1, 2 và 3. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. Đề kiểm tra đảm bảo 4 mức độ: 40% điểm nhận biết, 30% điểm thông hiểu, 20% điểm vận dụng, 10% điểm vận dụng cao.	Viết trên giấy (nếu học trực tiếp) hoặc làm bài tập trực tuyến (nếu học trực tuyến)

Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	HS nắm được nội dung của chủ đề 1, 2, 3, 4, 5. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. Đề kiểm tra đảm bảo 4 mức độ: 40% điểm nhận biết, 30% điểm thông hiểu, 20% điểm vận dụng, 10% điểm vận dụng cao.	Viết trên giấy (nếu học trực tiếp) hoặc làm bài tập trực tuyến (nếu học trực tuyến)
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 29	HS nắm được nội dung của chủ đề 6, 7 và 8. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. Đề kiểm tra đảm bảo 4 mức độ: 40% điểm nhận biết, 30% điểm thông hiểu, 20% điểm vận dụng, 10% điểm vận dụng cao.	Viết trên giấy (nếu học trực tiếp) hoặc làm bài tập trực tuyến (nếu học trực tuyến)

Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	HS nắm được nội dung của chủ đề 6, 7, 8, 9, 10. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. Đề kiểm tra đảm bảo 4 mức độ: 40% điểm nhận biết, 30% điểm thông hiểu, 20% điểm vận dụng, 10% điểm vận dụng cao.	Viết trên giấy (nếu học trực tiếp) hoặc làm bài tập trực tuyến (nếu học trực tuyến)
------------------	---------	---------	---	---

Khối 9

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
-----------------------------------	------------------------------	------------------------------	--------------------------------	--------------------------

Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	- HS nắm được nội dung của các bài 1, 2, 3, và chủ đề Năng động, sáng tạo và làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả. Vận dụng thực hành các bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. Đề kiểm tra đảm bảo 4 mức độ: 40% điểm nhận biết, 30% điểm thông hiểu, 20% điểm vận dụng, 10% điểm vận dụng cao.	Viết trên giấy (nếu học trực tiếp) hoặc làm bài tập trực tuyến (nếu học trực tuyến)
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	- HS nắm được nội dung của các bài 1, 2, 3, 4, 7 và 2 chủ đề: Năng động, sáng tạo và làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả – Tình hữu nghị hợp tác giữa các nước trên thế giới. Vận dụng thực hành các bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. Đề kiểm tra đảm bảo 4 mức độ: 40% điểm nhận biết, 30% điểm thông hiểu, 20% điểm vận dụng,	Viết trên giấy (nếu học trực tiếp) hoặc làm bài tập trực tuyến (nếu học trực tuyến)

			10% điểm vận dụng cao.	
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	- HS nắm được nội dung của các bài 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 . Vận dụng thực hành các bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. Đề kiểm tra đảm bảo 4 mức độ: 40% điểm nhận biết, 30% điểm thông hiểu, 20% điểm vận dụng, 10% điểm vận dụng cao.	Viết trên giấy (nếu học trực tiếp) hoặc làm bài tập trực tuyến (nếu học trực tuyến)

Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	HS nắm được nội dung của các bài 12, 13, 14, 15. Vận dụng thực hành các bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. Đề kiểm tra đảm bảo 4 mức độ: 40% điểm nhận biết, 30% điểm thông hiểu, 20% điểm vận dụng, 10% điểm vận dụng cao.	Viết trên giấy (nếu học trực tiếp) hoặc làm bài tập trực tuyến (nếu học trực tuyến)
---------------	---------	---------	--	---

D. MÔN GD&CD:

Phụ lục I
KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC BỘ MÔN GD&CD KHỐI LỚP 6
Năm học 2021 - 2022

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)
------------	------------------------	----------------------------	--------------------------------	--

1	Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ	2	- Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ. - Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống của gia đình, dòng họ. - Biết giữ gìn, phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ bằng những việc làm cụ thể phù hợp.	- Tùy điều kiện thực tế khi giảng dạy, GV chủ động thực hiện các nội dung tích hợp, lồng ghép sao cho phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt.
---	---	---	---	--

2	Bài 2: Yêu thương con người	3	- Nêu được khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người. - Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người. - Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người. - Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương con người. - Phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người.	- Tùy điều kiện thực tế khi giảng dạy, GV chủ động thực hiện các nội dung tích hợp, lồng ghép sao cho phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt.
---	-----------------------------	---	--	--

3	Bài 3: Siêng năng kiên trì	3	- Nêu được khái niệm và biểu hiện của siêng năng, kiên trì. - Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì. - Siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hàng ngày. - Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học tập, lao động. - Quý trọng những người siêng năng, kiên trì; góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng hay nản lòng để khắc phục hạn chế này.	- Tùy điều kiện thực tế khi giảng dạy, GV chủ động thực hiện các nội dung tích hợp, lồng ghép sao cho phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt.
---	----------------------------	---	--	--

4	Bài 4: Tôn trọng sự thật	2	- Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật. - Hiểu vì sao phải tôn trọng sự thật. - Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. - Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật.	- Tùy điều kiện thực tế khi giảng dạy, GV chủ động thực hiện các nội dung tích hợp, lồng ghép sao cho phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt.
---	--------------------------	---	--	--

5	Bài 5: Tự lập	3	- Nêu được khái niệm tự lập - Liệt kê các biểu hiện của người có tính tự lập. - Hiểu được vì sao phải tự lập, - Đánh giá khả năng tự lập của bản thân và người khác. - Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng; không dựa dẫm, ỷ lại và phụ thuộc vào người khác.	- Tùy điều kiện thực tế khi giảng dạy, GV chủ động thực hiện các nội dung tích hợp, lồng ghép sao cho phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt.
---	---------------	---	---	--

	Bài 6: Tự nhận thức bản thân	3	- Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân - Nhận biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân. - Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân. - Biết tôn trọng bản thân. - Xây dựng kế hoạch phát huy điểm mạnh, hạn chế điểm yếu của bản thân.	- Tùy điều kiện thực tế khi giảng dạy, GV chủ động thực hiện các nội dung tích hợp, lồng ghép sao cho phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt.
--	------------------------------	---	---	--

7	Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm	3	- Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em. - Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm. - Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn.	- Tùy điều kiện thực tế khi giảng dạy, GV chủ động thực hiện các nội dung tích hợp, lồng ghép sao cho phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt.
---	---	---	--	--

8	Bài 8: Tiết kiệm	3	- Nêu được khái niệm của tiết kiệm và biểu hiện của tiết kiệm (thời gian, tiền bạc, điện, nước...) - Hiểu được vì sao phải tiết kiệm. - Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống và học tập. - Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh. - Phê phán những biểu hiện của lãng phí.	- Tùy điều kiện thực tế khi giảng dạy, GV chọn động thực hiện các nội dung tích hợp, lồng ghép sao cho phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt.
---	------------------	---	---	---

9	Bài 9: Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2	- Nêu được khái niệm công dân; căn cứ xác định công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nêu được quy định của Hiến Pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. - Bước đầu thực hiện được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.	- Tùy điều kiện thực tế khi giảng dạy, GV chủ động thực hiện các nội dung tích hợp, lồng ghép sao cho phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt.
10	Bài 10: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam		- Nêu được những quy định của Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. - Thực hiện được quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân phù hợp với lứa tuổi.	- Tùy điều kiện thực tế khi giảng dạy, GV chủ động thực hiện các nội dung tích hợp, lồng ghép sao cho phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt.

11	Bài 11: Quyền cơ bản của trẻ em	2	- Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em, ý nghĩa của quyền trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em. - Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em. - Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em.	- Tùy điều kiện thực tế khi giảng dạy, GV chủ động thực hiện các nội dung tích hợp, lồng ghép sao cho phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt.
----	---------------------------------------	---	---	--

12	Bài 12: Thực hiện quyền trẻ em	2	- Trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em. - Những hành vi thực hiện đúng và những hành vi vi phạm quyền trẻ em. - Nhận xét, đánh giá việc thực hiện quyền trẻ em của gia đình, nhà trường, cộng đồng. - Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em. - Bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt hơn quyền trẻ em.	- Tùy điều kiện thực tế khi giảng dạy, GV chủ động thực hiện các nội dung tích hợp, lồng ghép sao cho phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt.
----	--------------------------------	---	--	--

Phụ lục II
KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC BỘ MÔN GD&ĐT KHỐI LỚP 7
(Năm học 2021 - 2022)

HỌC KÌ 1 - PHẦN 1: CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC

STT	CHỦ ĐỀ	TÊN BÀI DẠY	SỐ TIẾT	TUẦN – TIẾT	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG GIẢM TẢI	NHỮNG NỘI DUNG TÍCH HỢP, LỒNG GHÉP
1	QUAN HỆ VỚI BẢN THÂN	Bài 1: Sống giản dị	1 tiết	Tuần 1 – Tiết 1	- Hiểu được khái niệm, biểu hiện của sống giản dị, cần phân biệt được giản dị với xa hoa, cầu kì, phô trương hình thức với luộm thuộm, cầu thả. - Hiểu được ý nghĩa của sống giản dị. - Hiểu thêm về lối sống giản dị của Bác Hồ.		* Lồng ghép nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về tấm gương sống giản dị của Bác : - Là Chủ tịch nước nhưng Bác luôn sống giản dị phù hợp với hoàn cảnh đất nước. - Sự giản dị đó không làm tầm thường con người Bác mà ngược lại làm cho Bác trở nên trong sáng, cao đẹp hơn. - Bác giản dị trong lúc nói, trong văn phong, cử chỉ, trang phục ... → Mức độ tích hợp: bộ phận, liên hệ * Tích hợp KNS : xác định giá trị, so sánh, tư duy phê

							phán, tự nhận thức giá trị.
		Bài 2: Trung thực	1 tiết	Tuần 2 – Tiết 2	- Hiểu được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa của trung thực. - Tự đánh giá được hành vi của bản thân và của người khác theo yêu cầu của tính trung thực. - Trung thực trong học tập và trong cuộc sống hằng ngày. - Quý trọng, ủng hộ những việc làm thẳng thắn, trung thực, không đồng tình với những hành vi thiếu trung thực trong học tập, trong cuộc sống.		* Tích hợp KNS : phân tích, so sánh, tư duy phê phán, giải quyết vấn đề, tự nhận thức giá trị.
		Bài 3: Tự trọng	1 tiết	Tuần 3 – Tiết 3	- Hiểu thế nào là tự trọng, biểu hiện và ý nghĩa của nó. - Biết đánh giá các hành vi của bản thân và của người khác biết học tập những tấm gương về lòng tự trọng. - Có ý thức và nhu cầu rèn luyện tính tự trọng		* Tích hợp vào mục a trong phần nội dung bài học. - Kiến thức: Người có tính tự trọng là người biết chấp hành pháp luật, không để người khác phải nhắc nhở. - Kỹ năng: Biết chấp hành các quy định của pháp luật phù hợp với lứa tuổi.

							- Thái độ: Tự giác chấp hành pháp luật. Văn bản luật: 1/ Luật Giao thông đường bộ năm 2008 2/ Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 3/ Luật di sản văn hóa năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) 4/ Luật Giáo dục năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) * Tích hợp KNS : so sánh, tự nhận thức giá trị, ra quyết định, tự tin
		Bài 11: Tự tin	1 tiết	Tuần 4 – Tiết 4	- Nêu được một số biểu hiện của tự tin - Nêu được ý nghĩa của tính tự tin - Biết thể hiện sự tự tin trong những công việc cụ thể. - Tin ở bản thân mình, không a dua, dao động trong hành động.		* Tích hợp KNS : phân tích, so sánh, xác định giá trị, tự tin, tự nhận thức.
2	QUAN	Chủ đề:	3 tiết	Tuần 5	- Thế nào là yêu thương	Cà bài	* Lồng ghép nội dung học

	HỆ VỚI NGƯỜI KHÁC	Yêu thương con người, đoàn kết tương trợ		+ 6 + 7– Tiết 5 + 6 + 7	mọi người, thế nào là đoàn kết tương trợ. - Biểu hiện của yêu thương mọi người. Kể được một số biểu hiện của đoàn kết, tương trợ trong cuộc sống. - Ý nghĩa của yêu thương mọi người. - Biết sống có tình thương, biết xây dựng tình đoàn kết, yêu thương mọi người từ trong gia đình đến những người xung quanh bằng những việc làm cụ thể. - Lên án hành vi độc ác đối với con người - Phản đối những hành vi gây mất đoàn kết	-> Tích hợp bài 5 với bài 7 thành một chủ đề dạy trong 3 tiết	tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về tấm gương yêu thương con người của Bác : - Bác luôn dành tình yêu thương cho mọi người. - Bác quan tâm chăm sóc từ em nhỏ đến người già, chiến sỹ, dân công; cảm thông và giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn. Và về vai trò của đoàn kết : Đoàn kết là gốc của thành công. → Mức độ tích hợp: bộ phận * Tích hợp KNS : xác định giá trị, trình bày suy nghĩ, phân tích, so sánh, giao tiếp, cảm thông, giải quyết vấn đề, hợp tác, đặt mục tiêu.
		Kiểm tra giữa HK1		Tuần 8 – Tiết 8			
		Bài 6: Tôn sư trọng đạo	1 tiết	Tuần 9 – Tiết 9	- Thế nào là tôn sư trọng đạo. - Vì sao phải tôn sư trọng đạo.		* Tích hợp KNS : suy ngẫm, hồi tưởng, xác định giá trị, tư duy phê phán, giải quyết vấn đề, tự nhận thức giá trị.

					- Ý nghĩa của tôn sư trọng đạo. - Biết thể hiện sự tôn sư trọng đạo bằng những việc làm cụ thể đối với thầy cô trong cuộc sống hàng ngày.		
		Bài 8: Khoan dung	2 tiết	Tuần 10 + 11 – Tiết 10 + 11	- Hiểu được thế nào là khoan dung. - Kể được một số biểu hiện của lòng khoan dung - Nêu được ý nghĩa của lòng khoan dung. - Biết thể hiện lòng khoan dung trong quan hệ với mọi người xung quanh. - Khoan dung độ lượng với mọi người, phê phán sự định kiến hẹp hòi cố chấp trong quan hệ giữa người với người.		* Tích hợp nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về tấm gương khoan dung của Bác : - Bác thông cảm và tha thứ cho người có lỗi lầm, biết hối cải. → Mức độ tích hợp: liên hệ * Tích hợp KNS : trình bày suy nghĩ, tư duy phê phán, giao tiếp ứng xử.
3	QUAN HỆ VỚI CÔNG	Bài 12: Sống và làm việc có kế hoạch	2 tiết	Tuần 12 + 13 – Tiết 13 + 13	- Thế nào là sống và làm việc có kế hoạch - Ý nghĩa, hiệu quả công việc khi làm việc có kế	1. Thông tin -> Hướng dẫn học sinh tự đọc	* Tích hợp KNS : trình bày suy nghĩ, đặt mục tiêu, quản lí thời gian, đảm nhận trách nhiệm.

	VIỆC				hoạch - Có ý chí, nghị lực, quyết tâm xây dựng kế hoạch - Phê phán lối sống không có kế hoạch của những người xung quanh - Biết xây dựng kế hoạch hằng ngày, hằng tuần - Biết điều chỉnh, đánh giá kết quả hoạt động theo kế hoạch.	2. Nội dung bài học: Mục b, c d -> Tích hợp thành một mục: Rèn luyện lối sống và làm việc có kế hoạch -> Hướng dẫn học sinh thực hành	
4	QUAN HỆ VỚI CỘNG ĐỒNG, ĐẤT NƯỚC, NHÂN LOẠI	Bài 9: Xây dựng gia đình văn hóa	2 tiết	Tuần 14 + 15 – Tiết 14 + 15	- Kể được những tiêu chuẩn chính của gia đình văn hoá - Hiểu được ý nghĩa của xây dựng gia đình văn hoá. - Biết phân biệt các biểu hiện đúng và sai, lành mạnh và không lành mạnh trong sinh hoạt văn hoá và gia đình. - Biết tự đánh giá bản thân		* Tích hợp vào mục a và b trong phần nội dung bài học. + Kiến thức: -Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, trong đó có nghĩa vụ chấp hành pháp luật là tiêu chuẩn của một gia đình văn hóa. * Lồng ghép GD QP và AN vào mục 2 – a (5') -> Hình ảnh lực lượng vũ trang tham gia xây dựng nông thôn mới

					trong việc đóng góp xây dựng gia đình. - Biết thể hiện hành vi văn hoá trong cư xử, lối sống của gia đình - Tích cực tham gia xây dựng gia đình văn hoá.	- Thành viên gia đình văn hóa không sa vào các tệ nạn xã hội. + Kỹ năng: Biết chấp hành pháp luật để góp phần xây dựng gia đình văn hóa. + Thái độ: Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật để góp phần xây dựng gia đình văn hóa. Văn bản luật: 1/ Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 2/ Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) 3/ Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch ở người năm 2006 * Tích hợp GD bảo vệ môi trường vào mục d. Trách nhiệm của học sinh trong việc góp phần xây dựng gia đình văn hóa : - Học sinh góp phần xây dựng gia đình văn hóa bằng
--	--	--	--	--	--	---

							cách giữ gìn nhà ở ngăn nắp, sạch sẽ và tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường tại khu dân cư. * Tích hợp KNS : trình bày suy nghĩ, nêu và giải quyết vấn đề, quản lí thời gian, đảm nhận trách nhiệm.
		Bài 10: Giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ	2 tiết	Tuần 16 + 17 – Tiết 16 + 17	- Hiểu thế nào là giữ gìn phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ - Kể được một số biểu hiện giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ. - Hiểu được ý nghĩa của việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình dòng họ. - Biết xác định những truyền thống tốt đẹp của gia đình dòng họ. - Thực hiện tốt bổn phận của bản thân để tiếp nối và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình dòng họ.		* Tích hợp KNS : xác định giá trị, trình bày suy nghĩ, tư duy sáng tạo.
		Kiểm tra cuối HK1		Tuần 18 –			

				Tiết 18			
--	--	--	--	---------	--	--	--

**HỌC KÌ 2 - PHẦN 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN;
QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ NƯỚC**

STT	CHỦ ĐỀ	TÊN BÀI DẠY	SỐ TIẾT	TUẦN – TIẾT	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG GIẢM TẢI	NHỮNG NỘI DUNG TÍCH HỢP, LỒNG GHÉP
5	QUYỀN TRẺ EM; QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN TRONG GIA ĐÌNH	Bài 13: Quyền được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục của trẻ em Việt Nam	3 tiết	Tuần 19 + 20 + 21 – Tiết 19 + 20 + 21	- Biết được một số quyền cơ bản và bổn phận của trẻ em Việt Nam. - Vì sao phải thực hiện các quyền đó. - Phê phán, đấu tranh với các hành vi vi phạm quyền trẻ em. - Học sinh tự giác rèn luyện bản thân - Biết tự bảo vệ quyền và làm tốt các bổn phận - Thực hiện tốt quyền và bổn phận của mình và nhắc nhở mọi người cùng thực hiện		* Tích hợp KNS : tư duy phê phán, giải quyết vấn đề, ra quyết định, kiên định, ứng phó, tìm kiếm hỗ trợ.

6	QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI; BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN	Bài 14: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên	3 tiết	Tuần 22 + 23 + 24 – Tiết 22 + 23 + 24	- Khái niệm môi trường, vai trò, ý nghĩa đặc biệt quan trọng của môi trường đối với sự sống và phát triển của con người. - Hình thành trong học sinh tính tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn và bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. - Lên án, phê phán, đấu tranh ngăn chặn các biểu hiện, hành vi phá hoại, làm ô nhiễm môi trường.	1. Thông tin, sự kiện -> Cập nhật thông tin/ số liệu mới và hướng dẫn học sinh tự đọc. 2. Nội dung bài học: Mục c -> Khuyến khích học sinh tự học	* Tích hợp GD bảo vệ môi trường vào toàn bài : - Môi trường, TNTN là gì ? - Các yếu tố của môi trường và TNTN. - Tầm quan trọng của môi trường và TNTN đối với con người. - Tình hình môi trường và TNTN hiện nay ở nước ta. - Một số quy định cơ bản của pháp luật nước ta về bảo vệ môi trường và TNTN. * Tích hợp KNS : tìm kiếm và xử lý thông tin, tư duy phê phán. * Lồng ghép GD QP và AN: Liên hệ thực tế ở mục 2
---	---	--	--------	--	--	---	---

							(5') -> Nêu gương cá nhân hoặc tập thể bảo vệ môi trường
7	QUYỀN, NGHĨA VỤ CÔNG DÂN VỀ VĂN HÓA, GIÁO DỤC VÀ KINH TẾ	Bài 15: Bảo vệ di sản văn hóa	3 tiết	Tuần 25 + 26 + 27 – Tiết 25 + 26 + 27	- Khái niệm di sản văn hóa bao gồm di sản phi vật thể và di sản văn hóa vật thể - Hiểu sự khác nhau giữa di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể - Ý nghĩa của việc giữ gìn bảo vệ di sản văn hóa - Những quy định của pháp luật về sử dụng và bảo vệ di sản văn hóa - Có ý thức giữ gìn và bảo vệ tôn tạo những di sản văn hóa. Ngăn ngừa những hành động cố tình hay cố ý xâm phạm đến di sản văn hóa. - Tuyên truyền cho mọi người tham gia giữ gìn bảo vệ di sản văn hóa	1. Thông tin sự kiện -> Hướng dẫn học sinh tự đọc 2. Nội dung bài học: Mục b -> Khuyến khích học sinh tự học	* Tích hợp GD bảo vệ môi trường vào mục b. Ý nghĩa của việc bảo vệ di sản văn hóa và mục c. Những quy định của pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa : - Di sản văn hóa vật thể là một bộ phận của môi trường. Bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh là bảo vệ môi trường. - Quy định của pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường. * Tích hợp KNS : tư duy sáng tạo, đặt

							mục tiêu, đảm nhận trách nhiệm, quản lí thời gian. * Lòng ghép GD QP và AN: Liên hệ thực tế ở mục 2 - c (5') -> Nêu những tấm gương cá nhân và tập thể góp phần bảo vệ di sản văn hóa
		Kiểm tra giữa HK2		Tuần 28 – Tiết 28			
8	CÁC QUYỀN TỰ DO, DÂN CHỦ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN	Bài 16: Quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo		Tuần 29 + 30 – Tiết 29 + 30	- Nêu được các khái niệm về tín ngưỡng, tôn giáo, mê tín dị đoan. - Biết phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo với mê tín dị đoan. - Biết tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo - Lên án, phê phán các hiện tượng mê tín dị đoan.	1. Thông tin, sự kiện -> Cập nhật thông tin/ số liệu mới và hướng dẫn học sinh tự đọc.	* Tích hợp KNS : phân tích, so sánh, thu thập và xử lí thông tin, tư duy phê phán, kiên định, tự tin. * Lòng ghép GD QP và AN: Mục 1 – Tìm hiểu thông tin (5') -> Nêu ví dụ về quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo

9	NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	Chủ đề: Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam		Tuần 31 + 32 + 33 + 34 – Tiết 31 + 32 + 33 + 34	- Nhà nước CHXHCNVN là nhà nước của ai ra đời từ bao giờ, do ai (Đảng nào) lãnh đạo? - Cơ cấu tổ chức nhà nước ta hiện nay bao gồm những loại cơ quan nào? Phân chia giai cấp thế nào? - Biết thực hiện pháp luật, qui định của địa phương, qui định qui chế nội qui của nhà trường, giúp đỡ nhà nước làm nhiệm vụ - Biết đấu tranh hiện tượng vô kỉ luật - Hình thành ý thức tự giác thực hiện chính sách pháp luật và tin thần trách nhiệm bảo vệ cơ quan nhà nước.	Cả bài -> Tích hợp bài 17 với bài 18 thành một chủ đề Lấy dẫn chứng bộ máy Nhà nước cấp cơ sở (bài 18) làm ví dụ phân tích cho (bài 17)	* Tích hợp KNS : xử lí thông tin, tư duy phê phán, giải quyết vấn đề. * Lòng ghép GDQP và AN: Mục 1 – Tìm hiểu thông tin (10') -> Hình ảnh về Cách mạng Tháng Tám, Quốc khánh, Chiến thắng Điện Biên Phủ và ngày 30-4-1975
		Kiểm tra cuối HK2		Tuần 35 – Tiết 35			

Phụ lục III
KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC BỘ MÔN GD CD KHỐI LỚP 8
(Năm học 2021 - 2022)
HỌC KÌ 1 - PHẦN 1: CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC

STT	CHỦ ĐỀ	TÊN BÀI DẠY	SỐ TIẾT	TUẦN – TIẾT	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG GIẢM TẢI	NHỮNG NỘI DUNG TÍCH HỢP, LỒNG GHÉP
1	QUAN HỆ VỚI BẢN THÂN	Bài 10: Tự lập	1 tiết	Tuần 1 – Tiết 1	- Hiểu được thế nào là tự lập. - Nêu được biểu hiện của người có tính tự lập. - Hiểu được ý nghĩa của tính tự lập. - Biết tự giải quyết, tự làm những công việc hàng ngày của bản thân trong học tập, lao động, sinh hoạt. - Ưa thích tính tự lập, không dựa dẫm, ỷ lại dựa dẫm vào người khác. - Cảm phục và tự giác học hỏi những bạn, những người xung quanh biết sống tự lập.		* Tích hợp KNS: xác định giá trị, trình bày suy nghĩ, tự tin, đặt mục tiêu, đảm nhận trách nhiệm.
2	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI KHÁC	Bài 1: Tôn trọng lẽ phải	1 tiết	Tuần 2 – Tiết 2	- Học sinh hiểu được sự cần thiết phải bảo vệ và tôn trọng lẽ phải. - Thực hiện được việc		* Tích hợp KNS : trình bày suy nghĩ, phân tích, so sánh, tư duy phê phán, ứng xử giao tiếp.

					bảo vệ lẽ phải bằng lời nói, hành động phù hợp với lứa tuổi. - Khích lệ động viên bạn bè có thái độ, hành động, hành vi bảo vệ lẽ phải; phê phán những thái độ hành vi không bảo vệ lẽ phải.		
		Bài 3: Tôn trọng người khác	1 tiết	Tuần 3 – Tiết 3	- Học sinh hiểu thế nào là tôn trọng người khác. - Biểu hiện của tôn trọng người khác trong cuộc sống hằng ngày. - Biết tôn trọng bạn bè ở mọi lúc mọi nơi. - Biết phân biệt hành vi không tôn trọng người khác. - Ý nghĩa của việc tôn trọng người khác.		* Tích hợp GD bảo vệ môi trường vào mục 2. Biểu hiện của tôn trọng người khác : - Các hành vi, việc làm bảo vệ môi trường là coi trọng cuộc sống của mình và mọi người, là thể hiện sự tôn trọng người khác. * Tích hợp KNS : tư duy phê phán, phân tích, so sánh, ra quyết định, kiểm soát cảm xúc, giao tiếp.
		Bài 4: Giữ chữ tín	1 tiết	Tuần 4 – Tiết 4	- Học sinh hiểu được thế nào là giữ chữ tín. - Phân biệt hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ		* Tích hợp nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về tám gương giữ

					tín. - Học sinh biết rèn luyện giữ chữ tín trong cuộc sống. - Ý nghĩa của việc giữ chữ tín.		chữ tín của Bác : - Bác luôn giữ lời hứa với mọi người và coi trọng lòng tin của mọi người với mình. → Mức độ tích hợp: liên hệ * Tích hợp KNS : xác định giá trị, trình bày suy nghĩ, tư duy phê phán, giải quyết vấn đề, ra quyết định.
		Bài 6: Xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh	2 tiết	Tuần 5 + 6 – Tiết 5 + 6	- Hiểu thế nào là tình bạn . - Nêu được những biểu hiện của tình bạn trong sáng, lành mạnh . - Hiểu được ý nghĩa của tình bạn trong sáng lành mạnh. - Biết xây dựng tình bạn trong sáng lành mạnh với các bạn trong lớp, trong trường và cộng đồng. - Tôn trọng và mong		* Tích hợp KNS : xác định giá trị, trình bày suy nghĩ, ứng xử, giao tiếp, cảm thông, chia sẻ, nêu và giải quyết vấn đề.

					muốn xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh. - Quý trọng những người có ý thức xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh.		
3	QUAN HỆ VỚI CÔNG VIỆC	Bài 2: Liêm khiết	1 tiết	Tuần 7 – Tiết 7	- Học sinh hiểu được thế nào là liêm khiết, biểu hiện của tính liêm khiết. - Biết phân biệt trái với liêm khiết là tham ô, làm giàu bất chính. - Có thái độ phê phán những hành vi thiếu liêm khiết, ủng hộ học tập theo tấm gương liêm khiết. - Ý nghĩa của việc sống liêm khiết.	I. Đặt vấn đề Hướng dẫn học sinh tự đọc	Tích hợp vào mục 1 trong phần nội dung bài học. - Về kiến thức: Người sống liêm khiết luôn chấp hành đúng pháp luật về sử dụng tiền bạc, tài sản của Nhà nước và của tập thể - Kỹ năng: Phân biệt được hành vi liêm khiết với hành vi không liêm khiết. - Thái độ: Kính trọng những người sống liêm khiết; phê phán những hành vi tham nhũng. Văn bản luật: Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2007) * Tích hợp nội dung học

						tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về tấm gương liêm khiết của Bác : - Cuộc đời của Bác Hồ sống trong sạch; không ham danh, lợi; không toan tính riêng tư cho bản thân; khước từ những ưu đãi dành riêng cho Chủ tịch nước để chăm lo cho nhân dân, đất nước. → Mức độ tích hợp: liên hệ * Tích hợp KNS : xác định giá trị, phân tích, so sánh, tư duy phê phán.
		Bài 11: Lao động tự giác và sáng tạo	2 tiết	Tuần 8 + 9 – Tiết 8 + 9	- Hiểu thế nào là lao động tự giác, sáng tạo. - Nêu được những biểu hiện của sự tự giác sáng tạo trong lao động, trong học tập. - Hiểu được ý nghĩa của lao động tự giác sáng tạo. - Biết lập kế hoạch học	* Tích hợp KNS : tư duy phê phán, phân tích so sánh, đặt mục tiêu, quản lí thời gian, đảm nhận trách nhiệm.

					tập, lao động biết điều chỉnh lựa chọn các biện pháp cách thức thực hiện để đạt kết quả cao trong lao động và học tập. - Tích cực tự giác và sáng tạo trong học tập lao động - Quý trọng những người tự giác sáng tạo trong học tập và lao động phê phán những biểu hiện lười nhác trong học tập và lao động		
		Kiểm tra giữa HK1		Tuần 10 – Tiết 10			
4	PHÁP LUẬT VÀ KỈ LUẬT	Chủ đề: Pháp luật và kỉ luật	4 tiết	Tuần 11 + 12 + 13 + 14 – Tiết 11 + 12 + 13 + 14	- Học sinh hiểu về pháp luật, kỉ luật; mối quan hệ giữa pháp luật và kỉ luật. - Thực hiện đúng quy định của pháp luật, kỉ luật ở mọi lúc mọi nơi. - Biết nhắc nhở bạn bè và mọi người xung quanh thực hiện đúng kỉ luật và pháp luật.	Cả bài -> Tích hợp bài 5 với bài 21 thành một chủ đề dạy trong 4 tiết	Tích hợp vào mục 1, 4, 5 trong phần nội dung bài học. + Kiến thức: - Pháp luật là quy tắc xử sự chung, bắt buộc chung đối với mọi người. - Pháp luật tạo điều kiện cho xã hội phát triển trong vòng trật tự.

					- Đồng tình ủng hộ những hành vi đúng pháp luật và kỉ luật; phê phán hành vi vi phạm kỉ luật và pháp luật.	+ Kỹ năng Biết chấp hành và biết nhắc nhở mọi người xung quanh cùng chấp hành pháp luật. + Thái độ: - Tôn trọng các quy định của pháp luật. - Đồng tình, ủng hộ những hành vi đúng pháp luật; phê phán những hành vi làm trái pháp luật. * Lồng ghép GD QP và AN: Mục 1 – Đặt vấn đề (5') -> Ví dụ để chứng minh nếu kỷ luật nghiêm thì pháp luật được giữ vững. -> Liên hệ một số Điều gắn với quốc phòng và an ninh để lồng ghép.
--	--	--	--	--	--	---

5	QUAN HỆ VỚI CỘNG ĐỒNG, ĐẤT NƯỚC, NHÂN LOẠI	Bài 8: Tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác	1 tiết	Tuần 15 – Tiết 15	- Học sinh hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác; biết cách tiếp thu một cách chọn lọc; tích cực học tập nâng cao hiểu biết và tham gia các hoạt động xây dựng tình hữu nghị giữa các dân tộc. - Học sinh biết phân biệt được hành vi đúng sai trong việc học hỏi các dân tộc khác; chọn lọc học hỏi cái hay cái tốt. - Học sinh có lòng tự hào dân tộc.		* Tích hợp KNS : thu thập và xử lí thông tin, tư duy sáng tạo, hợp tác, tư duy phê phán.
		Bài 9: Góp phần xây dựng nếp sống văn hóa ở cộng đồng dân cư	2 tiết	Tuần 16 + 17 – Tiết 16 + 17	- Hiểu được thế nào là cộng đồng dân cư và xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư. - Hiểu được ý nghĩa của việc xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư. - Nêu được trách nhiệm của học sinh trong việc		Tích hợp vào mục 2, 4 trong phần nội dung bài học. - Kiến thức: Chấp hành pháp luật về hôn nhân và gia đình, về bảo vệ môi trường, về phòng, chống tệ nạn xã hội là góp phần xây dựng nếp sống văn hóa ở cộng đồng dân cư.

					tham gia xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng. - Thực hiện các quy định về nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư. - Tham ra các hoạt động tuyên truyền, vận động xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư.		- Kỹ năng: Biết tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật hôn nhân và gia đình, bảo vệ môi trường và phòng, chống tệ nạn xã hội. - Thái độ: Đồng tình, ủng hộ và tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật về hôn nhân và gia đình, bảo vệ môi trường và phòng, chống tệ nạn xã hội. Văn bản luật: 1/ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 2/ Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 3/ Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) * Tích hợp GD bảo vệ môi trường vào mục 2.Thế nào là xây dựng nếp sống văn hóa ở cộng đồng dân cư và mục 4.Trách nhiệm của học
--	--	--	--	--	--	--	---

							sinh: - Mọi người trong cộng đồng đều có ý thức bảo vệ môi trường nơi ở là biểu hiện của nếp sống văn hóa ở cộng đồng dân cư. - Thực hiện và vận động bạn bè, người thân thực hiện các hành vi việc làm bảo vệ môi trường. * Tích hợp KNS : tìm kiếm và xử lý thông tin, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề.
		Kiểm tra cuối HK1		Tuần 18 – Tiết 18			

**HỌC KÌ 2 - PHẦN 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN;
QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ NƯỚC**

STT	CHỦ ĐỀ	TÊN BÀI DẠY	SỐ TIẾT	TUẦN – TIẾT	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG GIÁM TÀI	NHỮNG NỘI DUNG TÍCH HỢP, LỒNG GHEP
-----	--------	-------------	---------	-------------	-----------------	-------------------	------------------------------------

6	QUYỀN TRẺ EM; QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN TRONG GIA ĐÌNH	Bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình	2 tiết	Tuần 19 + 20 – Tiết 19 + 20	- Biết được một số quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình. - Hiểu được ý nghĩa của quyền và nghĩa vụ công dân trong gia đình. - Biết phân biệt hành vi thực hiện đúng với các hành vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân trong gia đình. - Thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của bản thân trong gia đình. - Yêu quý các thành viên trong gia đình. - Tôn trọng quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.	* Tích hợp KNS : tư duy phê phán, trình bày suy nghĩ, đánh giá, nêu và giải quyết vấn đề, kiên định.
7	QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI; BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ	Bài 13: Phòng, chống tệ nạn xã hội	2 tiết	Tuần 21 + 22 – Tiết 21 + 22	- Giúp học sinh hiểu thế nào là tệ nạn xã hội và tác hại của nó. - Một số quy định cơ bản của pháp luật nước ta về phòng chống tệ	* Tích hợp KNS : thu thập và xử lý thông tin, tư duy phê phán, ứng phó, tự bảo vệ, tìm kiếm sự trợ giúp, tự tin, kiên định, kiểm soát cảm xúc.

TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN				nạn xã hội và ý nghĩa của nó. - Trách nhiệm của công dân nói chung, của học sinh nói riêng trong phòng chống tệ nạn xã hội và biện pháp phòng tránh. - Nhận biết được những biểu hiện của tệ nạn xã hội. Biết phòng ngừa tệ nạn xã hội cho bản thân, tích cực tham gia các hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội ở trường và ở địa phương.		* Lồng ghép GD QP và AN: Tác hại của tệ nạn xã hội (5') -> Ví dụ để chứng minh những tác hại của các tệ nạn xã hội đã và đang tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là đối với thanh thiếu niên.
	Bài 14: Phòng, chống nhiễm HIV/AIDS	1 tiết	Tuần 23 – Tiết 23	- Học sinh hiểu tính chất nguy hiểm của HIV/AIDS - Các biện pháp phòng tránh nhiễm HIV/AIDS , những quy định của pháp luật về phòng chống nhiễm HIV/AIDS, trách nhiệm của công dân. - Học sinh biết giữ mình		* Tích hợp KNS : tìm kiếm và xử lí thông tin, tư duy sáng tạo, cảm thông, chia sẻ.

					để không bị nhiễm HIV/AIDS. - Tích cực tham gia các hoạt động phòng chống nhiễm HIV/AIDS. - Học sinh có thái độ ủng hộ những hoạt động phòng chống nhiễm HIV/AIDS. - Không phân biệt đối xử với người bị nhiễm HIV/AIDS .		
		Bài 15: Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại	1 tiết	Tuần 24 – Tiết 24	- Nắm được những quy định thông thường của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí cháy, nổ và các chất độc hại. - Phân tích được tính nguy hiểm của vũ khí, các chất dễ cháy, gây nổ và các chất độc hại khác. - Phân tích được các biện pháp nhằm phòng ngừa các tai nạn trên. - Nhận biết được các hành vi vi phạm các quy định của nhà nước về	I. Đặt vấn đề: Mục 1, 2, 3 Cập nhật thông tin, số liệu mới	* Tích hợp GD bảo vệ môi trường vào toàn bài : - Tồn thất của các tai nạn do vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại gây ra không những làm thiệt hại về người, về vật chất mà còn gây ô nhiễm môi trường. - Quy định của pháp luật về các cơ quan, tổ chức XH, cá nhân được Nhà nước giao

					phòng ngừa các tai nạn trên. - Biết cách phòng ngừa và nhắc nhở người khác đề phòng tai nạn vũ khí cháy nổ và các chất độc hại. - Nghiêm chỉnh chấp hành quy định của pháp luật nhắc nhở mọi người cùng thực hiện.	nhệm vụ và cho phép quản lý sử dụng vũ khí, chất cháy, nổ và độc hại. - Trách nhiệm của học sinh : thực hiện và tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt các quy định về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. Tổ cáo những hành vi vi phạm các quy định về vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. * Tích hợp KNS : tìm kiếm và xử lí thông tin, tư duy sáng tạo, ứng phó. * Lòng ghép GD QP và AN: Tìm hiểu thông tin (5') -> Ví dụ bằng hình ảnh về các vụ tai nạn,
--	--	--	--	--	--	--

							cháy nổ gây ra
8	QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN VÀ NGHĨA VỤ TÔN TRỌNG TÀI SẢN CỦA NGƯỜI KHÁC, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC VÀ LỢI ÍCH CÔNG CỘNG	Chủ đề: Quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác, tài sản Nhà nước và lợi ích công cộng	4 tiết	Tuần 25 + 26 + 27 + 28 – Tiết 25 + 26 + 27 + 28	- Học sinh hiểu nội dung của quyền sở hữu - Biết những tài sản thuộc quyền sở hữu của công dân. - Học sinh biết cách tự bảo vệ quyền sở hữu. - Hình thành bồi dưỡng cho học sinh ý thức tôn trọng tài sản của mọi người và đấu tranh với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu. - Giúp HS nắm được tài sản của nhà nước bao gồm những gì. - Một số quy định của nhà nước về bảo vệ tài sản nhà nước và lợi ích công cộng. - HS biết bảo vệ, tôn trọng TS của nhà nước, lợi ích công cộng. - HS tuân theo các quy		* Tích hợp GD bảo vệ môi trường vào mục 1. Thế nào là tài sản Nhà nước và mục 2. Trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ và tôn trọng tài sản và lợi ích công cộng : - Tài nguyên thiên nhiên, vùng trời, vùng biển, đất đai, sông, suối ... đều là tài sản của Nhà nước. - Trách nhiệm của học sinh : giữ gìn vệ sinh chung, tiết kiệm điện nước, đấu tranh với những hành vi làm ô nhiễm môi trường, phá hoại TNTN ... * Tích hợp KNS : tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, ra quyết

					định của PL và đấu tranh chống các hành vi xâm phạm tài sản.		định, phân tích so sánh, giải quyết vấn đề. * Lồng ghép GD QP và AN: Mục 1 – Đặt vấn đề (5') -> Đưa ra các ví dụ để chứng minh
		Kiểm tra giữa HK2		Tuần 29 – Tiết 29			
9	CÁC QUYỀN TỰ DO, DÂN CHỦ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN	Bài 18: Quyền khiếu nại, tố cáo của công dân	1 tiết	Tuần 30 – Tiết 30	- HS nắm được nội dung quyền khiếu nại, quyền tố cáo của công dân và sự cần thiết của 2 quyền đó. - Học sinh biết được trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân khi khiếu nại, tố cáo, Trách nhiệm của các cơ quan, cán bộ nhà nước trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo. - HS biết phân biệt được sự khác nhau giữa quyền khiếu nại, tố cáo;		* Lồng ghép GD bảo vệ môi trường vào phần củng cố, luyện tập về quyền khiếu nại tố cáo của công dân ; - Đưa tình huống, truyện kể, ví dụ, ... về việc công dân có trách nhiệm tố cáo những hành vi làm ô nhiễm môi trường, phá hoại TNTN. * Tích hợp KNS : phân tích so sánh, tư

					- Biết cách thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo bảo vệ các quyền của mình. thực hiện quyền KN, TC có hiệu quả. - HS tuân theo các quy định của Pháp luật trung thực trong quá trình thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo. HS biết đấu tranh chống những hành vi vi phạm pháp luật.		duy phê phán, ra quyết định, ủng hộ. * Lồng ghép GD QP và AN: Mục 1 – Đặt vấn đề (5’) -> Đưa ra các ví dụ để chứng minh
		Bài 19: Quyền tự do ngôn luận	2 tiết	Tuần 31 + 32 – Tiết 31 + 32	- HS hiểu nội dung, ý nghĩa của quyền tự do ngôn luận . - HS biết sử dụng đúng đắn quyền tự do ngôn luận theo quy định của pháp luật, phát huy quyền làm chủ của công dân . - Nâng cao nhận thức về tự do và ý thức tuân theo pháp luật trong học sinh phân biệt được thể nào là tự do ngôn luận và lợi dụng tự do ngôn luận để		* Tích hợp KNS :tìm và xử lí thông tin, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, trình bày suy nghĩ, tự tin. * Lồng ghép GD QP và AN: Mục 1 – Đặt vấn đề (5’) -> Đưa ra các ví dụ để chứng minh

					phục vụ mục đích xấu.		
10	NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	Bài 20: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2 tiết	Tuần 33 + 34 – Tiết 33 + 34	- HS nhận biết được Hiến pháp là đạo luật cơ bản của nhà nước; hiểu vị trí vai trò của Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam - Nắm được những nội dung cơ bản của Hiến Pháp năm 1992. - HS có nếp sống và thói quen “Sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật” - Hình thành trong học sinh ý thức “Sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật”		* Lồng ghép GD QP và AN: Mục 1 – Đặt vấn đề (5’) -> Liên hệ một số Điều gắn với quốc phòng và an ninh để lồng ghép
		Kiểm tra cuối HK2		Tuần 35 – Tiết 35	Kiểm tra học kì 2		

Phụ lục IV
KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC BỘ MÔN GDCD KHỐI LỚP 9
(Năm học 2021 - 2022)

STT	Chủ đề	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)
1	QUAN HỆ VỚI BẢN THÂN	Tự chủ	2	- Hiểu được thế nào là tự chủ - Nêu được biểu hiện của người có tính tự chủ - Hiểu được vì sao con người cần phải biết tự chủ - Có khả năng làm chủ bản thân trong học tập, sinh hoạt - Có ý thức rèn luyện tính tự chủ	<i>Tích hợp vào mục 1 trong phần nội dung bài học.</i> + Kiến thức: - Người có tính tự chủ luôn biết điều chỉnh hành vi của mình, làm đúng quy định của pháp luật. - Mỗi người cần rèn luyện tính tự chủ trong mọi trường hợp đều phải xử sự đúng pháp luật. + Kỹ năng: Biết làm chủ bản thân, không làm trái pháp luật. + Thái độ: Có ý thức rèn luyện tính tự chủ trong việc chấp hành pháp luật. * Tích hợp KNS : ra quyết định, kiên định, tự tin, kiểm soát cảm xúc. Tích hợp chủ đề: Thích ứng với thay đổi và quản lý thời gian hiệu quả → Người tự chủ luôn biết thích ứng với sự thay đổi, biết quản lý

STT	Chủ đề	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)
					thời gian học tập, sinh hoạt của bản thân hiệu quả.
2	QUAN HỆ VỚI CÔNG VIỆC	Chí công vô tư	1	- Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng. - Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng. - Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày. - Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.	* <i>Lồng ghép nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về tấm gương chí công, vô tư của Bác :</i> - Trong công việc, Bác luôn công bằng không thiên vị. - Bác luôn đặt lợi ích chung của đất nước, của nhân dân lên trên lợi ích của bản thân. * <i>Tích hợp KNS :</i> tìm và xử lý thông tin, tư duy phê phán, trình bày suy nghĩ, ra quyết định.
		Chủ đề: Năng động, sáng tạo và làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả (Tích hợp bài	3	- Hiểu được thế nào là năng động, sáng tạo và làm việc có năng suất chất lượng hiệu quả. - Hiểu được ý nghĩa của năng động, sáng tạo và làm việc có năng suất chất lượng hiệu quả - Biết cần làm gì để trở thành người năng động, sáng tạo và	* <i>Tích hợp KNS :</i> tư duy sáng tạo, tư duy phê phán, tìm kiếm và xử lý thông tin, đặt mục tiêu, ra quyết định và giải quyết vấn đề. Tích hợp chủ đề: Thích ứng với thay đổi và quản lý thời gian hiệu quả -> Người năng động, sáng tạo

STT	Chủ đề	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)
		8 +9)		làm việc có năng suất chất lượng hiệu quả - Năng động, sáng tạo và làm việc có năng suất chất lượng hiệu quả trong học tập, lao động và trong sinh hoạt hàng ngày - Tôn trọng những người sống năng động, sáng tạo và làm việc có năng suất chất lượng hiệu quả	luôn biết thích ứng với sự thay đổi, biết quản lý thời gian học tập, lao động, sinh hoạt của bản thân. -> Muốn làm việc năng suất, chất lượng, hiệu quả phải biết thích ứng với sự thay đổi, biết quản lý thời gian lao động một cách hiệu quả.
		Dân chủ và kỷ luật	2	- Hiểu được thế nào là dân chủ và kỷ luật - Hiểu được mối quan hệ giữa dân chủ và kỷ luật - Hiểu được ý nghĩa của dân chủ và kỷ luật - Biết thực hiện quyền dân chủ và chấp hành tốt kỷ luật của tập thể - Có thái độ tôn trọng quyền dân chủ và kỷ luật của tập thể	* Tích hợp KNS : tư duy phê phán, trình bày suy nghĩ. * Lồng ghép GD QP và AN: Phần II - 2 - Mối quan hệ giữa dân chủ và kỷ luật → Ví dụ để chứng minh dân chủ phải có kỷ luật trong điều kiện xã hội hiện nay

STT	Chủ đề	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)
				▲ Thực hiện theo hướng dẫn <u>Công văn 3280 về hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung day học cấp THCS, THPT.</u>	
3	<i>Kiểm tra giữa HK1</i>				
4	QUAN HỆ VỚI CỘNG ĐỒNG, ĐẤT NƯỚC, NHÂN LOẠI	Chủ đề Tình hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc trên thế giới (Tích hợp bài 5 + 6)	3	- Hiểu được thế nào là tình hữu nghị và hợp tác cùng phát triển giữa các dân tộc trên thế giới - Hiểu được ý nghĩa của quan hệ hữu nghị và hợp tác cùng phát triển giữa các dân tộc trên thế giới - Biết thể hiện tình hữu nghị và hợp tác cùng phát triển với người nước ngoài khi gặp gỡ, tiếp xúc. - Tham gia các hoạt động đoàn kết hữu nghị hợp tác cùng phát triển do nhà trường, địa phương tổ chức - Tôn trọng, thân thiện với người nước ngoài khi gặp gỡ, tiếp xúc - Hiểu được Chính sách đối ngoại	* Tích hợp GD bảo vệ môi trường vào mục 2. Ý nghĩa của sự hợp tác quốc tế : - Ý nghĩa của sự hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ môi trường và TNTN. * Tích hợp KNS : giao tiếp, xác định giá trị, tư duy phê phán, tìm và xử lí thông tin, hợp tác.

STT	Chủ đề	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)
				và nêu được nguyên tắc hợp tác quốc tế của Đảng và Nhà nước ta. Ủng hộ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hợp tác quốc tế ▲ Thực hiện theo hướng dẫn <u>Công văn 3280 về hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT</u>	
		Bảo vệ hòa bình	2	- Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình. - Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình. - Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình. - Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình. - Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.	* Tích hợp KNS : xác định giá trị, giao tiếp, tìm và xử lý thông tin, tư duy phê phán. * Lồng ghép GD QP và AN: Phần II - 2 – Vì sao phải bảo vệ hòa bình ➔ Ví dụ chứng minh có môi trường hòa bình mới phát triển kinh tế để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

STT	Chủ đề	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)
				▲ Thực hiện theo hướng dẫn <u>Công văn 3280 về hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT</u>	
		Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc	2	- Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Nhận biết được giá trị của các truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống của dân tộc.	* Lồng ghép nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc ở Bác : - Bác Hồ không những tiếp nhận truyền thống đạo đức của dân tộc mà còn phát huy truyền thống đó bằng cách thực hiện tốt các giá trị đạo đức của dân tộc nên đã trở thành tấm gương đạo đức trong sáng, cao đẹp toả sáng để mọi người noi theo. → Mức độ tích hợp: bộ phận * Tích hợp KNS : xác định giá trị, trình bày suy nghĩ, đặt mục tiêu, thu thập và xử lý thông tin. * Lồng ghép GD QP và AN: Phần I – Đặt vấn đề

STT	Chủ đề	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)
					→ Những tấm gương về truyền thống yêu nước qua các thời kỳ chiến đấu và bảo vệ Tổ quốc
		Lý tưởng sống của thanh niên (Ngoại khóa)	1	- Nêu được khái niệm sống có lý tưởng. - Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lý tưởng. - Nhận biết được lý tưởng sống của thanh niên Việt Nam. - Xác định được lý tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lý tưởng. ▲ Hướng dẫn HS tự học theo hình thức ngoại khóa theo <u>Công văn 3280 về hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT</u>	* Tích hợp KNS : xác định giá trị, tự nhận thức, đặt mục tiêu. * Lồng ghép GD QP và AN: Phần II – Nội dung bài học → Kể chuyện về những tấm gương các anh hùng liệt sĩ đã cống hiến cả cuộc đời mình cho cách mạng.
5	Kiểm tra cuối HKI				
6	QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN	Quyền và nghĩa vụ của công dân	2	- Hiểu được hôn nhân là gì - Nêu được các nguyên tắc cơ	* Tích hợp KNS : tư duy phê phán, trình bày suy nghĩ, thu thập và xử lý thông tin.

STT	Chủ đề	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)
	TRONG GIA ĐÌNH	trong hôn nhân		bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta - Kể được các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong hôn nhân - Biết được tác hại của việc kết hôn sớm - Biết thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bản thân trong việc chấp hành luật HN&GD ở nước ta. - Nghiêm chỉnh chấp hành luật HN&GD ở nước ta - Không tán thành việc kết hôn sớm	
7	QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN	Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế	2	- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế. - Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế.	* Tích hợp KNS : tư duy phê phán, tìm kiếm và xử lý thông tin.

STT	Chủ đề	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)
				- Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế. - Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế.	
		Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân	2	- Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người. - Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động chưa thành niên. - Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động; lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động. - Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và	* Tích hợp KNS : tư duy phê phán, thu thập và xử lý thông tin, giao tiếp.

STT	Chủ đề	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)
				cộng đồng phù hợp lứa tuổi ▲ Thực hiện theo hướng dẫn <u>Công văn 3280 về hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung đạy học cấp THCS, THPT</u>	
8	NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí của công dân	2	- Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể. - Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.	* Tích hợp KNS : tư duy phê phán, tìm kiếm và xử lí thông tin, kiên định. * Lồng ghép GD QP và AN: Phần I – Đặt vấn đề → Lấy các ví dụ chứng minh khi công dân vi phạm thì chịu trách nhiệm như thế nào

STT	Chủ đề	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)
				▲ Thực hiện theo hướng dẫn <u>Công văn 3280 về hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT</u>	
Kiểm tra giữa HKII					
	NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	Quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội của công dân	2	- Nêu được thế nào là quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội của công dân. - Nêu được các hình thức tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội của công dân. - Nêu được trách nhiệm của Nhà nước và của công dân trong việc đảm bảo và thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội của công dân. - Nêu được ý nghĩa của quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội của công dân. - Biết thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội	* Tích hợp KNS : tư duy phê phán, thu thập và xử lý thông tin. * Lồng ghép GD QP và AN: Phần II – 3 - Trách nhiệm của công dân → Lấy các ví dụ về dân chủ của công dân trong đó có học sinh

STT	Chủ đề	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)
				phù hợp với lứa tuổi - Tích cực tham gia công việc của trường, của lớp, của cộng đồng phù hợp với khả năng ▲ Thực hiện theo hướng dẫn <u>Công văn 3280 về hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT</u>	
		Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc	1	- Nêu được thế nào là bảo vệ tổ quốc và nội dung của nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc. cho ví dụ minh họa. - Nêu được một số quy định của pháp luật về nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc - Tham gia các hoạt động thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc - Nhân xét, đánh giá các hành động việc làm của bản thân, người thân, bạn bè trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc	* Tích hợp KNS : ra quyết định, tư duy phê phán, thu thập và xử lý thông tin, trình bày suy nghĩ. * Lồng ghép GD QP và AN: Phần II – 3 - Trách nhiệm của công dân ➔ Trách nhiệm và nghĩa vụ của học sinh trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc

STT	Chủ đề	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)
				- Vận động người thân, bạn bè tham gia các hoạt động bảo vệ trường, lớp quê hương, đất nước bằng các việc làm phù hợp ▲ Thực hiện theo hướng dẫn <u>Công văn 3280 về hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT</u>	
	SỐNG CÓ ĐẠO ĐỨC VÀ TUÂN THEO PHÁP LUẬT	Sống có đạo đức và tuân theo pháp luật	2	- Nêu được thế nào là sống có đạo đức và tuân theo pháp luật - Nêu được mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật - Hiểu được ý nghĩa của việc sống có đạo đức và tuân theo pháp luật - Hiểu được trách nhiệm của thanh niên học sinh cần phải rèn luyện thường xuyên để sống có đạo đức và tuân theo pháp luật - Biết rèn luyện bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và pháp luật	* Tích hợp vào mục 1, 2, 4 trong phần nội dung bài học. + Kiến thức: - Thực hiện đúng quy định pháp luật là tuân theo pháp luật. - Người tuân theo pháp luật là người sống có đạo đức. + Kỹ năng: Biết thực hiện đúng pháp luật. + Thái độ: Tự giác tuân theo pháp luật. * Tích hợp GD bảo vệ môi trường vào mục 1. Thế nào là

STT	Chủ đề	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)
				- Tự giác thực hiện các nghĩa vụ đạo đức và các quy định của pháp luật trong đời sống hàng ngày	sống có đạo đức và tuân theo pháp luật và mục 4. Trách nhiệm của học sinh : - Luôn có ý thức bảo vệ môi trường và TNTN là biểu hiện của người sống có đạo đức và tuân theo pháp luật. - Học sinh có trách nhiệm bảo vệ môi trường và TNTN đồng thời vận động mọi người cùng thực hiện. * Tích hợp KNS : xác định giá trị, tư duy phê phán, ra quyết định và ứng xử phù hợp, tự nhận thức, đặt mục tiêu. * Lồng ghép GD QP và AN: Phần II – 3 - Trách nhiệm của công dân → Lấy ví dụ để khẳng định mọi công dân và học sinh đều phải tuân thủ theo Hiến pháp và pháp luật
9	NGƯỜI TIÊU	Chủ đề:	2	- Nhận biết được thế nào là tiêu	

STT	Chủ đề	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Nội dung tích hợp/lồng ghép (4)
	DỪNG THÔNG MINH	Người tiêu dùng thông minh		dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh. - Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh. - Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán, ...). - Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể. - Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.	
10	Kiểm tra cuối HKII				

2. Tổ chức dạy học.

-Ở HKI:Tổ chức dạy học cho học sinh qua internet bằng phần mềm Google Meet có kết nối với SHub Classroom của Sở GD-ĐT.

-Ở HKII tổ chức dạy học trực tiếp tại lớp,(chờ chỉ đạo từ Sở GD-ĐT).

III. Sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn

- Sinh hoạt chuyên môn: Tổ, nhóm 2 lần/tháng. Thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học; phối hợp đồng nghiệp xây dựng chủ đề dạy học, tài liệu điện tử phục vụ học tập, chuyển tài liệu đến học sinh không học tập trên hệ thống quản lý học tập (Internet);

- Dự giờ hỗ trợ giáo viên trong giảng dạy Lịch sử-Địa lí 6; giáo viên dạy trực tuyến.

- Dự thao giảng, chuyên đề TP Thủ Đức: theo kế hoạch của mạng lưới chuyên môn các nhóm bộ môn.

IV. Các nội dung khác:

1.Triển khai văn bản 4363/GDDT-GDTrH về xây dựng, sử dụng kho học liệu số:

- Triển khai văn bản đến giáo viên trong học đầu năm học của tổ bộ môn.

- Xây dựng kho bài giảng powerpoint môn Lịch sử-Địa lí, GD CD.

- Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra giữa kì và cuối kì môn Lịch sử-Địa lí 6,GD CD6 , Lịch sử, Địa lí , GD CD khối 7, 8 ,9 nhất là ngân hàng đề để dạy học qua internet.

- Xây dựng kho hình ảnh hỗ trợ dạy học môn Lịch sử, Địa lí, GD CD.

2.Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu:

- Hỗ trợ công tác tuyển chọn và bồi dưỡng học sinh tham gia đội tuyển học sinh giỏi cấp Thành phố Thủ Đức của trường THCS An Phú.

- Dạy bồi dưỡng học sinh trong đội dự tuyển học sinh giỏi cấp Trường.

- Dự kiến tuyển chọn đội dự tuyển Olympic của Trường tham gia thi Olympic thành phố HCM (theo kế hoạch của PGD)

b) Về phụ đạo học sinh yếu

- Giáo viên nhóm xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh yếu bộ môn phụ trách, lớp chủ nhiệm nếu có HS yếu vào các buổi trưa dò bài lúc sắp kiểm tra giữa kì, cuối kì..

- Giáo viên tổ KHXH sẽ xây dựng kế hoạch cá nhân theo định hướng phương pháp giáo dục ý thức tự học của học sinh khi ở nhà.

3.Tham gia cuộc thi, hội thi

- Giáo viên bộ môn Lịch sử, Địa lí sẽ bồi dưỡng học sinh tham gia thi Olympic Tp.HCM.GV môn GD&ĐT sẽ hướng dẫn HS tham gia các cuộc thi về An toàn giao thông, tìm hiểu về pháp luật ...mà Thành phố Thủ Đức, TPHCM tổ chức (nếu có).
- Tham gia thi Học sinh giỏi cấp Tp.Thủ Đức, TP.HCM môn Lịch sử, Địa lí .
- Tích cực tham gia các phong trào do trường, ngành, phòng Giáo dục tổ chức.

4. Hướng dẫn nghiên cứu khoa học: Đối với môn GD&ĐT:Tùy điều kiện, tùy đối tượng học sinh nhóm GV môn GD&ĐT có thể tổ chức:

- Nghiên cứu khoa học hành vi;
- Nghiên cứu tâm lý lứa tuổi;
- Nghiên cứu các mối quan hệ với Cha, Mẹ, Thầy, Cô, bạn, bè,...;
- Cách thức sử dụng mạng xã hội đúng cách, lành mạnh, an toàn,...
- Các hành vi chống bắt nạt, cách thức giải quyết những tình huống căng thẳng,...

V.v...

5.Nội dung khác:Nội dung khác (nếu có)

- Triển khai các văn bản mới đến giáo viên:
 - + Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 Quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và học sinh Trung học phổ thông;
 - + Thông tư 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

+ Thông tư 26/2021/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Triển khai thực hiện dạy học trực tuyến theo văn bản Số: 2310 /SGDĐT-GDTrH về việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường khi dạy học trực tuyến.

- Phối hợp thường xuyên với giáo viên chủ nhiệm lớp để xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp cho học sinh.

- Thường xuyên liên lạc, hướng dẫn học sinh học tập, trả lời các câu hỏi của học sinh qua các phương tiện thông tin truyền thông.

- Khuyến khích giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học theo chủ đề thay cho kế hoạch của từng tiết dạy vì người học có thể tự học qua hệ thống và liên quan đến các vấn đề công nghệ cho nên cần tổ chức khóa học một cách nhất quán từ việc đưa ra yêu cầu, hướng dẫn học tập đến sắp xếp, bố cục nội dung, sử dụng công nghệ, cách thức kiểm tra đánh giá.

- Thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học; phối hợp đồng nghiệp xây dựng chủ đề dạy học, tài liệu điện tử phục vụ học tập, tài liệu in ấn chuyển đến học sinh không học tập trên hệ thống quản lý học tập (Internet);

- Phối hợp thường xuyên với giáo viên chủ nhiệm lớp để xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp cho học sinh.

- Thực hiện kế hoạch dạy học và kiểm tra đánh giá theo thống nhất chung của tổ chuyên môn. Có điều chỉnh cho phù hợp đối với thực tế lớp mà giáo viên đang giảng dạy.

Trên đây là toàn bộ kế hoạch năm học của Tổ KHXH, đề nghị giáo viên biên trong tổ nghiêm túc thực hiện. Nếu có sự thay đổi hay điều chỉnh thì chờ thông báo từ BGH nhà trường. Trân trọng.

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

An Phú ngày 19 tháng 09 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

HỒ THỊ NGHĨA

MAI THỊ THU